



ISSN: 1859 - 042X

Số 7
2017

TẠP CHÍ

Môi trường

CƠ QUAN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM) Website: tapchimoitruong.vn



THỦ TƯỚNG NGUYỄN XUÂN PHÚC THỊ SÁT, KIỂM TRA TÌNH HÌNH KHẮC PHỤC SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG TẠI FORMOSA HÀ TĨNH

Ngành Tài nguyên
& Môi trường
từng bước
đi lên vững chắc

Cần có quy định
pháp lý cụ thể
về khu công nghiệp
sinh thái tại Việt Nam

Xây dựng
quy hoạch
sử dụng biển
Việt Nam



TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG



Địa chỉ: Tầng 3, Nhà C10, Đại học Bách Khoa Hà Nội

ĐT: 84-24-38681686 - Fax: 84-24-38693551

Email: inest@hust.edu.vn - Website: <http://inest.hust.edu.vn>

Viện Khoa học và Công nghệ Môi trường - Đại học Bách Khoa Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 2995/QĐ-BGD-ĐT-TCCB ngày 4/9/1998 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Viện trưởng: PGS.TS. Nghiêm Trung Dũng

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

1. Nghiên cứu và phát triển lĩnh vực khoa học và công nghệ môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững công nghiệp của đất nước.
2. Đào tạo dài hạn nguồn nhân lực trình độ cao về khoa học và công nghệ môi trường. Cung cấp các khóa đào tạo chuyên sâu ngắn hạn về quản lý và kỹ thuật môi trường.
3. Cung cấp các dịch vụ chất lượng cao trong lĩnh vực môi trường.
4. Hợp tác với các tổ chức và chuyên gia trong và ngoài nước về lĩnh vực BVMT và phát triển bền vững.



ĐỘI NGŨ CÁN BỘ

Đội ngũ cán bộ của Viện hiện là 77 người, trong đó có 1 Giáo sư, 7 Phó Giáo sư, 22 Tiến sĩ, 17 Thạc sĩ, còn lại là Kỹ sư và Cử nhân trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia công tác nghiên cứu và cung cấp dịch vụ.

CÁC ĐƠN VỊ TRONG VIỆN

Bộ môn Công nghệ môi trường; Bộ môn quản lý môi trường; Phòng thí nghiệm nghiên cứu phát triển Công nghệ môi trường; Trung tâm quan trắc môi trường và kiểm soát ô nhiễm công nghiệp và Trung tâm sản xuất sạch.

CƠ SỞ VẬT CHẤT

Tổng diện tích làm việc của viện hiện này là 1100 m². Viện được Nhà nước đầu tư nâng cấp phòng thí nghiệm nghiên cứu và phát triển công nghệ môi trường với tổng số kinh phí khoảng 45 tỷ đồng với nhiều trang thiết bị hiện đại.

THÀNH TỰU

Về công tác đào tạo: Tính đến nay Viện đã đào tạo được khoảng 2.000 kỹ sư, 700 thạc sĩ và 25 nghiên cứu sinh ngành kỹ thuật môi trường.

Về chuyển giao công nghệ và nghiên cứu khoa học: Viện đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ nhà nước về bảo vệ môi trường và các đề tài nghiên cứu khoa học, các hợp đồng dịch vụ phân tích môi trường, tư vấn đánh giá tác động môi trường và chuyển giao công nghệ môi trường.



▲ Lấy mẫu nước tại hiện trường



▲ Lấy mẫu khí thải ống khói



VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GTVT

Scientific Technological Center for Environmental Protection in Transportation (CEPT)

Trụ sở: Số 1252 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Tel: (024) 3766.3841 - 8346.314; Fax: (024) 3766.3841; Email: cept@itst.gov.vn



LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, bảo vệ môi trường trong phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải cũng như các hoạt động liên ngành liên quan tới môi trường và phát triển bền vững; Nghiên cứu công nghệ bảo vệ môi trường, công nghệ sản xuất sạch hơn; Nghiên cứu sản xuất vật liệu, thiết bị đo đạc, thiết bị xử lý phục vụ công tác bảo vệ môi trường.

- Tiếp nhận và chuyển giao công nghệ bảo vệ môi trường; Phân tích, kiểm soát xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi và tái tạo môi trường, biến đổi khí hậu và năng lượng; Tư vấn thiết kế, thi công, chuyển giao công nghệ xử lý nước cấp, nước thải, chất thải rắn, khí thải; Tham gia kiểm tra năng lực thẩm tra số liệu của phòng thí nghiệm môi trường; Tư vấn, lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, giám sát, quan trắc môi trường, điều tra xã hội học, tổ chức tham vấn cộng đồng, giải phóng mặt bằng, tái định cư, thẩm tra hồ sơ cho các giai đoạn đầu tư xây dựng công trình và các hồ sơ khác liên quan đến dự án đầu tư xây dựng công trình; Xây dựng và triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển cộng đồng, chương trình phòng chống HIV/AIDS cho các dự án; Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học; Biên soạn tiêu chuẩn, quy trình, đào tạo bồi dưỡng chuyên môn trong lĩnh vực nghiên cứu nêu trên.

- Hợp tác với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ của Trung tâm.



PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHUẨN VILAS



hoạt động và phát triển, Trung tâm đã được Bộ GTVT, Viện Khoa học và Công nghệ GTVT quan tâm đầu tư bài bản cả về nhân lực và cơ sở vật chất để phát huy tối đa khả năng nghiên cứu, thực hiện và hoàn thành mọi nhiệm vụ trong công tác bảo vệ môi trường. Trung tâm là một trong những tổ chức khoa học và công nghệ hàng đầu của ngành GTVT về nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Trung tâm đã thực hiện hơn 30 đề tài, đề án các cấp; trên 200 dự án trọng điểm về đánh giá tác động môi trường, tư vấn, giám sát, tham vấn cộng đồng, điều tra xã hội và quan trắc chất lượng môi trường... Những kết quả này đã khẳng định uy tín của Trung tâm đối với các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức doanh nghiệp trong nước cũng như các nhà tài trợ quốc tế.

Trung tâm Khoa học Công nghệ và Bảo vệ Môi trường GTVT được thành lập năm 1997 theo Quyết định số 1089/QĐ/TCCB-LĐ ngày 28/4/1997 của Bộ trưởng Bộ GTVT. Trải qua gần 20 năm



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Văn Tài
(Chủ tịch)
GS. TS. Đặng Kim Chi
TS. Mai Thanh Dung
GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng
TS. Nguyễn Thế Đồng
GS. TS. Nguyễn Văn Phước
TS. Nguyễn Ngọc Sinh
PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn
PGS. TS. Lê Kế Sơn
PGS. TS. Lê Văn Thắng
GS. TS. Trần Thực
TS. Hoàng Văn Thúc
PGS. TS. Trương Mạnh Tiến
GS. TS. Lê Văn Trình
GS. TS. Nguyễn Anh Tuấn
TS. Hoàng Dương Tùng
GS. TS. Bùi Cách Tuyến

TỔNG BIÊN TẬP

Đỗ Thanh Thủy
Tel: (024) 61281438

● **Trụ sở tại Hà Nội:** Tầng 7, Lô E2, phố Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Phòng Trị sự: (024) 66569135
Phòng Biên tập: (024) 61281446
Fax: (024) 39412053
Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn
● **Thường trú tại TP. Hồ Chí Minh:**
Phòng A 403, Tầng 4 - Khu liên cơ quan Bộ TN&MT, số 200 Lý Chính Thắng, phường 9, quận 3, TP.HCM
Tel: (028) 66814471 - Fax: (028) 62676875
Email: tcmtphianam@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

Thiết kế mỹ thuật: Nguyễn Việt Hưng

Bìa: Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc thị sát, kiểm tra tình hình khắc phục sự cố môi trường tại Formosa Hà Tĩnh

Ảnh: TTXVN

Chế bản & in:

C.ty TNHH Thương mại Hải Anh

Số 7/2017

Giá: 15.000đ



SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG

- [4] ● Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc thị sát, kiểm tra tình hình khắc phục sự cố môi trường tại Formosa Hà Tĩnh
- [5] ● Ngành TN&MT: Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, khắc phục những tồn tại để phát triển
- [6] ● Tập trung nguồn lực thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường
- [7] ● Đẩy mạnh bảo tồn đa dạng sinh học tiểu vùng Mê Công mở rộng
- [8] ● Đoàn công tác của Bộ TN&MT làm việc với tỉnh Sơn La về bảo tồn đa dạng sinh học
- [9] ● Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia năm 2016: Môi trường đô thị Việt Nam đứng trước nhiều thách thức mới



HƯỚNG TỚI KỶ NIỆM 15 NĂM THÀNH LẬP BỘ TN&MT (5/8/2002 - 5/8/2017)

- [10] PGS.TS. TRƯƠNG MẠNH TIẾN: Ngành TN&MT từng bước đi lên vững chắc
- [12] GS.TSKH. NGND PHẠM NGỌC ĐĂNG: Nhà khoa học tâm huyết vì sự nghiệp môi trường



LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH

- [15] PHẠM NGỌC SƠN - NGUYỄN ĐỨC TOÀN: Xây dựng quy hoạch sử dụng biển Việt Nam
- [17] DƯƠNG THÀNH NAM - TRẦN SƠN TÙNG: Định mức kinh tế kỹ thuật hoạt động kiểm định hiệu chuẩn phương tiện đo cho trạm quan trắc nước tự động, liên tục
- [19] LÊ ĐÀO AN XUÂN: Phú Yên triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg nhằm khắc phục ô nhiễm cải thiện môi trường



TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN

- [23] HOÀNG THU HƯƠNG: Cải tạo môi trường hồ Hoàn Kiếm - Việc làm cấp bách để duy trì hệ sinh thái hồ và cảnh quan môi trường
- [25] NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG - NGUYỄN HẢI YẾN: Cơ chế tự nguyện, linh hoạt về quản lý môi trường trong các Hiệp định thương mại tự do
- [26] NGUYỄN TRUNG DŨNG: Kinh nghiệm thế giới về ứng dụng công nghệ cây trồng biến đổi gen và đề xuất giải pháp tại Việt Nam
- [29] LÊ ĐẠI THẮNG - NGUYỄN THỊ LAN ANH: Đầu mẩu thuốc lá và sức khỏe môi trường biển - Vấn đề cần quan tâm

TRONG SỐ NÀY



GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH

- [32] NGUYỄN VIỆT ANH: Giải pháp cải thiện môi trường, kiểm soát sự cố do nước thải tại Công ty Formosa Hà Tĩnh
- [36] HÀ THU: Phát huy các sáng kiến bảo vệ môi trường trong cơ sở y tế
- [38] VŨ TUẤN ANH: Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quy Hòa: Hướng tới mô hình bệnh viện xanh - sạch - đẹp
- [40] NGUYỄN VĂN CHIẾN: Tổ chức khoa học và công nghệ hàng đầu của ngành Giao thông Vận tải trong lĩnh vực bảo vệ môi trường
- [42] LÊ THỊ TRANG: Trung tâm Bảo tồn đa dạng Nước Việt Xanh: Nâng cao trách nhiệm của cộng đồng trong giám sát bảo vệ tài nguyên thiên nhiên



TĂNG TRƯỞNG XANH

- [44] VŨ TƯỜNG ANH: Cần có quy định pháp lý cụ thể về khu công nghiệp sinh thái tại Việt Nam
- [46] DƯƠNG VĂN MÃO: Hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển điện năng lượng mặt trời tại Đắk Lắk
- [48] NGUYỄN THỊ LIÊN: Đức: Hành trình trở thành quốc gia dẫn đầu châu Âu trong phát triển kinh tế xanh



MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

- [50] SONG HƯƠNG: Chi nhánh Công ty 75 giữ vững an ninh chính trị kết hợp phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường
- [51] ĐINH THỊ MINH HƯƠNG: Thủy điện Italy đồng hành cùng phát triển và bảo vệ môi trường



MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN

- [53] ĐỨC ANH: Chuyện về người phụ nữ với công tác truyền thông môi trường
- [54] ĐỖ HUYỀN: Khám phá rừng già Ý Tý
- [56] NGUYỄN THẾ: Đẩy mạnh công tác phục hồi, tái tạo rạn san hô, cỏ biển tại Khu bảo tồn biển Lý Sơn



NHÌN RA THẾ GIỚI

- [59] HÀN TRẦN VIỆT - TRẦN BÍCH HỒNG: Kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới về áp dụng thị trường chất lượng nước





Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc thị sát, kiểm tra tình hình khắc phục sự cố môi trường tại Formosa Hà Tĩnh



▲ Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc thị sát hệ thống xử lý nước thải của Formosa Hà Tĩnh

Ngày 24/7/2017, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc dẫn đầu Đoàn công tác của Chính phủ đi thị sát, kiểm tra tình hình khắc phục sự cố môi trường tại Công ty TNHH Gang thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh (Formosa Hà Tĩnh).

Tại buổi làm việc, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà báo cáo tóm tắt kết quả giám sát môi trường Formosa Hà Tĩnh và hiện trạng môi trường biển các tỉnh miền Trung.

Đến nay, Formosa Hà Tĩnh đã khắc phục được 52/53 lỗi vi phạm; đã đầu tư vào các hạng mục liên quan đến công tác xử lý rác thải, nước thải, khí thải, giám sát môi trường thông qua hệ thống quan trắc tự động, công nghệ xử lý chất thải rắn..., với kinh phí 343 triệu USD. Hiện Bộ TN&MT đã

phối hợp chặt chẽ với tỉnh Hà Tĩnh và các cơ quan liên quan giám sát thường xuyên, liên tục việc khắc phục hậu quả của Formosa Hà Tĩnh. Kết quả giám sát cho thấy, nước thải, khí thải của Formosa Hà Tĩnh đều đạt quy chuẩn cho phép, nồng độ tổng Dioxin/Furan tại ống khói Xưởng thiêu kết (đo 3 lần ngày 17-18/2/2017) là 0,361-0,388 TEQ ng/Nm³ đạt QCVN 51:2013/BTNMT cho phép là $\leq 0,48$ TEQ ng/Nm³...

Về hoạt động đánh giá hiện trạng môi trường biển miền Trung, từ tháng 9/2016 đến nay, Bộ TN&MT liên tục cập nhật kết quả quan trắc chất lượng nước biển do Sở TN&MT các tỉnh: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế thực hiện tại 19 bãi tắm trên địa bàn 4 tỉnh với tần suất 2 tuần/lần. Tháng 5/2017, Bộ TN&MT đã đánh giá chất lượng môi

trường nước biển 4 tỉnh miền Trung sau 1 năm xảy ra sự cố; quan trắc 12 tuyến mặt cắt 4 tỉnh miền Trung, với độ sâu từ 0 - 20 m nước; lấy và phân tích mẫu nước mặt, nước tầng đáy và trầm tích tầng đáy. Kết quả cho thấy, môi trường biển 4 tỉnh miền Trung đã an toàn.

Phát biểu kết luận buổi làm việc, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc ghi nhận những cố gắng khắc phục sự cố môi trường của Formosa Hà Tĩnh. Thủ tướng yêu cầu Formosa Hà Tĩnh tiếp tục hoàn thiện công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại trong dây chuyền sản xuất để khắc phục 100% lỗi vi phạm. Trong thời gian tới, Thủ tướng giao Bộ TN&MT lắp đặt các thiết bị quan trắc, giám sát trực tiếp bảo đảm các chỉ tiêu về môi trường; thường xuyên kiểm tra, công khai các kết quả môi trường cho nhân dân. UBND tỉnh Hà Tĩnh giám sát, quan trắc trực tiếp, phối hợp chặt chẽ với Bộ TN&MT và các cơ quan; tăng cường năng lực cán bộ và các thiết bị cần thiết để làm tốt trách nhiệm được phân công. Bộ Y tế công bố chỉ tiêu, chất lượng hải sản tầng đáy tại thôn Hải Thanh, xã Kỳ Lợi. Bộ NN&PTNT ban hành kế hoạch sinh kế đối với vùng ven biển miền Trung■

HỒNG NHUNG



▲ Hệ thống hồ Chi thị sinh học tại Formosa Hà Tĩnh đã được hoàn thiện



NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG:

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, khắc phục những tồn tại để phát triển



▲ Toàn cảnh Hội nghị

Ngày 14/7/2017, tại Hà Nội, Bộ TN&MT tổ chức Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2017 nhằm đưa ra các giải pháp để đạt được các mục tiêu Chính phủ giao, đồng thời đảm bảo xây dựng Bộ “Kiến tạo, đổi mới, kỷ luật, kỷ cương, đoàn kết, sáng tạo và phát triển”.

Trong 6 tháng đầu năm 2017, toàn ngành TN&MT đã có nhiều chuyển biến tích cực trên tất cả các lĩnh vực quản lý, các đơn vị đã từng bước hoàn thiện nề nếp, phương pháp chỉ đạo điều hành, đổi mới tư duy. Bộ đã triển khai hiệu quả các nhiệm vụ được giao như công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; công tác tổ chức cán bộ và cải cách thủ tục hành chính; công tác thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại tố cáo; phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và cung cấp dịch vụ công trực tuyến... góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Bộ trưởng Trần Hồng Hà nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác xây dựng văn bản pháp luật; cải cách thủ tục hành chính và thanh tra, kiểm tra... Theo Bộ trưởng, đây là những vấn đề quan trọng cơ bản và ưu tiên hàng đầu đối với công tác quản lý nhà nước nhằm đảm bảo tính chuyên nghiệp, hiện đại và làm vững mạnh ngành TN&MT. Để đạt được các mục tiêu đề ra, Bộ trưởng đề nghị toàn ngành phải và đặt kỷ luật, kỷ cương lên hàng đầu; công tác chỉ đạo điều hành phải có tính hệ thống và khoa học; các đơn vị cần lượng hóa các công việc, chỉ số sáng tạo, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; thiết lập hệ thống để tự đánh giá công việc, khắc phục những tồn tại để phát triển.

Trong thời gian tới, Bộ TN&MT sẽ trình Quốc hội dự án Luật Đo đạc và bản đồ; quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển; tiếp tục hoàn thiện việc đánh giá tình hình thi hành để đề xuất sửa đổi Luật Đất đai năm 2013, Luật BVMT năm 2014; trình Chính phủ Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật BVMT; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 08 Quyết định; ban hành theo thẩm quyền 70 Thông tư. Đồng thời, rà soát điều chỉnh và triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra của Bộ theo chỉ đạo tại Chỉ thị số 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; xác định nội dung, đối tượng thanh tra, kiểm tra để hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch thanh tra năm 2018 nhằm đảm bảo sự thống nhất, tránh chồng chéo giữa Trung ương và địa phương;

Bên cạnh đó, triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu TN&MT phục vụ công tác quản lý; Theo dõi chặt chẽ việc thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa trong mùa lũ; rà soát trình Thủ tướng Chính

phủ điều chỉnh các quy trình vận hành liên hồ chứa nhằm đáp ứng yêu cầu về phòng, chống, giảm lũ, cấp nước mùa cạn và phát điện; Tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 03/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; khẩn trương xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản, trong đó có văn bản quy định quản lý cát, sỏi lòng sông, bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; Tổ chức giám sát thường xuyên diễn biến về TN&MT biển, đảo, BĐKH, hoạt động khai thác tài nguyên nước ngoài biên giới bằng công nghệ viễn thám.

Đối với lĩnh vực môi trường, Bộ khẩn trương hoàn thành các nhiệm vụ theo Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể: ban hành sửa đổi các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ chỉ số đánh giá xếp hạng kết quả BVMT các tỉnh, thành phố; Danh mục các cơ sở, dự án có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường cần giám sát đặc biệt và thường xuyên; tiêu chí về môi trường làm cơ sở lựa chọn, sàng lọc loại hình sản xuất và công nghệ sản xuất trong thu hút, phê duyệt các dự án đầu tư; Ban hành quy trình nội bộ trong thẩm định, phê duyệt và hậu kiểm đánh giá tác động môi trường...

VŨ HỒNG



Tập trung nguồn lực thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

Ngày 13/7/2017, Tổng cục Môi trường tổ chức Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2017. Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân dự và chỉ đạo Hội nghị.

Ngay từ đầu năm 2017, Tổng cục Môi trường đã tập trung xây dựng, hoàn thiện và phổ biến các văn bản pháp luật về BVMT; Tổ chức thực hiện việc chấp hành chính sách, pháp luật; các công cụ, biện pháp quản lý và thủ tục hành chính về môi trường. Đến nay, Tổng cục Môi trường đã phê duyệt 2 báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC), 129 báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), 12 đề án BVMT chi tiết; Cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT cho 116 dự án; Tổ chức thẩm định 8 hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản...

Thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT, Tổng cục đã tập trung xây dựng, hoàn thiện dự thảo số 1 Đề án kiểm soát đặc biệt đối với các dự án, cơ sở có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường; Danh mục các ngành công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao. Bên cạnh đó, Tổng cục xây dựng hướng dẫn các địa phương xử lý, ứng phó với vụ việc, sự cố ô nhiễm môi trường...

Nhằm giảm thiểu những sự cố môi trường, Tổng cục đã triển khai xây dựng bộ hệ số phát thải phục vụ kiểm soát khí thải đối với một số ngành công nghiệp chính; Điều tra, thống kê, kiểm kê nguồn khí thải công nghiệp cho các ngành xi măng, nhiệt điện, lò hơi công nghiệp, thép và hóa chất; Tiến hành tính toán kiểm kê khí thải cho 5 ngành công nghiệp chính tại Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng cục đã tập trung chỉ đạo, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức các đoàn thanh, kiểm tra, xử lý gần 20 vụ việc, điểm nóng về môi trường; Chủ động tổ chức thanh, kiểm tra các cơ sở tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; Thành lập Tổ Giám sát quá trình vận hành thử nghiệm các công



trình xử lý chất thải của Dự án Nhà máy giấy Lee&Man Việt Nam; Tổ chức đoàn thanh, kiểm tra Dự án Nhà máy Bột - Giấy VNT19 tại Khu kinh tế Dung Quất (Quảng Ngãi), Công ty kim loại màu Nghệ Tĩnh (Quỳ Hợp, Nghệ An); Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình khắc phục các lỗi vi phạm của Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh...

Các hoạt động bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học (ĐDSH), phục hồi môi trường và trồng rừng tại các vùng bị suy thoái nặng do chất độc hóa học cũng có những chuyển biến rõ nét. Tổng cục xây dựng trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt Kế hoạch hành động năm 2017 của Ban chỉ đạo Chiến lược quốc gia về ĐDSH đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Phối hợp với các đơn vị hoàn thiện, trình Ban Thư ký Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) hồ sơ các Vườn quốc gia Vũ Quang (Hà Tĩnh), Ngọc Linh (Kon

Tum), Lò Gò Xa Mát (Tây Ninh), Bạch Mã (Thừa Thiên - Huế)) xem xét, công nhận khu di sản ASEAN trong năm 2017...

Có thể nói, trong 6 tháng đầu năm 2017, công tác BVMT đã có nhiều chuyển biến tích cực. Các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp đã quan tâm hơn đến công tác BVMT; Chức năng, nhiệm vụ về BVMT đã được rà soát, phân định rõ, khắc phục một số chồng chéo; các hoạt động, tuyên truyền, giáo dục về BVMT được đẩy mạnh; nhận thức và ý thức trách nhiệm của các cơ quan quản lý, doanh nghiệp, người dân được nâng cao...

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Thứ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân ghi nhận những nỗ lực, cố gắng của Tổng cục Môi trường trong việc khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác quản lý, kiểm soát tình hình ô nhiễm môi trường. Thứ trưởng đề nghị, trong 6 tháng cuối năm, Tổng

>>>



Đẩy mạnh bảo tồn đa dạng sinh học tiểu vùng Mê Công mở rộng

Ngày 7/7/2017, tại Hà Nội, đã diễn ra cuộc họp Ban chỉ đạo Dự án “Hành lang bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) tiểu vùng Mê Công mở rộng, giai đoạn 2”. Thứ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân, Trưởng ban chỉ đạo Dự án Trung ương tới dự và chỉ đạo cuộc họp.

Dự án “Hành lang bảo tồn ĐDSH tiểu vùng Mê Công mở rộng, giai đoạn 2” (Dự án BCC) do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tài trợ, được triển khai trong giai đoạn 2011 - 2019, với tổng số vốn là 34.083 triệu USD. Dự án do Bộ TN&MT làm cơ quan chủ quản và Tổng cục Môi trường là chủ Dự án. Dự án được triển khai ở 35 xã của 6 huyện thuộc 3 tỉnh Quảng Nam, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế, với 4 hợp phần: Tăng cường thể chế và cộng đồng; Phục hồi hành lang ĐDSH, bảo vệ dịch vụ hệ sinh thái, quản lý bền vững tài nguyên địa phương; Cải thiện sinh kế và hỗ trợ hạ tầng quy mô nhỏ tại các xã; Quản lý dự án và dịch vụ hỗ trợ.

Phát biểu chỉ đạo tại cuộc họp, Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân nhấn mạnh, Dự án BCC có ý nghĩa quan trọng trong công tác bảo tồn ĐDSH và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Thứ trưởng đề nghị, Ban Quản lý Dự án Trung ương và các tỉnh cần khẩn trương lên kế hoạch, đưa ra các phương án cụ thể nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai Dự án, góp phần tăng cường hợp tác và quản lý xuyên biên giới



hệ sinh thái rừng giữa các quốc gia trong tiểu vùng Mê Công mở rộng.

Để đẩy nhanh tiến độ triển khai Dự án, Tổng cục Môi trường đã có Công văn hướng dẫn việc hoàn thiện và thí điểm thành lập, quản lý hành lang ĐDSH, qua đó, tạo điều kiện để các Ban quản lý dự án cấp tỉnh có đủ cơ sở xây dựng kế hoạch chi tiết. Cùng với đó, hoạt động cải thiện sinh kế

nông nghiệp đã được Ban Quản lý dự án cấp tỉnh thực hiện, phù hợp với điều kiện tự nhiên, tập quán canh tác và đối tượng hưởng lợi của Dự án. Trong thời gian tới, Tổng cục Môi trường sẽ xây dựng kế hoạch thực hiện cho từng địa phương; đồng thời xây dựng kế hoạch truyền thông nhằm nâng cao hiểu biết của cộng đồng về Dự án...

MAI HƯƠNG

>>>

cục Môi trường cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau: Hoàn thiện, trình ban hành Nghị định sửa đổi các Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật BVMT; đề xuất, sửa đổi Luật BVMT năm 2014; Rà soát các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường; Tập trung hoàn thiện dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu, tổ chức của Tổng cục Môi trường thay thế Quyết định

số 25/2014/QĐ-TTg; Hoàn thiện các quy trình, đơn giản hóa thủ tục hành chính để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về BVMT; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, ngành trong quá trình tổ chức triển khai; xử lý nghiêm, có tính răn đe đối với các hành vi vi phạm, đồng thời kịp thời tháo gỡ vướng mắc về chính sách, pháp luật, giúp các địa phương làm tốt công tác quản

lý nhà nước trên địa bàn; Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương tổng hợp, tham mưu đề xuất phân bổ chi ngân sách nguồn sự nghiệp BVMT cho các Bộ, ngành và địa phương trong kế hoạch ngân sách năm 2018; Tiếp tục tham mưu, ban hành các cơ chế chính sách về xã hội hóa, huy động nguồn lực cho công tác BVMT...

VŨ NHUNG



Đoàn công tác của Bộ TN&MT làm việc với tỉnh Sơn La về bảo tồn đa dạng sinh học



Ngày 11/7/2017, Đoàn công tác của Bộ TN&MT do Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường Nguyễn Thế Đồng làm Trưởng đoàn đã có buổi làm việc với tỉnh Sơn La về công tác quản lý bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH).

Tại buổi làm việc, Phó Giám đốc Sở TN&MT Sơn La Phan Tiến Diện đã báo cáo tóm tắt tình hình triển khai Luật ĐDSH và thực hiện Chiến lược quốc gia về ĐDSH tại Sơn La. Hiện nay, tỉnh Sơn La có khoảng 600.000 ha rừng, độ che phủ đạt 42,8%, chủ yếu là rừng tự nhiên. Đặc biệt, tỉnh có các dạng thảm thực vật phong phú, với 1.796 loài thuộc 204 họ nằm trong 5 ngành thực vật bậc cao có mạch, trong đó có 61 loài quý hiếm được ghi trong Sách đỏ Việt Nam và 24 loài ghi trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP. Về động vật, có 1.117 loài côn trùng, thuộc 139 họ, 11 bộ; 329 loài chim thuộc 52 họ của 16 bộ; 141 loài thú thuộc 31 họ, 12 bộ; 72 loài bò sát lưỡng cư trong 16 họ; 79 loài động vật nước... Trong các loài cá nước ngọt,

có 9 loài cá quý hiếm được ghi trong Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ của IUCN.

Để triển khai thực hiện Luật ĐDSH và Chiến lược quốc gia về ĐDSH, tỉnh Sơn La đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về ĐDSH; củng cố bộ máy các cơ quan quản lý môi trường; tăng cường công tác thanh, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BVMT... Tuy nhiên, công tác quản lý, bảo tồn, điều tra ĐDSH còn chồng chéo; Sự suy giảm và mất nơi cư trú của các loài thực vật do chặt phá rừng, đốt rừng làm nương rẫy, chuyển mục đích sử dụng đất vẫn

ở mức cao. Trong thời gian tới, tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển vùng đệm, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH thông qua giao khoán bảo vệ rừng, trồng và chăm sóc rừng; khai thác tiềm năng du lịch của các khu bảo tồn, nhằm phát triển du lịch sinh thái gắn với phát triển kinh tế của người dân vùng đệm, góp phần bảo tồn ĐDSH...

Phát biểu kết luận buổi làm việc, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường Nguyễn Thế Đồng đánh giá cao những kết quả đạt được của tỉnh Sơn La đối với công tác bảo tồn ĐDSH nói riêng và BVMT nói chung. Đồng thời, Phó Tổng cục trưởng yêu cầu, tỉnh cần nâng cao hiệu quả công tác quản lý ĐDSH; các Sở, ban, ngành, đặc biệt là Sở TN&MT cần nghiên cứu kỹ các quy định của Luật ĐDSH, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng để tham mưu cho UBND tỉnh trong quản lý vấn đề này; sử dụng bền vững nguồn tài nguyên ĐDSH, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, môi trường, xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

NGUYỄN HẰNG



BÁO CÁO HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA NĂM 2016:

Môi trường đô thị Việt Nam đứng trước nhiều thách thức mới

Ngày 20/7/2017, tại Hà Nội, Bộ TN&MT tổ chức Lễ công bố Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2016.

Theo Báo cáo, tính đến tháng 12/2016, cả nước có 795 đô thị, với tỷ lệ đô thị hóa đạt 35,2%. Sự tăng trưởng của các ngành kinh tế ở khu vực đô thị như xây dựng, công nghiệp, giao thông vận tải... đã tạo sức ép đối với môi trường đô thị. Trong đó, ô nhiễm không khí là vấn đề nổi cộm nhất ở các đô thị, mức độ ô nhiễm bụi vẫn duy trì ở ngưỡng cao, điển hình như tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, tình trạng ô nhiễm môi trường nước tại các sông hồ, kênh rạch nội thành, nội thị đang diễn biến phức tạp. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được xử lý còn thấp, chỉ có 42/787 đô thị có công trình xử lý nước thải tập trung, đạt khoảng 11%; tình trạng úng ngập tại nhiều đô thị có xu hướng mở rộng và gia tăng; tỷ lệ chất thải rắn đô thị được xử lý hợp vệ sinh môi trường còn hạn chế với công nghệ xử lý lạc hậu; vấn đề quy hoạch phát triển đô thị theo hướng phát triển bền vững, gắn với BVMT đang đứng trước nhiều thách thức; Hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội không đồng bộ và bị quá tải...

Báo cáo đã cung cấp bức tranh tổng quan về môi trường đô thị và nêu những khó khăn trong công tác quản lý môi trường đô thị tại Việt Nam giai đoạn 2012 - 2016. Trên cơ sở những định hướng, nhiệm vụ đã được Thủ

Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2016 gồm có 8 Chương với các nội dung: Tổng quan phát triển đô thị Việt Nam; Môi trường không khí; Môi trường nước; Môi trường đất; Phát sinh và xử lý chất thải rắn; Tác động của ô nhiễm môi trường đô thị; Quản lý môi trường đô thị; Những vấn đề môi trường đô thị nổi cộm và đề xuất giải pháp. Ngoài ra, Báo cáo còn có 1 Phụ chương nêu các sự cố môi trường nổi cộm trong năm 2016 và một số bài học kinh nghiệm.

tướng Chính phủ phê duyệt tại Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT, Báo cáo đã đưa ra nhóm giải pháp tổng thể trong công tác BVMT đô thị, bao gồm: Hoàn thiện các chính sách, pháp luật về BVMT đô thị và quy hoạch đô thị gắn với phát triển bền vững; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm; Nâng cao năng lực quản lý nhà nước; Huy động và sử dụng

hiệu quả các nguồn đầu tư tài chính; Tăng cường trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong công tác quản lý, quy hoạch phát triển đô thị, cũng như huy động sự tham gia của cộng đồng vào BVMT đô thị.

Báo cáo sẽ là nguồn tư liệu hữu ích, hỗ trợ các nhà quản lý, hoạch định chính sách trong quá trình lập kế hoạch, quy hoạch phát triển đô thị gắn với BVMT, góp phần phát triển bền vững đất nước■

PHƯƠNG LINH



▲ Toàn cảnh Lễ công bố Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2016



Ngành Tài nguyên và Môi trường: TỪNG BƯỚC ĐI LÊN VỮNG CHẮC

Nhân dịp kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Bộ TN&MT, PGS.TS. Trương Mạnh Tiến - Chủ tịch Hội Kinh tế Môi trường Việt Nam (nguyên Vụ trưởng Vụ Môi trường, thuộc Bộ TN&MT) đã có đôi dòng chia sẻ về những năm tháng sống và làm việc trong lĩnh vực môi trường. Trong hơn 4 thập niên qua, PGS.TS. Trương Mạnh Tiến đã luôn sống bằng tình yêu tha thiết với môi trường, thiên nhiên đất nước, bằng nhiệt huyết, đam mê, cống hiến hết mình cho sự nghiệp BVMT Việt Nam. Tạp chí Môi trường xin trân trọng giới thiệu những chia sẻ của PGS.TS. Trương Mạnh Tiến nhân kỷ niệm 15 ngày thành lập Bộ TN&MT.



▲ PGS.TS. Trương Mạnh Tiến

Cuối năm 1974, như các bạn đồng khóa học tại Trường Đại học Dầu - Hóa Bacu, Liên Xô (cũ), tôi về nước. Đất nước vẫn trong những ngày chiến tranh ác liệt. Tôi được phân công về công tác tại Tổng cục Địa chất, nhưng rồi như một cơ duyên Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước đã nhận tôi về công tác tại Vụ Điều tra cơ bản - đây là bước khởi đầu định mệnh cho hành trình gắn bó với lĩnh vực môi trường sau này.

Vụ Quản lý Khoa học và Kỹ thuật về điều tra tài nguyên thiên nhiên và điều kiện tự nhiên (gọi tắt là Vụ Điều tra cơ bản) được thành lập: bước khởi đầu quan trọng

Năm 1975, đất nước thống nhất, các khối quản lý có quyết định chuyển thành các vụ trực thuộc Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước. Vụ Điều tra cơ bản được tham gia quản lý lĩnh vực TN&MT. Nhưng vào thời điểm này, khái niệm môi trường còn quá xa lạ nên gọi là điều kiện tự nhiên. Nhiều nhiệm vụ được giao Vụ đã hoàn thành, đặc biệt là tổ chức quản lý các chương trình điều tra tổng hợp: Tây Bắc; Tây Nguyên; các tỉnh ven biển miền Trung (từ Thuận Hải - Minh Hải); đồng bằng sông Cửu Long; tài nguyên thiên nhiên và BVMT. Những số liệu, tài liệu, tư liệu của các chương trình là

cơ sở quan trọng góp phần xây dựng các kế hoạch hàng năm, 5 năm và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Vấn đề TN&MT ngày càng trở nên cấp thiết đối với đất nước ở cả tầm vĩ mô và vi mô. Điều này được phản ánh trong cuốn sách "TN&MT Việt Nam" xuất bản năm 1984 của tập thể tác giả Vụ Điều tra cơ bản và như một dự báo cho sự hình thành cơ quan cấp Bộ với tên gọi này về sau!

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường được thành lập: Cột mốc mới cho lĩnh vực TN&MT

Năm 1992, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (KH&CN&MT) đã được thành lập theo Nghị quyết kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa IX. Hai từ "môi trường" lần đầu tiên chính thức xuất hiện trong tên gọi của một cơ quan cấp Bộ ở Việt Nam. Cục Môi trường được thành lập trực thuộc Bộ KH&CN&MT. Trong 10 năm từ 1992 - 2002, rất nhiều việc quan trọng về công tác BVMT đã được thực hiện, trong đó có

việc xây dựng và trình Quốc hội thông qua Luật BVMT năm 1993; Chiến lược BVMT và phát triển lâu bền, năm 1995; Chương trình Hành động bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH), năm 1995... Đồng thời, tất cả Sở KH&CN&MT ở các địa phương trên cả nước cũng đã được thành lập. Kể từ đó, công tác quản lý nhà nước về TN&MT đã có bước phát triển vượt bậc và ngày càng đi vào nề nếp, tăng hiệu lực, hiệu quả. Cũng trong thời gian này, lần đầu tiên có lực lượng thanh tra chuyên ngành môi trường. Nhiều đoàn thanh tra diện rộng liên ngành đã được tổ chức định kỳ hàng năm, với công cụ đặc lực là Luật BVMT năm 1993 và Nghị định hướng dẫn thi hành Luật, qua đó giúp công tác quản lý nhà nước về BVMT lan tỏa, tác động trên khắp đất nước.

Năm 1998, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 36/1998/CT-TW về tăng cường công tác BVMT trong thời kỳ công nghiệp hóa -



▲ Nguyên Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh cho Bộ TN&MT tại Lễ kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Bộ TN&MT, ngày 5/8/2012

hiện đại hóa đất nước. Những quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và nhiệm vụ đã được đề ra cụ thể, rõ ràng tại Chỉ thị số 36/1998/CT-TW của Bộ Chính trị. Từ đó, công tác BVMT, quản lý tài nguyên thiên nhiên đã được cả hệ thống chính trị triển khai thực hiện, tạo ra hiệu ứng tích cực trong sự nghiệp BVMT đất nước.

Bộ TN&MT từng bước đi lên vững chắc

Nhận thấy “chiếc áo khoác” cho công tác quản lý TN&MT đã quá chật. Năm 2002, Quốc hội quyết định thành lập Bộ TN&MT (bao gồm: Tổng cục Địa chính, Tổng cục Khí tượng - Thủy văn; Cục Môi trường từ Bộ KHCN&MT; Cục Địa chất từ Bộ Công nghiệp; một bộ phận của Cục Thủy lợi từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Ngành TN&MT chính thức có một cơ quan cấp Bộ có tên gọi như cơ quan chuyên môn ở phần lớn các quốc gia khác và đó cũng là điều mà tiêu đề của cuốn sách TN&MT Việt Nam (năm 1984) đã thể hiện! Thật vi diệu! Thật ngưỡng mộ vì điều này đã được dự báo từ gần 20 năm trước.

Chắc chắn có nhiều bài viết nhân sự kiện này, riêng tôi chỉ nêu rất sơ lược về một số điều mà tôi tâm đắc trong mảng nhiệm vụ BVMT và ở nội dung này, cũng chỉ nêu khái quát việc xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về BVMT. Ngay khi Bộ mới thành lập, Ban Cán sự mới đã ngay lập tức xây dựng cơ cấu tổ chức và hoạt động của Bộ, cũng như các cơ quan, tổ chức trực thuộc Bộ, đồng thời, ổn định nơi làm

việc, triển khai các hoạt động nhiệm vụ, chuyên môn... Tuy nhiên, đáng ghi nhận nhất là sự chỉ đạo sát sao ngay từ những ngày tháng đầu trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách chiến lược làm nền tảng định hướng, chỉ đạo xuyên suốt, nhất quán, lâu dài trong lĩnh vực môi trường.

Đầu năm 2003, thực hiện mảng môi trường có 3 đơn vị: Vụ Môi trường; Vụ Thẩm định và đánh giá tác động môi trường; Cục BVMT. Cũng ngay trong năm 2003, Bộ đã xây dựng 2 Nghị định trình Chính phủ ban hành, đó là Nghị định số 67/2003/NĐ-CP về phí BVMT đối với nước thải và Nghị định số 109/2003/NĐ-CP về bảo tồn đất ngập nước. Năm 2004, Bộ đã chủ trì xây dựng và trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 41 - NQ/TW về BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước (đáng chú ý là Nghị quyết ghi rõ ngân sách nhà nước dành 1% tổng

chi ngân sách cho lĩnh vực môi trường và có riêng nguồn sự nghiệp môi trường; mức này sẽ tăng dần theo sự tăng trưởng của nền kinh tế). Năm 2005, Bộ đã xây dựng và trình Quốc hội thông qua Luật BVMT thay thế Luật BVMT năm 1993. Năm 2008, Bộ đã xây dựng và trình Quốc hội thông qua Luật ĐDSH (thời điểm này chỉ rất ít quốc gia trên thế giới có Luật này). Năm 2013, Bộ chủ trì xây dựng và được Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua Nghị quyết số 24/NQ-TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường công tác quản lý tài nguyên và BVMT. Đến năm 2014, Bộ tiếp tục xây dựng và trình Quốc hội thông qua Luật BVMT, với những điều khoản được hoàn thiện cho phù hợp với tình hình mới. Mỗi Luật được ban hành là hàng loạt các nghị định hướng dẫn thi hành và hệ thống các văn bản dưới Luật đi kèm. Bên cạnh đó, các văn bản chiến lược, chính sách về BVMT có tầm nhìn xa; hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đã được xây dựng và ban hành.

Nhiều thành tựu trong 15 năm qua mà Bộ TN&MT đã đạt được ở cả 8 lĩnh vực được giao quản lý. Ở đây, tôi chỉ điểm lại sơ qua những văn bản lớn, quan trọng như trên. Chúng tôi thực sự tự hào là cán bộ tham gia trực tiếp vào lĩnh vực môi trường, mà cá nhân tôi đã “theo đuổi” từ những năm 70 của thế kỷ trước và vẫn tiếp tục cho đến nay, dù đã nghỉ hưu.

Nhân dịp kỷ niệm 15 năm thành lập Bộ TN&MT, chúc ngành TN&MT, ngày càng phát triển bền vững!■



GS.TSKH. NGND PHẠM NGỌC ĐĂNG:

Nhà khoa học tâm huyết vì sự nghiệp môi trường

Sinh ra trên mảnh đất giàu truyền thống hiếu học của tỉnh Ninh Bình, GS.TSKH. NGND Phạm Ngọc Đăng luôn nỗ lực học tập, rèn luyện, vượt qua gian khổ để trở thành một nhà khoa học đầu ngành, góp phần xây dựng cho quê hương đất nước. Ông là một trong các nhà khoa học đặt nền móng cho sự phát triển của hai bộ môn “Vật lý Kiến trúc - Kiến trúc xanh” và “Môi trường Không khí - Quản lý Môi trường Đô thị và Công nghiệp”. Sau gần 60 năm công tác, ông đã cống hiến nhiều công trình khoa học quan trọng về BVMT, xây dựng xanh và phát triển bền vững cho đất nước.

NHỮNG NĂM THÁNG PHẤN ĐẤU VÀ CỐNG HIẾN

Năm 1959, ông tốt nghiệp Khóa I - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội và được giữ lại làm giảng viên của trường. Năm 1966, khoa Xây dựng tách khỏi trường Đại học Bách Khoa Hà Nội để thành lập Trường Đại học Xây dựng, ông chuyển về Trường Đại học Xây dựng và đảm nhận chức vụ Chủ nhiệm bộ môn Vật lý Kiến trúc, kiêm Phó phòng Quản lý Khoa học và Trưởng phòng Thiết kế. Đây là bộ môn khoa học mới, nghiên cứu về cơ sở khoa học của các giải pháp thiết kế kiến trúc - xây dựng để đảm bảo môi trường trong nhà về nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, âm thanh, thông gió... đáp ứng nhu cầu đời sống của con người ngày càng được nâng cao. Để chuẩn bị để giảng dạy thử nghiệm cho sinh viên, ông mất nhiều năm đi khắp mọi miền của đất nước để khảo sát chế độ nhiệt ẩm của các tòa nhà ở các vùng khí hậu khác nhau, đồng thời nghiên cứu đưa ra những giải pháp kiến trúc - xây dựng phù hợp. Kết quả nghiên cứu trong thời gian này chính là cơ sở quan trọng để ông hoàn thành đề tài luận án tiến sĩ ở Liên Xô.

Với đề tài “Nghiên cứu chế độ nhiệt ẩm của nhà trong điều kiện khí hậu nhiệt đới của Việt Nam”, năm 1973, ông hoàn thành luận án Phó Tiến sĩ (ở Việt Nam lúc đó gọi là tiến sĩ) tại Trường Đại học Xây dựng Moskva trước thời

hạn nửa năm. Năm 1978, ông bảo vệ thành công luận án tiến sĩ khoa học (TSKH) kỹ thuật. Trong luận án TSKH, với phạm vi khoa học rộng lớn về vấn đề môi trường trong nhà, ông đã nghiên cứu chuyên đề “Phương pháp tính toán lượng nhiệt bức xạ mặt trời chiếu qua cửa sổ có kết cấu che nắng vào nhà”. Kết quả nghiên cứu này đã được chấp nhận đưa vào Tiêu chuẩn thiết kế xây dựng của Liên Bang Nga.

Trở về nước sau 1 năm, ông được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng (từ năm 1979 - 1981), rồi Hiệu trưởng (từ năm 1982 - 1990) Trường Đại học Xây dựng Hà Nội. Được Nhà nước và đồng nghiệp tin tưởng giao phó, ông chủ động đề xuất với cấp trên cho phép dành tối đa 50% quỹ thời gian để làm công tác quản lý, 50% thời gian còn lại cống hiến cho giảng dạy và nghiên cứu phát triển khoa học. Năm 1990, ông được đề cử làm Tổng Thư ký đầu tiên của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước. Tuy bận rộn với công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, nhưng ông vẫn chú trọng đến việc xây dựng và ban hành các văn bản pháp quy, nề nếp làm việc của Hội đồng Giáo sư, tham khảo các tài liệu của nước ngoài để trực tiếp thảo các văn bản quy định, tiêu chuẩn và thủ tục xét phong Phó Giáo sư, Giáo sư của Hội đồng. Tính đến nay đã 27 năm, những vấn đề cơ bản về quy chế hoạt động của Hội đồng Giáo sư vẫn được thực hiện cho tới ngày nay.



▲ GS.TSKH. NGND. Phạm Ngọc Đăng

Từ năm 1993 - 2003, ông là Ủy viên Hội đồng Bảo vệ thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau thời gian đó đến nay, ông là Ủy viên Hội đồng Quốc gia về Phát triển bền vững và Năng lực cạnh tranh. Ông cùng với các thành viên khác trong Hội đồng đảm nhiệm chức năng tư vấn cho Thủ tướng Chính phủ về vấn đề phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh trước tình hình hội nhập thế giới. Ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và làm công tác quản lý, ông còn tích cực tham gia vào các Hội Khoa học Kỹ thuật và kiêm nhiệm những vị trí quan trọng: Ban Chấp hành Tổng Hội Xây dựng Việt Nam, Chủ tịch Hội Môi trường Xây dựng Việt Nam (từ năm thành lập 1986 đến năm 2015); Phó Chủ tịch Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam (từ năm 2006 đến nay).

CHUYỂN HƯỚNG NGHIÊN CỨU CÁC VẤN ĐỀ KHOA HỌC KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VĨ MÔ, CẤP BÁCH CỦA QUỐC GIA

Trong những năm mới về nước, kết quả nghiên cứu khoa học nổi bật của ông là đề tài “Mái nhà nhiệt đới” do ông chủ trì, với sự cộng tác thực hiện của PGS.TS Lê Văn Nãi



và GVCC Hoàng Như Tăng, đã được Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền tác giả (số 85-52-014, ngày 26/1/1980). Cũng trong năm này, kết quả nghiên cứu đề tài “Điều kiện vi khí hậu tiện nghi nhiệt của người Việt Nam” của ông đã được đưa vào tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế xây dựng của nước ta (Tiêu chuẩn TCXD VN 306: 2004 “Nhà ở và công trình công cộng, các thông số vi khí hậu trong phòng”). Điều kiện tiện nghi nhiệt này cũng đã được một số sách, báo quốc tế chấp nhận và giới thiệu là điều kiện tiện nghi nhiệt đại diện cho các nước nhiệt đới nóng ẩm.

Năm 1986, ở nước ta xảy ra sự cố nổ điện, phá hỏng hoàn toàn thiết bị lọc bụi tĩnh điện của nhà máy Xi măng Hoàng Thạch ở huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Hàng ngày, nhà máy thải qua ống khói khoảng 100 tấn bụi, gây ô nhiễm không khí nghiêm trọng cho các vùng xung quanh. UBND tỉnh Hải Hưng, Quảng Ninh đã gửi thư khiếu nại về tình trạng ô nhiễm môi trường (ÔNMT) lên Quốc hội và Chính phủ. Ông được giao nhiệm vụ chủ trì nhiệm vụ: “Nghiên cứu đánh giá mức độ ô nhiễm, thiệt hại về sức khỏe và kinh tế đối với nhân dân vùng lân cận và đề xuất phương án giải quyết”. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức độ ô nhiễm bụi trong không khí xung quanh lớn gấp 9 - 14 lần tiêu chuẩn cho phép (TCCP); ô nhiễm khí SO_2 cao hơn TCCP 3 - 5 lần; tỷ lệ số người mắc các bệnh về hô hấp tăng khoảng 20 - 25%, thiệt hại năng suất mùa màng khoảng 7 - 42% tùy theo loại cây trồng. Trên cơ sở đó, ông đã báo cáo với cấp trên về tình trạng ÔNMT nghiêm trọng do Nhà máy Xi măng Hoàng Thạch gây ra và đề xuất phương án xử lý. Ngay sau đó, Nhà máy đã đầu tư thiết bị lọc bụi mới và thực hiện đền bù cho nhân dân vùng bị thiệt hại.

Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình được xây dựng từ những năm 60 của thế kỷ XX, do Trung Quốc thiết kế xây dựng với công nghệ lạc hậu, không bảo đảm môi trường. Trước năm 1995, Nhà máy là một trong các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng nằm trong Danh mục phải xử lý triệt để theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Từ những vấn đề của thực tiễn, ông được giao nhiệm vụ nghiên cứu đề xuất giải pháp khắc phục ô nhiễm khu vực này. Trên cơ sở kết quả khảo sát môi trường, nghiên cứu lý thuyết và tiến hành thí nghiệm thủy động học trên máng thủy lực, ông đã đưa ra 3 giải pháp: Xây dựng ống khói mới cao 130 m, thay cho ống khói cũ cao 80 m để đảm bảo luồng khói thải vượt lên trên bóng khí động của núi Cánh Diều; Cải tiến công nghệ sản xuất để giảm chỉ tiêu tiêu thụ kg than/kW điện;



▲ Năm 2007, Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước họp do Phó Thủ tướng, Chủ tịch Hội đồng, GS.TS Nguyễn Thiện Nhân chủ trì

Thay hệ thống thiết bị lọc bụi Xiclon cũ, có hiệu suất 70 - 75% bằng thiết bị lọc bụi Xiclon mới. Công ty Khảo sát và Thiết kế Điện 1, thuộc Bộ Năng lượng đã triển khai áp dụng các giải pháp trên, khắc phục được hoàn toàn tình trạng ÔNMT của Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình.

Từ đây, ông nhận thấy vấn đề BVMT trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước là rất cấp thiết. Trên cơ sở khoa học cơ bản về vật lý xây dựng và khoa học môi trường trong công trình, ông đã tự trau dồi và chuyển hướng nghiên cứu sang các vấn đề có tính vĩ mô, cấp bách của quốc gia. Đó là vấn đề ÔNMT đô thị và công nghiệp mà nước ta đang phải đối mặt. Để có những đóng góp cho việc xây dựng cơ chế, chính sách và các giải pháp khoa học BVMT, phát triển bền vững của đất nước, ông đã học hỏi kinh nghiệm khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới và áp dụng sáng tạo vào Việt Nam. Vì thế, trên cơ sở nền tảng khoa học được đào tạo bài bản và vốn ngoại ngữ đã có (Trung, Nga, Anh), ông có thể trao đổi tri thức với những nhà khoa học nước ngoài tại

các hội thảo khoa học quốc tế. Tính đến nay, ông đã tham gia các đoàn khảo sát và tham dự các hội thảo khoa học của hơn 30 nước trên thế giới.

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC TIÊU BIỂU

Trong thời kỳ đổi mới đất nước (từ năm 1990 - 2008), ông đã chủ trì 6 đề tài nghiên cứu khoa học thuộc các Chương trình khoa học cấp Nhà nước và trên 30 đề tài cấp Bộ, điển hình như: Đánh giá diễn biến và dự báo môi trường hai vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, phía Nam và đề xuất các giải pháp BVMT; Nghiên cứu đánh giá diễn biến môi trường và đề xuất các giải pháp BVMT các TP. Hà Nội, Hải Phòng và Việt Trì; Nghiên cứu thiết kế và chế tạo lò đốt chất thải công nghiệp nguy hại; Đề án BVMT Phú Quốc và Đề án BVMT Côn Đảo đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Đặc biệt, đề tài “Nghiên cứu thiết kế xây dựng lò đốt chất thải công nghiệp nguy hại”, thực hiện trong hai năm 2004 - 2005, do ông chủ trì với sự cộng tác tích cực của 3 PGS. TS: Vũ Công Hòa, Nguyễn Bá Toại và Bùi Sỹ Lý, đã thành



▲ GS.TSKH.NGND. Phạm Ngọc Đăng (đứng thứ 5 từ trái qua phải) tham gia Đoàn cán bộ của Bộ TN&MT khảo sát Quản lý chất lượng không khí ở Hàn Quốc, tại Viện Môi trường Hàn Quốc năm 2012

công và được Bộ KH&CN&MT cấp bằng độc quyền sáng chế số 5710, cấp theo Quyết định số 5508/QĐ-SHTT, ngày 12/6/2006. Lò đốt chất thải công nghiệp nguy hại này được đặt tên là CEETIA-150 (CEETIA là tên Trung tâm, 150 là công suất đốt 150 kg chất thải công nghiệp nguy hại mỗi giờ). Đây là lò đốt chất thải công nghiệp nguy hại đầu tiên do người Việt tự thiết kế, chế tạo và vận hành, đạt tiêu chuẩn quốc tế, được lắp đặt và sử dụng từ đó đến nay tại Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn, Hà Nội.

Những năm gần đây, ông đã chủ trì thực hiện nhiều đề tài, nhiệm vụ khoa học của Bộ Xây dựng như xây dựng Quy chuẩn Quốc gia về hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu; Hướng dẫn kiểm toán năng lượng công trình dân dụng; Chiến lược Quốc gia về phát triển công trình xanh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; đồng thời tham gia nghiên cứu đề tài “Xây dựng Quy chuẩn Việt Nam về công trình sử dụng năng lượng có hiệu quả”. Bên cạnh đó, ông đã tham gia hoặc chủ trì nghiên cứu, xây dựng rất nhiều đề án BVMT, đánh giá, phân tích môi trường và xây dựng nhiều quy chuẩn/tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia của ngành môi trường; Chủ trì biên soạn Báo cáo Môi trường Việt Nam hàng năm của Bộ TN&MT để trình Quốc hội từ năm 1996 - 2005. Sau năm 2005 đến nay, ông vẫn tiếp tục tư vấn cho Tổng cục Môi trường trong việc xây dựng Báo cáo Môi trường Việt Nam hàng năm.

Không chỉ làm nghiên cứu khoa học, ông còn tích cực tham gia xây dựng các văn bản pháp luật về BVMT của quốc gia, như Luật BVMT (1993, 2005, 2014); Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình Nghị sự 21); Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020. Chủ trì thực hiện xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về kiểm soát ô nhiễm môi trường khu công nghiệp/cụm công nghiệp đến năm 2020; Chiến lược phát triển công nghệ

môi trường Việt Nam giai đoạn 2009 - 2015, định hướng đến năm 2020...

Mặt khác, các kết quả nghiên cứu khoa học của ông trong nhiều năm đã được viết và trình bày trong 19 quyển sách khoa học kỹ thuật (được xuất bản chính thức), cùng với khoảng 180 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên môn ở trong nước và ngoài nước. Các sách của ông được dùng làm tài liệu học tập, nghiên cứu cho nhiều thế hệ sinh viên, nghiên cứu sinh, các thầy giáo ở nhiều ngành học có liên quan như xây dựng, kiến trúc và môi trường. Cuộc đời của ông luôn luôn gắn bó với sự nghiệp đào tạo đại học và trên đại học và cho đến nay ông đã trực tiếp đào tạo hàng nghìn sinh viên tốt nghiệp kỹ sư, hàng chục thạc sỹ và hướng dẫn 6 nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án tiến sỹ.

Với những thành tích của ông về nghiên cứu khoa học và giảng dạy - đào tạo đại học, sau đại học, ông được phong học hàm Phó Giáo sư năm 1984, rồi đến học hàm Giáo sư vào năm 1991. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo Ưu tú năm 1988 và Nhà giáo Nhân dân năm 2002. Để ghi nhận những cống hiến của ông với nền khoa học nước nhà, ông được tặng Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (năm 1982); Huân chương Lao động hạng

Ba (năm 1985); Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước (năm 1987); Giải thưởng Môi trường Việt Nam (năm 2004) và nhiều bằng khen của các Bộ: KH&CN, TN&MT, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Xây dựng và Chủ tịch UBND TP. Hà Nội.

Mặc dù đã bước sang tuổi 80, ông vẫn miệt mài say mê nghiên cứu khoa học. Ông cùng với các nhà khoa học thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu lập Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược đối với Dự án “Quy hoạch sử dụng Biển và Hải đảo Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035” (Bộ TN&MT), để trình Chính phủ và Quốc hội thông qua; “Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích cộng đồng tham gia BVMT” (Tổng cục Môi trường); “Đánh giá thực trạng môi trường vì khí hậu và không khí của các nhà làm việc và đề xuất các biện pháp cải thiện” (Bộ Xây dựng).

Nhìn lại cuộc đời làm khoa học của ông, bất cứ ai cũng phải thán phục. Từ một cậu học trò xuất thân trong gia đình nghèo, sau bao năm nỗ lực phấn đấu học tập và nghiên cứu khoa học, ông đã trở thành một nhà nghiên cứu đầu ngành Môi trường và Xây dựng xanh, đảm nhận nhiều chức vụ quản lý quan trọng, được bạn bè quốc tế và đồng nghiệp tin yêu, kính trọng. Như con thuyền lênh đênh đi tìm tri thức, ông đã mạnh dạn bẻ lái đưa con thuyền học vấn của mình đi từ dòng nước nhỏ ra đại dương mênh mông. Bất chấp sóng to gió lớn, ông như người thủy thủ vẫn kiên định, vững tâm: Giương buồm lên đưa thuyền thẳng tiến! ■

CHÂU LOAN



Xây dựng Quy hoạch sử dụng biển Việt Nam

PHẠM NGỌC SƠN - Phó Tổng cục trưởng

NGUYỄN ĐỨC TOÀN - Cục trưởng Cục Quản lý khai thác biển và hải đảo

Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam

Việt Nam có lợi thế để phát triển kinh tế biển với bờ biển dài hơn 3.260 km, vùng đặc quyền kinh tế khoảng 1 triệu km², lớn gấp 3 lần diện tích đất liền, với vị trí địa lý thuận lợi, nguồn tài nguyên biển, ven biển phong phú, đa dạng... Vì thế, việc xây dựng Quy hoạch sử dụng biển (QHSDB) là yêu cầu cấp thiết hiện nay, nhằm đảm bảo bền vững các vùng biển, hải đảo thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa lợi ích kinh tế, BVMT và bảo đảm an ninh quốc phòng.



▲ Hội thảo lấy ý kiến góp ý về dự thảo Đề án Quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển Việt Nam tại TP. Đồng Hới (Quảng Bình) ngày 24/8/2016

QHSDB GIÚP GIẢM MÂU THUẪN, XUNG ĐỘT GIỮA CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC SỬ DỤNG BIỂN

Việt Nam có lịch sử khai thác, sử dụng và quản lý biển từ lâu đời. Nhiều ngành kinh tế gắn liền với biển như năng lượng, cảng, vận tải biển, viễn thông, đánh bắt, nuôi trồng hải sản, thể thao, du lịch, kinh doanh bất động sản ven biển đã và đang được phát triển. Trong Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 và Luật Biển Việt Nam năm 2012 đã xác định rõ 4 ngành kinh tế biển trong 6 nhóm ngành được Nhà nước ưu tiên tập trung phát triển gồm: Tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến dầu, khí và các loại tài nguyên khoáng sản biển; Vận tải biển, cảng biển, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, phương tiện đi biển và các dịch vụ hàng hải; Du lịch biển và kinh tế đảo; Khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản.

Trong những năm qua, hệ thống các văn bản pháp luật của Đảng và Nhà nước liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng biển theo hướng phát triển bền vững (PTBV) đã được ban hành, trong đó có các văn bản liên quan đến quy hoạch biển như quy hoạch về bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) và hệ thống khu bảo tồn biển (KBTB); các ngành kinh tế biển đã có quy hoạch

tổng thể phát triển ngành như quy hoạch hệ thống cảng biển, dầu khí, du lịch, thủy sản; các địa phương có biển trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng đề cập đến nội dung sử dụng và khai thác biển thuộc địa phương mình. Tuy nhiên, đến nay, chưa có quy hoạch tổng thể không gian biển với nội hàm điều chỉnh tổng thể các ngành, lĩnh vực sử dụng tài nguyên biển đáp ứng yêu cầu PTBV mà Đảng và Nhà nước đã đặt ra.

Khác với đất liền, biển có đặc thù là trong một không gian có thể đồng thời diễn ra nhiều hoạt động khác nhau như an ninh, quốc phòng, phát triển các ngành kinh tế và bảo vệ, bảo tồn giá trị tài nguyên, sinh thái biển. Do đó, việc khai thác, sử dụng tài nguyên biển với cường độ cao của các ngành kinh tế chưa phù hợp

với chức năng sinh thái của biển, làm nảy sinh mâu thuẫn giữa bảo tồn biển với phát triển các ngành kinh tế, hay giữa các ngành kinh tế biển với nhau, đồng thời làm suy giảm giá trị và khả năng đáp ứng của biển đối với những nhu cầu sống còn của con người. Điều đó có thể dẫn đến các hệ lụy đối với biển như suy giảm nguồn lợi tài nguyên, ô nhiễm và sự cố môi trường. Ngoài ra, tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu cũng góp phần đe dọa việc sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên, môi trường biển Việt Nam. Do đó, biển phải được quy hoạch theo không gian một cách hợp lý nhằm làm giảm mâu thuẫn, xung đột giữa các ngành, lĩnh vực sử dụng biển và tác động của các hoạt động khai thác, sử dụng biển lên môi trường tự nhiên. Vì thế, Việt Nam cần phải có QHSDB một cách hiệu quả và bền vững.

MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ THẢO QHSDB

Thực hiện Luật Biển Việt Nam năm 2012 và Chương trình xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật, Bộ TN&MT được giao nhiệm vụ xây dựng đề án QHSDB Việt Nam để trình Chính phủ, Quốc hội phê duyệt. Theo đó, vùng lập quy hoạch là toàn bộ



vùng biển Việt Nam, bao gồm vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia đã được xác định trong Luật Biển Việt Nam (bao gồm cả quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa), phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và các điều ước quốc tế về biên giới lãnh thổ mà Việt Nam là thành viên. Vùng nghiên cứu hỗ trợ lập Quy hoạch bao gồm phần đất liền của các huyện, thành phố (TP) giáp biển thuộc 28 tỉnh, TP có biển và một số vùng biển kề cận biển Việt Nam.

Quy hoạch được xây dựng và triển khai theo cách tiếp cận của quy hoạch không gian biển, dựa vào hệ sinh thái (HST) từ đơn giản đến phức tạp, tổng thể đến cụ thể. Đây là loại quy hoạch định hướng, đa ngành, tập trung vào đối tượng chung là TN&MT biển, căn cứ vào giá trị sinh thái biển và sự hợp lý về nhu cầu khai thác, sử dụng biển của các ngành. Tại hầu hết các vùng biển đều có nhiều hoạt động với những mục đích khác nhau, nhưng mức độ ưu tiên đối với các loại hoạt động là khác nhau. Theo cách tiếp cận này và trên cơ sở các tiêu chí phân loại cụ thể, các vùng biển Việt Nam được phân loại dựa trên 3 nhóm tiêu chí chính: Nhóm tiêu chí về bảo vệ, bảo tồn; phát triển kinh tế; quốc phòng, an ninh.

QHSDB được xây dựng dựa trên các phân tích đánh giá về giá trị tài nguyên, sinh thái biển; nhu cầu khai thác, sử dụng biển của các ngành; các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về biển; bối cảnh kinh tế, chính trị và xã hội trong khu vực và thế giới có liên quan

đến Biển Đông. Kinh nghiệm của các nước trong khu vực và thế giới trong việc lập QHSDB cũng được xem xét, nghiên cứu, nhưng có chọn lọc để phù hợp với đặc thù của Việt Nam.

Theo đó, QHSDB được phân ra 6 loại vùng bao gồm: *Vùng sử dụng đặc biệt* là vùng biển được sử dụng ưu tiên cho mục đích quốc phòng, an ninh, trong đó ngoài những tiểu vùng dành riêng cho quốc phòng, an ninh có thể có các tiểu vùng được sử dụng kết hợp với phát triển kinh tế; *Vùng chú trọng bảo tồn và phát triển kinh tế* là vùng chú trọng đến bảo tồn khi phát triển các ngành kinh tế; tập trung nhiều sinh cảnh, HST ven bờ quan trọng, đồng thời cũng là nơi phát triển nhiều ngành kinh tế biển và có nhu cầu quốc phòng, an ninh; *Vùng phát triển kinh tế kết hợp bảo tồn* là vùng ưu tiên cho phát triển kinh tế biển, nhưng phải bảo đảm bảo tồn giá trị sinh thái biển. Đây là vùng có nhiều hoạt động phát triển kinh tế, nhưng cũng có các sinh cảnh, HST ven bờ cần được bảo vệ, bảo tồn và có nhu cầu quốc phòng, an ninh; *Vùng ưu tiên khai thác dầu khí* là vùng

ưu tiên hơn cho các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí trên biển vì vùng này chủ yếu là các hoạt động dầu khí, nhưng vẫn đảm bảo cho các hoạt động khác như quốc phòng, an ninh, giao thông hàng hải, đánh bắt hải sản và bảo tồn giá trị tự nhiên, sinh thái biển, đảo; *Vùng ưu tiên khai thác hải sản* là vùng ưu tiên hơn cho các hoạt động khai thác hải sản, vì vùng này chủ yếu đánh bắt hải sản xa bờ tuyến lộng và tuyến khơi, quốc phòng, an ninh, giao thông hàng hải, thăm dò, khai thác dầu khí, bảo tồn giá trị sinh thái biển, đảo; *Vùng cho các hoạt động sử dụng khác* là vùng diễn ra các hoạt động sử dụng biển, nhưng chưa phát sinh nhu cầu xác định tính ưu tiên cho một loại hình hoạt động cụ thể.

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QHSDB

Để thực hiện QHSDB, có 3 nhóm nhiệm vụ, giải pháp được đề xuất, đó là:

Giải quyết các vấn đề trong sử dụng tài nguyên, không gian biển với 5 hoạt động gồm: Phân vùng chức năng vùng bờ địa phương tại các tỉnh, TP có biển; Quy hoạch chi tiết các vùng sử dụng đặc biệt; Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các vùng đệm đối với các KBT biển, khu dự trữ sinh quyển, công viên biển; Rà soát điều chỉnh quy hoạch phát triển các ngành kinh tế biển, phù hợp với QHSDB; Rà soát điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, TP có biển.

Hoàn thiện thể chế: Trước mắt tập trung vào việc kiện toàn cơ chế điều phối đa ngành; Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành hỗ trợ hoạt động cấp phép, giám sát và chế tài xử lý vi phạm trong sử dụng, bảo vệ



▲ Việc tổ chức, quản lý triển khai QHSDB đòi hỏi phải có sự phối hợp liên ngành



Định mức kinh tế kỹ thuật hoạt động kiểm định hiệu chuẩn phương tiện đo cho trạm quan trắc nước tự động, liên tục

DƯƠNG THÀNH NAM, TRẦN SƠN TÙNG

Trung tâm Quan trắc môi trường, Tổng cục Môi trường

Ngày 25/5/2017, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 06/2017/TT-BKHCN ban hành định mức kinh tế kỹ thuật hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo cho trạm nước tự động, liên tục. Định mức quy định mức hao phí cần thiết về lao động công nghệ, thiết bị, dụng cụ và vật liệu để hoàn thành các bước công việc theo quy trình kiểm định, hiệu chuẩn tại các văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam (ĐLVN), phục vụ xây dựng dự toán và đơn giá cho hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn theo phương thức Nhà nước đặt hàng.

Hiện nay, ở nước ta, hoạt động quan trắc môi trường (QTMT) phát triển và đã hình thành các mạng lưới QTMT ở cả cấp quốc gia, bộ/ngành và địa phương. Trong đó, mạng lưới các trạm QTMT nước tự động, liên tục ngày càng được quan tâm và đầu tư. Theo thống kê,

có khoảng 90 trạm quan trắc nước mặt cả cấp Trung ương và địa phương, trên 300 trạm quan trắc nước thải tại các nhà máy, khu công nghiệp. Ngoài ra, theo quy hoạch mạng lưới quan trắc TN&MT, đến năm 2020 sẽ được tăng thêm 58 trạm quan trắc nước mặt. Các trạm quan trắc nước tự động thường đo các thông số cơ bản được quy định trong các Quy chuẩn Việt Nam (QCVN) như pH; độ dẫn điện; độ đục; tổng chất rắn hòa tan; tổng chất rắn lơ lửng; oxy hòa tan; nhu cầu oxy hóa học và một số phương tiện đo đặc thù như tổng nitơ; tổng photpho; thủy ngân; dầu mỡ... tùy theo tính chất các loại nước cần kiểm soát khác nhau. Các trạm quan trắc thường xuyên cung cấp chuỗi số liệu tức thời và liên tục làm cơ sở cho việc phát hiện, cảnh báo sớm các vấn đề về môi trường như đánh giá hiện trạng, giám sát, xu thế và diễn biến chất lượng môi trường phục vụ công tác quản lý, BVMT và hoạch định chính sách.

Theo Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2, các phương tiện đo pH, độ đục, độ dẫn điện, tổng chất rắn lơ lửng, oxy hòa tan của trạm quan trắc nước tự động, liên tục phải thực hiện kiểm định. Việc kiểm định các

phương tiện đo này được thực hiện theo các văn bản ĐLVN như: Quy trình kiểm định - Máy đo pH (ĐLVN 31:2017); Quy trình kiểm định - Máy đo tổng chất rắn hòa tan (ĐLVN 80:2017); Quy trình kiểm định - Phương tiện đo độ dẫn điện (ĐLVN 274:2014); Quy trình kiểm định - Phương tiện đo độ đục (ĐLVN 275:2014); Quy trình kiểm định - Phương tiện đo oxy hòa tan (ĐLVN 276:2014). Ngoài ra, các phương tiện đo cần được hiệu chuẩn định kỳ để đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật đo lường trong quá trình vận hành trạm quan trắc tự động, liên tục.

Trong những năm qua, hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn đối với các phương tiện đo (pH, tổng chất rắn hòa tan, độ dẫn điện, độ đục, oxy hòa tan) của trạm quan trắc nước tự động, liên tục thực hiện theo quy trình kiểm định đã được ban hành. Tuy nhiên, do chưa có định mức sử dụng lao động, vật tư, thiết bị, nên khó khăn trong quá trình định giá khi sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Thực hiện lộ trình xây dựng, hoàn thiện các định mức kinh tế kỹ thuật cho các hoạt động thực hiện theo phương thức Nhà nước đặt hàng hoặc giao kế hoạch sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước, Bộ TN&MT xây dựng nội dung Thông tư Định mức kinh tế kỹ thuật phương tiện đo trong kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo (pH,



▲ Hiệu chuẩn bên trong Trạm quan trắc nước tự động



tổng chất rắn hòa tan, độ dẫn điện, độ đục, oxy hòa tan) cho trạm quan trắc nước tự động, liên tục. Sau khi hoàn thiện nội dung, theo quy định của Luật Đo lường, Dự thảo Thông tư đã được chuyển Bộ KH&CN thẩm định, ban hành và phối hợp tổ chức thực hiện.

Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật mức hao phí cần thiết về lao động công nghệ, thiết bị, dụng cụ và vật liệu để hoàn thành một bước công việc hoặc toàn bộ công việc theo quy trình kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo cho trạm quan trắc nước tự động, liên tục, phục vụ xây dựng dự toán và đơn giá cho hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn có sử dụng kinh phí theo phương thức Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng nguồn ngân sách nhà nước.

Đối tượng áp dụng của Thông tư là các Trung tâm QMTT, Trạm QMTT ở Trung ương và địa phương; Các tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn đã đăng ký và được chỉ định bởi cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền, các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân liên quan đến hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo cho trạm quan trắc nước tự động, liên tục.

Với 3 chương và 17 điều, nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các thành phần: Lao động công nghệ; thiết bị; dụng cụ;



▲ Trạm quan trắc nước tự động tại Quảng Ninh

vật liệu. Đặc biệt, Thông tư nêu rõ, nguyên tắc xây dựng định mức tuân thủ theo quy trình kiểm định phương tiện đo (pH; tổng chất rắn hòa tan; độ dẫn điện; độ đục và nồng độ oxy hòa tan) tại các văn bản kỹ thuật ĐLVN đã được ban hành. Trên cơ sở đó xây dựng định mức, đáp ứng yêu cầu chung về kết cấu của các loại định mức, đảm bảo tính tiên tiến, thống nhất và tính

kế thừa. Định mức được xây dựng đảm bảo tính ổn định, được thực hiện trong thời gian dài. Khi có sự thay đổi về công nghệ hoặc các yếu tố khác làm cho định mức không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn thì các tổ chức, cá nhân áp dụng định mức có trách nhiệm báo cáo Bộ để xem xét điều chỉnh hoặc xây dựng mới cho phù hợp. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2017■

(Tiếp theo trang 16)

tại nguyên, môi trường biển; Thiết lập hệ thống kiểm soát, xử lý sự cố môi trường biển quốc gia; Rà soát, điều chỉnh chính sách, pháp luật phù hợp để thực hiện Quy hoạch và xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, khai thác, sử dụng biển

Tăng cường năng lực quản lý: Xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông về khai thác, sử dụng, bảo vệ biển; chương trình tập huấn về quy hoạch, phân vùng biển; chương trình phát triển, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ về khai thác và phát triển kinh tế biển; rà soát các chương trình, dự án, nhiệm vụ điều tra cơ bản liên quan đến biển.

Nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả QHSDB Việt Nam, đòi hỏi phải

Xây dựng Quy hoạch...

có sự điều phối, phối hợp liên ngành, đa ngành và điều này đã được đề xuất trong dự thảo Quy hoạch trên cơ sở mở rộng thành phần, cũng như tăng thẩm quyền của Ban điều phối Quản lý tổng hợp vùng bờ quốc gia (thành lập theo Quyết định số 957/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 31/5/2016). Hội đồng Tư vấn kỹ thuật bao gồm các chuyên gia kỹ thuật từ các bộ, ngành, địa phương, cơ quan nghiên cứu, tư vấn liên quan có nhiệm vụ giúp việc Ban điều phối. Bộ TN&MT chủ trì, giúp Chính phủ hướng dẫn, tổ chức triển khai, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Quy hoạch; phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có biển xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ cụ thể của Kế hoạch được phân công. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt

Nam là cơ quan đầu mối, giúp Bộ trưởng Bộ TN&MT thực hiện các nhiệm vụ trên. UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương có biển thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch; phối hợp với Bộ TN&MT và các địa phương có biển khác trong việc triển khai các nhiệm vụ của Quy hoạch.

Việc đánh giá thực hiện Quy hoạch dựa trên 3 nhóm tiêu chí: Về thể chế, quản lý (thông qua chính sách pháp luật liên quan, hình thành hoạt động của các tổ chức liên ngành, năng lực, công cụ, nguồn lực sử dụng để triển khai Quy hoạch); các hoạt động giảm thiểu, giải quyết mâu thuẫn và nhóm tiêu chí về thay đổi chất lượng tài nguyên, môi trường tại các khu vực triển khai Quy hoạch■



Phú Yên triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg nhằm khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường

ThS. LÊ ĐÀO AN XUÂN

Phó Giám đốc Sở TN&MT Phú Yên

Trên cơ sở đánh giá kết quả việc triển khai Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 28/6/2013 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực BVMT trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Phú Yên đã ban hành Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

KẾT QUẢ CÔNG TÁC BVMT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Tăng cường hoạt động BVMT trong hoạt động du lịch: Thời gian qua, tại các khu di tích, bãi biển thu hút lượng lớn du khách như bãi biển TP. Tuy Hòa và huyện Đông Hòa, tháp Nhạn, gành Đá Dĩa, Bãi Môn - mũi Đại Lãnh, Vũng Rô, Thành An Thổ, tỉnh đã thành lập Đội tình nguyện vì môi trường biển “xanh - sạch - đẹp”, nhằm nhắc nhở du khách giữ gìn vệ sinh môi trường, bố trí nhân lực, phương tiện thu gom chất thải và đầu tư công trình vệ sinh, đáp ứng yêu cầu BVMT.

Công tác thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH), nước thải sinh hoạt đô thị được cải thiện: Công tác xã hội hóa hoạt động thu gom CTRSH ngày càng được nhân rộng tại các khu vực mà xe thu gom rác chuyên dụng của các đơn vị công ích không tiếp cận được, hoặc chưa có điều kiện tổ chức thu gom, lực lượng tham gia là các hợp tác xã, hộ gia đình và UBND cấp xã. Công trình xử lý CTRSH cũng có nhiều chuyển biến, hiện nay, trên địa bàn tỉnh ngoài 2 bãi chôn lấp hợp vệ sinh do nhà nước đầu tư đang hoạt động tại TP. Tuy Hòa và thị xã Sông Cầu, đã thu hút nhà đầu tư triển khai 2 Nhà máy xử lý rác tập trung tại TP. Tuy Hòa và huyện Tây Hòa. Ngoài ra, để



▲ Lãnh đạo Sở TN&MT (bên phải) trao tặng xe thu gom rác và đồ bảo hộ lao động cho đại diện xã Hòa Đồng (Tây Hòa)

thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư, tham gia hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, giảm bớt phần chi trả của ngân sách nhà nước, tỉnh Phú Yên đang rà soát, xây dựng giá dịch vụ vệ sinh môi trường theo hình thức giá dịch vụ do Nhà nước định giá phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hóa vùng miền và đảm bảo chi phí cho hoạt động thu gom vận chuyển CTRSH tại địa phương.

Đối với nước thải sinh hoạt tại khu vực đô thị, hiện nay, tỉnh Phú Yên đã đầu tư và đang vận hành thử nghiệm hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt TP. Tuy Hòa nhằm đảm bảo toàn bộ nước thải sinh hoạt của TP được thu gom và xử lý triệt để.

Công tác đầu tư hạ tầng, xử lý ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) được chú trọng: Trên địa bàn tỉnh, hiện nay, cả 3 KCN đều được đầu tư hoàn chỉnh về

hạ tầng và trạm xử lý nước thải tập trung đáp ứng yêu cầu về BVMT; đối với CCN, có 6 cụm đã và đang đầu tư kết cấu hạ tầng, trong đó có 1 CCN Hòa An đã xây dựng hệ thống thu gom nước thải tập trung, tại các CCN còn lại không phát sinh nước thải sản xuất.

Công tác thu gom và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật (BTV) sau sử dụng, rà soát và xử lý ô nhiễm thuốc BTV tồn lưu từng bước được tăng cường: Để hướng dẫn các địa phương triển khai hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói BTV sau sử dụng, tỉnh đã ban hành Quyết định số 2521/QĐ-UBND ngày 24/10/2016; đối với ô nhiễm thuốc BTV tồn lưu, trong năm 2013 - 2014, tỉnh đã tiến hành đánh giá và hoàn thành xử lý ô nhiễm 2 kho thuốc BTV tại xã Hòa Kiến (TP. Tuy Hòa), xã Xuân Thọ 1 (thị xã Sông Cầu).

Bảo vệ đa dạng sinh học (ĐDSH); ngăn chặn sự suy thoái của hệ sinh thái, suy



▲ *Đội tình nguyện vì môi trường biển “xanh - sạch - đẹp” tại bãi biển Tuy Hòa*

giảm các loài: Tỉnh đã xây dựng cơ chế tổ chức, quản lý, bảo vệ và sử dụng bền vững các khu rừng đặc dụng; ban hành các chương trình, dự án và hệ thống giải pháp thực thi, nhằm bảo tồn và phát triển các loài động, thực vật quý hiếm, đặc hữu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Krông Trai và Khu văn hóa - lịch sử - môi trường Đèo Cả. Đối với rừng ngập mặn ven đầm, tỉnh đang triển khai phục hồi, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tại đầm Ô Loan và Cù Mông. Ngoài ra, tỉnh đã hoàn thành cơ sở dữ liệu ĐDSH rừng và đang tiến hành thu thập cơ sở dữ liệu về ĐDSH vùng biển ven bờ.

TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ CHỈ THỊ SỐ 25/CT-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Bên cạnh một số kết quả đạt được trong công tác BVMT, tại Phú Yên, ô nhiễm môi trường vẫn là một vấn đề bức xúc; tình hình vi phạm pháp luật, gây ô nhiễm môi trường vẫn xảy ra... Để khắc phục những tồn tại, chủ động phòng ngừa và giảm thiểu ô nhiễm, đồng thời, triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 về Kế hoạch triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT trên địa bàn tỉnh. Theo đó, Kế hoạch tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm:

Một là, ban hành một số quy định theo thẩm quyền nhằm tạo cơ sở pháp lý trong công tác quản lý môi trường như: hoàn thiện các thủ tục để Quỹ BVMT tỉnh Phú Yên sớm đi vào hoạt động; xây dựng quy định về phân vùng xả nước thải vào các nguồn nước

mặt thuộc lưu vực sông Ba và sông Kỳ Lộ; rà soát Quy hoạch quản lý chất thải rắn và nghĩa trang, quy định quản lý bùn thải từ bể tự hoại (bể phốt, hầm cầu), hệ thống thoát nước đô thị; cơ chế huy động nhiều nguồn kinh phí để đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng các làng nghề được công nhận, đặc biệt là đối với các làng nghề truyền thống

Hai là, tiếp tục tăng cường công tác BVMT tại các KCN, CCN; nâng cao chất lượng thẩm định yêu cầu BVMT trong các dự án phát triển; chú trọng BVMT trong hoạt động khai thác khoáng sản, đặc biệt là công tác cải tạo, phục hồi môi trường.

Ba là, tập trung cải thiện môi trường tại các đô thị, nông thôn, làng nghề như tăng cường công tác thu gom, xử lý CTRSH nông thôn, bao gói thuốc BVTV sau sử dụng; đánh giá mức độ ảnh hưởng của các cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm trong khu dân cư để có cơ sở di dời và kiên quyết di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; rà soát các quy hoạch ngành nghề, làng nghề nông thôn, lập danh mục các loại hình, quy mô làng nghề cần được bảo tồn và phát triển, cũng như loại hình, quy mô sản

xuất làng nghề cần phải loại bỏ khỏi khu vực dân cư, nông thôn.

Bốn là, kiểm soát chặt chẽ hoạt động xả thải, trong đó tập trung đầu tư hệ thống lưu trữ, quản lý cơ sở dữ liệu trực tiếp từ các trạm quan trắc môi trường tự động; hướng dẫn, đôn đốc các KCN, cơ sở sản xuất có quy mô xả thải lớn lắp đặt thiết bị kiểm soát, giám sát hoạt động xả thải.

Năm là, đến năm 2020, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và Quyết định số 1788/QĐ-TTg.

Sáu là, ngăn chặn có hiệu quả sự suy thoái của các hệ sinh thái, suy giảm các loài, trong đó khẩn trương triển khai thực hiện Quy hoạch bảo tồn ĐDSH tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Bảy là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về BVMT, trong đó chú trọng tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác môi trường, ưu tiên cấp huyện, xã; sử dụng nguồn sự nghiệp môi trường để bố trí cán bộ hợp đồng phụ trách công tác BVMT cấp xã; đẩy mạnh xã hội hóa trong BVMT, huy động sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, cá nhân vào công tác BVMT.

Với tinh thần BVMT là nhiệm vụ cần tập trung, ưu tiên trong chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, UBND tỉnh Phú Yên đã phân công rõ trách nhiệm của các sở, ban ngành, UBND cấp huyện trong việc tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 25/CT-TTg trong thời gian tới■



VĂN BẢN MỚI

● Quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp

Ngày 25/5/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 68/2017/NĐ-CP về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (CCN). Theo đó, Nghị định quy định về quy hoạch, thành lập, mở rộng CCN; đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và sản xuất kinh doanh trong CCN; chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển CCN và quản lý nhà nước đối với CCN.

Các lĩnh vực, ngành, nghề, cơ sở sản xuất, kinh doanh được khuyến khích đầu tư, di dời vào CCN gồm các cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm, hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm trong làng nghề, khu dân cư, đô thị và các cơ sở sản xuất khác cần di dời vào CCN; Sản xuất sản phẩm, phụ tùng, lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn; Sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển do Chính phủ ban hành; Sản xuất các sản phẩm tiêu dùng, sử dụng nguyên liệu tại chỗ, lao động ở địa phương; Các ngành, nghề, sản phẩm có thể mạnh của địa phương, vùng và các lĩnh vực, ngành, nghề khác phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của địa phương; Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản.

Bộ TN&MT có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các Bộ, ngành và địa phương thực hiện công tác BVMT CCN; Rà soát, tổng hợp, công bố danh

mục các CCN gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong cả nước.

● Ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp quốc gia

Ngày 16/6/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 884/QĐ-TTg về Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân (BX&HN) cấp quốc gia. Mục tiêu của Kế hoạch nhằm thiết lập hệ thống tổ chức, phân công trách nhiệm, cơ chế điều hành và phối hợp giữa các tổ chức, cá nhân tham gia ứng phó với sự cố BX&HN; bảo đảm việc chuẩn bị cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị, phương tiện và nhân lực cần thiết nhằm ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu tối đa thiệt hại về con người, môi trường và tài sản khi xảy ra sự cố BX&HN; bảo đảm việc chỉ đạo, điều hành và chỉ huy ứng phó sự cố tuân theo nguyên tắc thống nhất, phân công cụ thể, chủ động, kịp thời và phù hợp với diễn biến thực tế của sự cố.

Kế hoạch cũng đề ra phương án ứng phó sự cố BX&HN cấp quốc gia, trong đó Bộ TN&MT có trách nhiệm huy động nhân lực, phương tiện tham gia ứng phó sự cố tại hiện trường để thực hiện các nhiệm vụ tùy theo tình huống sự cố, cụ thể: Cung cấp số liệu dự báo thời tiết và dữ liệu khí tượng thủy văn phục vụ đánh giá phát tán chất phóng xạ trong môi trường; Chủ trì và phối hợp với Bộ KH&CN kiểm soát ô nhiễm, đánh giá tác động môi trường do sự cố gây ra và quản lý chất thải phóng xạ.

● Quản lý, khai thác dữ liệu tài nguyên và môi trường

Ngày 14/6/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 73/2017/NĐ-CP về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu TN&MT. Theo đó, Nghị định quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám, tài nguyên môi trường biển và hải đảo; cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu TN&MT; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu TN&MT.

Nghị định cũng quy định thông tin, dữ liệu về TN&MT là các thông tin, dữ liệu được thu nhận và lưu trữ theo đúng quy định. Về nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu TN&MT phải bảo đảm tính chính xác, trung thực, khoa học, khách quan và kế thừa; Tập hợp, quản lý được đầy đủ các nguồn thông tin, dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; Lưu trữ, bảo quản đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài, thuận tiện; khai thác và phát huy hiệu quả, tiết kiệm cho xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia...

Đối với thông tin, dữ liệu về môi trường, gồm: Báo cáo hiện trạng môi trường các cấp; Danh sách các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên; Danh mục các loài



VĂN BẢN MỚI

hoang dã, loài bị đe dọa tuyệt chủng, loài bị tuyệt chủng trong tự nhiên, loài đặc hữu, di cư, ngoại lai, loài ngoại lai xâm hại, loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài trong Sách Đỏ Việt Nam; Quy hoạch môi trường; Báo cáo Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái (trên cạn, dưới nước) và an toàn sinh học; Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, Đề án BVMT, Kế hoạch BVMT; Báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ hàng năm; Báo cáo về nguồn thải, lượng chất thải, nguồn gây ô nhiễm, chất thải thông thường, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường...

● Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại

Ngày 13/6/2017, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 59/2017/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại (CTNH). Theo đó, Thông tư quy định người nộp phí là tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm định cấp giấy phép xử lý CTNH. Người nộp phí thực hiện nộp phí thẩm định trong thời gian 10 ngày làm việc tính từ thời điểm nhận được văn bản chấp thuận vận hành thử nghiệm của cơ quan cấp phép. Tổng cục Môi trường thuộc Bộ TN&MT tổ chức thu phí thẩm định theo quy định.

Mức thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép xử lý CTNH được thu theo khu vực địa lý và Biểu mức thu phí của Bộ Tài chính, cụ thể: Phí cấp mới, điều chỉnh giấy phép có bổ sung thiết bị xử lý CTNH và phí cấp lại, điều chỉnh giấy phép không bổ sung/giảm thiết bị xử lý CTNH khu vực I (12.300; 3.600 nghìn đồng), Khu vực II (16.800; 4.900 nghìn đồng); Khu vực III (33.600;

9.900 nghìn đồng); Khu vực IV (39.200; 11.500 nghìn đồng)...

Tổ chức thu phí phải nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động thẩm định, thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật...

● Đà Nẵng: Phân cấp thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp

Kể từ ngày 1/7/2017, Sở TN&MT TP. Đà Nẵng tổ chức thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp của các tổ chức, cá nhân xả thải ra môi trường thuộc đối tượng chịu phí ở các khu, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế, khu chế xuất, làng nghề tập trung và các đơn vị quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải đô thị tập trung trên địa bàn TP. Đây là nội dung trong Quy định số 18/2017/QĐ-UBND của UBND TP.Đà Nẵng về phân cấp thực hiện thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn TP.

Theo đó, Phòng TN&MT các quận, huyện tổ chức thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp của các cơ sở, đơn vị xả thải thuộc đối tượng chịu phí trên địa bàn.

Về mức tính phí nước thải công nghiệp được tính theo quy định mới của Nghị định số 154/2016/NĐ-CP như sau: Với tổng lượng nước thải dưới 20 m³/ngày, đêm sẽ được áp giá tính mức phí nước thải: là 1.500.000 đồng/năm. Trên 20 m³/ngày, đêm, mức tính phí sẽ được cộng thêm theo hàm lượng thông số ô nhiễm như sau: Nhu cầu ô xy hóa học (COD): 2.000 đồng/kg, Chất rắn lơ lửng (TSS): 2.400 đồng/kg, Thủy ngân (Hg): 20.000.000 đồng/kg, Chì (Pb): 1.000.000 đồng/kg, Arsenic (As): 2.000.000 đồng/kg, Cadmium (Cd): 2.000.000 đồng/kg.



Cải tạo môi trường hồ Hoàn Kiếm - Việc làm cấp bách để duy trì hệ sinh thái hồ và cảnh quan môi trường

Vừa qua, UBND TP. Hà Nội tổ chức Hội thảo Cải tạo môi trường nước hồ Hoàn Kiếm với sự tham gia của các nhà khoa học và đại diện các sở, ngành chức năng trên địa bàn TP. Theo kế hoạch, trong tháng 8/2017, việc nạo vét hồ Hoàn Kiếm sẽ được tiến hành và kéo dài trong 4 tháng. Để hiểu rõ hơn về vấn đề này, Tạp chí Môi trường có cuộc trò chuyện với bà Hoàng Thu Hương - Phó Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ môi trường (Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội).

***Xin bà cho biết, lý do phải cải tạo môi trường nước hồ Hoàn Kiếm?**

Bà Hoàng Thu Hương: Hồ Hoàn Kiếm được xem là “viên ngọc” của Thủ đô Hà Nội. Hồ có nhiệm vụ điều hòa vi khí hậu trong khu vực, thoát nước mưa, tạo cảnh quan xanh mát cho khu trung tâm, xung quanh hồ. Bên cạnh đó, các công trình văn hóa, xã hội xung quanh hồ đóng vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa, tín ngưỡng của cộng đồng. Tuy nhiên, những năm gần đây, hồ Hoàn Kiếm đã ở trong tình trạng báo động về mức độ ô nhiễm. Số liệu phân tích gần đây cho thấy, hồ có chỉ số ô nhiễm rất cao, đặc biệt là các thông số BOD, COD, TSS, $\text{NH}_4\text{-N}$, mật độ Coliform, hàm lượng một số kim loại nặng như Pb, Zn, Cd đều vượt QCVN 08:2015/BTNMT nhiều lần, hồ Hoàn Kiếm hiện ở tình trạng siêu phú dưỡng; độ pH thường xuyên > 9.0 là do mật độ tảo lam phát triển quá dày đặc. Quan trắc sự biến đổi oxy hòa tan (DO) trong hồ cho thấy, nồng độ DO thay



▲ Bà Hoàng Thu Hương - Phó Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ môi trường

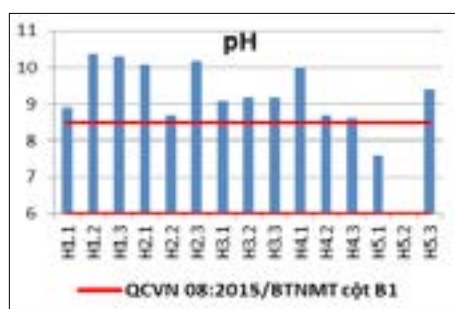
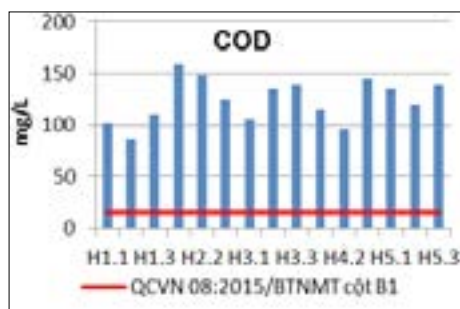
đổi rất mạnh trong ngày, mức cao nhất vào khoảng 14 - 16 h lên đến 14 mg/l (178% DO bão hòa), mức thấp nhất vào 4 - 6h sáng có thể xuống tới 2,65 mg/l (42% DO bão hòa), mức dưới ngưỡng chịu đựng của động vật thủy sinh. Đây là nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự suy giảm đa dạng sinh học (ĐDSH) của hồ Hoàn Kiếm.

Theo một số số liệu điều tra sơ bộ về ĐDSH, chỉ số đa dạng D của hồ Hoàn Kiếm ở mức $D < 1$, tương ứng với mức phân loại hồ ô nhiễm rất nặng. Khảo sát về thực vật phù du trong hồ cho thấy, tới 93% lượng tảo trong hồ là tảo lam

(vi khuẩn lam) hiện đang ức chế và gây ảnh hưởng đến sự phát triển của các loài sinh vật khác trong hồ; hiện nay, trên trầm tích đáy hồ có độ dày 0,5 - 1,64 m, độ sâu cột nước chỉ có từ 0,3 - 0,94 m. Với tính chất trầm tích rất phức tạp, trong đó hàm lượng kim loại nặng cao, đặc biệt là hàm lượng chất dinh dưỡng N và P rất cao là nguồn dinh dưỡng cho sự bùng nổ tảo trong hồ. Do đó, việc cải tạo môi trường hồ rất cấp bách để duy trì hệ sinh thái (HST) và cảnh quan môi trường. Trong đó, việc nạo vét lớp trầm tích đáy hồ cần triển khai trước tiên để loại bỏ nguồn gây ô nhiễm cho hồ Hoàn Kiếm.

***Với vai trò là cơ quan tư vấn khoa học, Viện Khoa học và Công nghệ môi trường đã tiến hành hoạt động này như thế nào để giúp cải tạo môi trường hồ?**

Bà Hoàng Thu Hương: Hồ Hoàn Kiếm là di tích quốc gia đặc biệt, được sự quan tâm và yêu quý của cộng đồng, vì



▲ Kết quả khảo sát chất lượng nước tại 15 điểm thuộc 5 mặt cắt trên hồ Hoàn Kiếm (quan trắc ngày 12/6/2017)



vậy, các hoạt động cải tạo cần tiến hành cần trọng theo từng giai đoạn. Giai đoạn đầu tiên là nạo vét lớp trầm tích lưu cữu nhiều năm ở đáy hồ. Để chuẩn bị cho hoạt động này, Viện phối hợp với Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật tiến hành triển khai khảo sát toàn diện hồ Hoàn Kiếm về đặc điểm địa hình, thủy văn, kết cấu lớp trầm tích, chất lượng nước, đặc tính trầm tích, đặc điểm HST khu vực hồ (bao gồm hệ động, thực vật phù du, động vật đáy). Trên cơ sở kết quả đánh giá và xem xét phương án nạo vét do Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội đề xuất, chúng tôi sẽ tư vấn phương thức triển khai như phân vùng khu vực thi công, mức độ trầm tích cần nạo vét để đảm bảo duy trì HST của hồ. Đồng thời, kiến nghị các giải pháp cụ thể nhằm hạn chế các tác động của quá trình nạo vét đến hoạt động thường ngày của cư dân sống xung quanh hồ và đặc biệt là tác động đến HST của hồ.

***Xin bà cho biết về các quy trình tiến hành phương án nạo vét hồ để không ảnh hưởng đến các hệ sinh vật thủy sinh, cũng như các điểm di tích Tháp Rùa, đền Ngọc Sơn, cầu Thê Húc?**

Bà Hoàng Thu Hương: Phương án thi công được tiến hành kết hợp giữa nạo vét cơ giới và nạo vét thủ công.

Thi công nạo vét bằng thiết bị cơ giới (dây chuyền C2 cải tiến): Sử dụng máy xúc đứng trên ponton (ụ nổi) xúc bùn lên phễu chứa của máy bơm bùn công suất 40 - 60 m³/h. Máy bơm bùn được đặt trên ụ nổi, ống dẫn bùn được nằm trên hệ phao nổi để dẫn vào bờ. Các thiết bị thi công được di chuyển trên mặt hồ bằng hệ thống tời đặt trên bờ. Mặt bằng nạo vét được chia thành 10 vùng. Khu vực phía Tây 5 vùng, phía Đông 5 vùng đối xứng nhau qua trục Bắc - Nam giữa hồ. Hai mũi thi công song song, thi công từ hướng Nam lên hướng Bắc (từ phía phố Hàng Khay lên).

Phạm vi nạo vét bằng cơ giới cách mép chân kè xung quanh hồ, cách mép kè Tháp Rùa, cầu Thê Húc và đền Ngọc Sơn là >7 m; Phạm vi nạo vét bằng thủ công trong phạm vi 7 m xung quanh khu vực chân kè, cách mép kè Tháp Rùa, cầu Thê Húc và đền Ngọc Sơn là trong phạm vi <7 m. Chiều sâu lớp bùn nạo vét là 60 cm lớp bùn dày phía dưới; Chiều sâu lớp bùn còn lại là 35 cm, lớp bùn mềm phía trên; Tổng khối lượng nạo vét bằng thiết bị cơ giới: V= 57.400 m³ (chiều sâu nạo vét TB 0,60 m); Khối lượng nạo vét bằng thủ công: V= 2.533 m³ (chiều sâu nạo vét TB 0,20 m). Để bảo vệ hệ thủy sinh dùng lưới vây đồn hệ



▲ Các chuyên gia lấy mẫu nước hồ Hoàn Kiếm

thủy sinh vào vị trí riêng biệt cách xa khu vực thi công.

***Sau việc cải tạo này, liệu có thể bảo vệ màu xanh đặc hữu của hồ Hoàn Kiếm không, thưa bà?**

Bà Hoàng Thu Hương: Hiện nay, màu xanh của hồ đã không còn màu “lục” như trước kia. Do mật độ tảo lam chiếm 93% mật độ tảo trong hồ, do đó hiện nay, phổ màu thường xuyên của hồ là màu “lam”. Việc nạo vét lòng hồ nhằm mục đích loại bỏ nguồn phát sinh dinh dưỡng trong hồ, đặc biệt là phốt pho. Một số nghiên cứu chỉ ra rằng, nhóm microcystis trong lớp bùn đáy hồ kích thích sự hoạt động của các vi sinh vật dẫn đến sự giải phóng phốt pho vào nước, trong khi đó, nhóm microcystis là nhóm vi khuẩn lam phát triển rất mạnh trong hồ. Việc nạo vét hy vọng sẽ làm giảm quá trình phát triển của tảo lam và dẫn thúc đẩy sự phát triển của tảo lục trong hồ. Hiện nay, các nghiên cứu đang tiếp tục thực hiện nhằm phân lập các tảo lục của hồ và có biện pháp bảo tồn để nhân rộng.

Do đó, việc loại bỏ tảo lam và phát triển tảo lục cần có các giải pháp bổ sung không chỉ dừng lại ở việc nạo vét đáy hồ.

***Xin bà cho biết, ngoài việc cải tạo môi trường nước, các khu vực cảnh quan xung quanh hồ có phương án nào cải tạo, thay mới không?**

Bà Hoàng Thu Hương: Nhiệm vụ tư vấn của Viện Khoa học và Công nghệ môi trường chỉ dừng lại ở hạng mục nạo vét bùn lòng hồ, là nền tảng cho việc tiến hành cải tạo chất lượng môi trường hồ. Chúng tôi sẽ đề xuất với UBND TP. Hà Nội tiếp tục xem xét đầu tư các giải pháp tổng thể để bảo tồn HST đặc trưng của hồ Hoàn Kiếm, tăng cường ĐDSH, hạn chế tối đa việc đưa hóa chất vào hồ, xem xét bổ sung các hạng mục khác, nhằm phục hồi HST hồ làm tăng giá trị cho hoạt động nạo vét này.

Một số giải pháp cần làm ngay như bổ cập nước cho hồ, duy trì mực nước trong hồ khoảng 2 m, ưu tiên sử dụng nước mưa sau khi qua xử lý. Nguồn nước ngầm khai thác tại chỗ là giải pháp dự phòng trong thời điểm ban đầu cần bổ cập một lượng nước lớn và chưa có nước mưa; Việc bổ cập nước mưa và nước ngầm nhằm mục tiêu không đưa nguồn nước có thể chứa sinh vật ngoại lai vào hồ. Mặt khác, sử dụng các bè thủy sinh tạo môi trường sinh sản cho động vật thủy sinh cũng là một giải pháp cần xem xét. Về lâu dài, TP nên xem xét cải tạo cấu trúc kè hồ để tạo môi trường sinh trưởng cho sinh vật thủy sinh và đưa vào hồ các loài sinh vật phù hợp để tăng cường HST hồ.

***Xin cảm ơn bà.**

PHẠM TUYÊN (Thực hiện)



Cơ chế tự nguyện, linh hoạt về quản lý môi trường trong các Hiệp định thương mại tự do

ThS. NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG, TS. NGUYỄN HẢI YẾN
 Tổng cục Môi trường

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, cách tiếp cận quản lý môi trường truyền thống như “mệnh lệnh - kiểm soát” hay các công cụ kinh tế thể hiện sự cứng nhắc và thiếu hiệu quả. Do đó, các nhà xây dựng chính sách đã khuyến khích các đối tượng tham gia BVMT một cách tình nguyện và linh hoạt. Các cơ chế tự nguyện, linh hoạt trong quản lý môi trường được xem là giải pháp hiệu quả và mất ít chi phí.

CƠ CHẾ TỰ NGUYỆN, LINH HOẠT TRONG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đang gia tăng nhanh trong những năm gần đây. Bên cạnh việc mang lại các lợi ích kinh tế - xã hội cho nhiều khu vực trên thế giới, FDI cũng đang đe dọa chất lượng môi trường ở nhiều quốc gia. Tuy nhiên, các doanh nghiệp (DN) FDI lớn sẽ thúc đẩy việc thiết lập các tiêu chuẩn môi trường cao hơn thông qua chuyển giao công nghệ và các hoạt động BVMT. Xu hướng FDI đang tiếp tục mở rộng với các tập đoàn đa quốc gia ở nước đang phát triển. Những tác động lớn đến môi trường thường liên quan đến các dự án phạm vi rộng, trong lĩnh vực công nghiệp nhạy cảm với TN&MT như khai thác mỏ và lâm nghiệp.

Ngoài các công cụ quản lý môi trường truyền thống, Chính phủ các nước cần có chính sách tạo ra sự chủ động, tích cực đối với các nhà đầu tư FDI để họ trở thành nhân tố chủ đạo trong BVMT. Giải pháp phổ biến là sử dụng cơ chế tự nguyện, linh hoạt để bổ sung hoặc thay thế các quy định cưỡng chế của Chính phủ nhằm tăng cường trách nhiệm BVMT đối với DN tư nhân.

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), tiếp cận tự nguyện là các chương trình cải thiện việc thực thi môi trường theo quy định pháp luật và được chia thành 4 loại: Chương trình tự nguyện cộng đồng liên quan đến các cam kết được thiết lập bởi một tổ chức cộng đồng (có thể là chính quyền địa phương hoặc tổ chức phi chính phủ), trong đó các DN, cá nhân được mời tham gia; Thỏa thuận đàm phán liên quan đến các cam kết về BVMT, được



▲ Các DN FDI lớn sẽ thúc đẩy việc thiết lập các tiêu chuẩn môi trường

thông qua giữa cơ quan công quyền và DN; Cam kết đơn phương được thiết lập bởi các ngành công nghiệp độc lập mà không liên quan đến cơ quan công quyền; Thỏa thuận cá nhân đạt được thông qua thương lượng trực tiếp giữa các bên liên quan.

Các cơ chế linh hoạt hay cơ chế Kyoto bao gồm thị trường phát thải (ET), cơ chế phát triển sạch (CDM), thực hiện cổ phần (JI). Đây là các cơ chế được định nghĩa theo Nghị định thư Kyoto nhằm đạt mục tiêu giảm phát thải với chi phí thấp. Những cơ chế này được các bên tham gia ký kết để giảm phát thải hoặc loại bỏ cacbon ra khỏi

bầu khí quyển ở các quốc gia khác nhau. Trong đó, chi phí hạn chế phát thải là khác nhau giữa các vùng nhưng lợi ích đối với bầu khí quyển là như nhau. Đây chính là cơ chế áp dụng hiệu quả cho các DN trong bối cảnh biến đổi khí hậu hiện nay.

CƠ CHẾ TỰ NGUYỆN, LINH HOẠT TRONG CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO

Trong bối cảnh các vấn đề môi trường ngày càng gia tăng do các tác động của con người, vấn đề thương mại và chính sách về môi trường có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Những chính sách thương



mại phù hợp có thể hỗ trợ việc đạt được các mục tiêu môi trường, tuy nhiên cũng có những ảnh hưởng tiềm tàng tới môi trường. Vì vậy, các Hiệp định thương mại tự do (FTA) gần đây đã được phát triển hơn khi đề cập nhiều hơn tới các vấn đề môi trường. Đây là một xu hướng tất yếu và cấp thiết hiện nay.

Các FTA thế hệ mới như Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và FTA Việt Nam - EU (EVFTA) có quy định về cơ chế tự nguyện, linh hoạt. Trong đó, các hình thức áp dụng như chứng nhận, dán nhãn sản phẩm, nhãn sinh thái, kiểm toán và báo cáo tự nguyện, ưu đãi dựa trên thị trường, chia sẻ tự nguyện thông tin và chuyên môn, quan hệ đối tác công - tư, các hình thức khác nhằm tăng cường trách nhiệm BVMT. Theo cam kết, các bên cần có cơ chế để tối đa hóa lợi ích môi trường và tránh việc tạo ra các rào cản không cần thiết đối với thương mại.

Các cơ quan liên quan, DN, tổ chức kinh doanh, phi chính phủ và cá nhân tham gia vào sự phát triển, nâng cao các tiêu chí đánh giá công tác BVMT, liên quan đến các cơ chế tự nguyện được áp dụng nhằm BVMT và tài nguyên thiên nhiên. Hơn nữa, các cơ chế tự nguyện được các cá nhân hoặc tổ chức phi chính phủ áp dụng để quảng bá sản phẩm, dựa trên chất lượng môi trường. Đặc biệt, các cơ chế này cần đảm bảo trung thực, không gây hiểu lầm và có đầy đủ các thông tin khoa học, kỹ thuật, hướng dẫn...

Một số FTA ký kết giữa Mỹ và các quốc gia khác (Chile, Singapo) quy định, các bên liên quan “nên tăng cường vai trò của DN trên phạm vi hoạt động của họ hoặc ban hành các nguyên tắc hợp tác tự nguyện trong quản lý đối với các chính sách nội bộ...”. FTA ký kết giữa Mỹ - Moroco, Mỹ - các nước thuộc địa Costa Rica, El Salvador, Guatemala, Honduras, Nicaragua (CAFTA - DRR) và FTA Mỹ - Bahrain đều có danh sách chi tiết hoặc các cơ chế tự nguyện nhằm tăng cường trách nhiệm môi trường.

Như vậy, qua các nghiên cứu trên thế giới có thể thấy, thuật ngữ cơ chế tự nguyện, linh hoạt đã được áp dụng nhằm tăng phạm vi áp dụng và cân bằng giữa lợi ích kinh tế, môi trường trong chính sách quản lý của nhà nước. Các cơ chế này thiết lập dựa trên sự tự nguyện, thỏa thuận giữa các bên liên quan. Nhằm tăng tính nghiêm khắc trong thực thi, các cơ chế tự nguyện, linh hoạt được thiết lập trong khuôn khổ luật pháp quốc gia■

Kinh nghiệm thế giới về cây trồng biến đổi gen và đề xuất giải pháp tại Việt Nam

PGS. TS. NGUYỄN TRUNG DŨNG

Đại học Thủy lợi

Cây trồng biến đổi gen (GMO) được tạo ra lần đầu tiên vào năm 1982. Hiện nay, công nghệ GMO trên cây trồng đang được thực hiện ở nhiều nước phát triển như Mỹ, Anh, Nhật Bản, Ôxtrâyliya, trên nhiều loại cây (đậu nành, ngô, khoai tây, cà chua, bông vải...), với các loại gen khác nhau. Các nước đang phát triển chú trọng công nghệ này là Trung Quốc và Ấn Độ. Bài viết đánh giá hiện trạng, xu hướng phát triển và sử dụng GMO trên thế giới và Việt Nam hiện nay, cũng như nguy cơ về cây trồng GMO để giúp các nhà hoạch định chính sách định hướng phát triển an toàn sinh học đối với cây trồng GMO.

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÂY GMO TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

Theo số liệu báo cáo của Trung tâm dịch vụ quốc tế về tiếp thu các ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp (ISAAA) năm 2015, sau 20 năm phát triển (từ năm 1996), các loại cây trồng GMO được thương mại hóa ngày càng tăng qua các năm. Tính riêng năm 2014, cây GMO được trồng tại 28 nước với tổng diện tích khoảng 181,5 triệu ha (số nước trồng

cây GMO tăng 4 lần, diện tích tăng hơn 100 lần so với năm 1996), tỷ lệ tăng trưởng hàng năm khoảng 3 - 4%. Trong đó Mỹ là quốc gia đứng đầu về diện tích cây trồng GMO trên thế giới (73,1 triệu ha, chiếm 40%), tiếp đến là Brazil (42,2 triệu ha), Ác-hen-ti-na (24,3 triệu ha), Ấn Độ (11,6 triệu ha), Canada (11,6 triệu ha). Mặc dù có nhiều gen được ứng dụng chuyển vào trong cây nhưng đến nay mới chỉ có 7 nhóm cây trồng GMO được phép thương mại hóa (khả năng chống chịu các stress phi sinh học, năng suất hạt, kháng côn trùng, kháng thuốc diệt cỏ, nâng cao chất lượng, kiểm soát sự thụ phấn...). Trong đó, các cây trồng GMO như đậu tương, bông, ngô và cây cải dầu được canh tác rộng rãi.

Điều đáng chú ý, số quốc gia đang phát triển đưa cây trồng GMO vào canh tác ngày càng tăng, trong khi các nước phát triển (đặc biệt là các nước châu Âu) còn hạn chế mở rộng diện tích trồng cây GMO và các sản phẩm GMO được quản lý chặt chẽ. Trong khi Mỹ coi thực phẩm GMO như sản phẩm truyền thống, không cần ghi nhãn thì các quốc gia châu Âu bắt buộc ghi nhãn thực phẩm có nguyên liệu GMO (chiếm từ



▲ Giống ngô NK 4300 Bt/GT GMO kháng sâu đục thân, thuốc trừ cỏ đã được đưa vào trồng tại Việt Nam làm thức ăn chăn nuôi

0,9% trở lên). Đặc biệt ở Đức, việc dán nhãn này được thực hiện nghiêm ngặt, nhằm tăng tính minh bạch cho người tiêu dùng. Ở đây còn cấm sử dụng các chất enzym hoặc các phụ gia như vitamin, axit amin hay hương liệu được sản xuất theo kỹ thuật GMO. Đối với các sản phẩm động vật như thịt, sữa hoặc trứng, trong quá trình chăn nuôi không được phép dùng thức ăn có GMO. Luật pháp quy định, tùy thuộc vào loại gia súc phải đảm bảo một thời hạn nhất định không được nuôi bằng ăn thức ăn có GMO. Song cho phép các phụ gia trong thức ăn chăn nuôi được sản xuất từ sản phẩm GMO. Ngoài ra, cũng cho phép gia súc được điều trị bằng dược phẩm hay vắc xin được sản xuất nhờ GMO.

Tại Việt Nam, năm 2005, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 50-CT/TW về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong đó nêu rõ: "Làm chủ được công nghệ gen nhằm tạo ra các GMO thực vật, động vật theo hướng có lợi". Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 188/2005/QĐ-TTg về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW và giao Bộ NN&PTNT triển khai "Chương trình trọng điểm phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020". Mục tiêu đến năm 2015,

phát triển công nghệ sinh học hiện đại, tập trung vào công nghệ gen, đưa một số giống cây trồng GMO vào sản xuất và đến năm 2020 diện tích trồng trọt các giống cây trồng GMO chiếm 30 - 50%.

Triển khai chương trình trên, các Viện (Công nghệ sinh học, Nghiên cứu hệ gen thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Di truyền nông nghiệp, lúa đồng bằng sông Cửu Long, Nghiên cứu Ngô thuộc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt nam, Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam), và trường (Đại học Lâm nghiệp, Học viện Nông nghiệp Việt Nam) đã tiếp cận và làm chủ được công nghệ GMO. Bước đầu tạo được một số dòng ngô, đậu tương, xoan ta, thông, khoai lang GMO có khả năng kháng sâu, chống chịu thuốc trừ cỏ, tăng trưởng nhanh hoặc chịu hạn. Đồng thời, Bộ NN&PTNT đã cấp 20 giấy xác nhận thực vật GMO đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức

ăn chăn nuôi cho cây ngô và đậu tương GMO thuộc các công ty tại Việt Nam (Dekalb; Syngenta; Bayer; Pioneer Hybrid) như: NK66Bt, NK66Bt/GT, NK66GT, K4300Bt/GT, NK67Bt/GT, NK7328Bt/GT...

MỘT SỐ NGUY CƠ VỀ CÂY TRỒNG GMO

Đối với môi trường

Nguy cơ đầu tiên là việc GMO mang các yếu tố chọn lọc (chịu lạnh, hạn, mặn hay kháng sâu bệnh...) phát triển tràn lan trong quần thể thực vật. Điều này làm mất cân bằng hệ sinh thái và giảm tính đa dạng sinh học (ĐDSH) của loài cây được chuyển gen. Bên cạnh đó, việc chuyển gen từ cây trồng vào các vi khuẩn trong đất sẽ làm đất nhanh bạc màu. Hiện nay, các chuyên gia công nghệ sinh học đang nỗ lực giảm thiểu các rủi ro nêu trên và theo dõi các thử nghiệm GMO trong phòng thí nghiệm, cũng như ngoài đồng ruộng trước khi đưa ra thị trường thương mại. Nói tóm lại, nếu được thiết kế và sử dụng đúng phương pháp, có thể quản lý được các nguy cơ của GMO đối với môi trường hiệu quả, tuy nhiên nếu để xảy ra các sai sót thì môi trường đất sẽ bị ảnh hưởng.

Đem chất độc hại cho đồng ruộng

Hầu hết cây trồng GMO đang được canh tác, do gen bị làm thay đổi nên miễn dịch với một số thuốc trừ cỏ. Qua canh tác trên đồng ruộng trồng cây GMO, những loại cỏ dại lại kháng thuốc diệt cỏ. Hầu hết những trường hợp kháng thuốc đều diễn ra ở Mỹ, nơi canh tác đến 90% đậu tương, ngô và bông GMO. Để



▲ Các đại biểu tham quan mô hình khảo nghiệm cây trồng GMO tại Viện Di truyền nông nghiệp

khắc phục vấn đề này, các nhà khoa học Mỹ đã đưa ra giải pháp với việc kết hợp các gen di truyền với nhau. Điều này tạo ra một cuộc chạy đua chất độc hại trên cánh đồng nông nghiệp.

Với công nghệ bản gen và chuyển gen gián tiếp thông qua vi khuẩn vào nhiều cây trồng đã tạo ra những chất độc hại cho côn trùng chuyên diệt sâu bọ. Ví dụ cải dầu với thành phần dầu chuyển đổi, ngô bắp có vi khuẩn *Bacillus thuringiensis* (Bt), bông kháng thuốc diệt cỏ bromoxynil, bông kháng côn trùng, đậu nành kháng thuốc diệt cỏ glyphosate, bí kháng vi rút và cà chua chín chậm. Do vậy, người nông dân phải sử dụng bổ sung thêm thuốc diệt cỏ. Việc sử dụng rộng rãi thuốc diệt cỏ roundup (có chứa hoạt chất Glyphosat) cho cây GMO gây độc hại đối với tế bào người. Từ năm 2015, loại hóa chất này được Tổ chức nghiên cứu ung thư của WHO (IARC) xếp vào "chất nguy cơ gây ung thư".

Hạn chế quyền của người nông dân

Sau năm 2000, Tòa án tư pháp tối cao ở châu Âu, Viện khiếu kiện của Tổ chức cấp bằng sáng chế châu Âu ở Munich (EPA) đã quyết định, cây trồng GMO về nguyên tắc có thể cấp bằng sáng chế. Những giống cây được cấp bằng sáng chế không được phép nhân rộng nếu không được phép của chính đơn vị cấp bằng sáng chế. Do đó, người trồng trọt bị hạn chế tiếp cận nguồn nguyên liệu gen. Những người

nông dân muốn phát triển cây trồng GMO, hàng năm phải chi trả lệ phí sáng chế cho hạt giống. Như vậy, các bằng sáng chế đã gây ra những giới hạn đối người nông dân trong sản xuất nông nghiệp.

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN AN TOÀN SINH HỌC CÂY TRỒNG GMO TẠI VIỆT NAM

Sau khi trở thành thành viên chính thức của Nghị định thư Cartagena về an toàn sinh học, Việt Nam đã xây dựng các văn bản quản lý an toàn sinh học đối với GMO, trong đó có nội dung đánh giá, quản lý an toàn sinh học các GMO và sản phẩm của GMO đối với ĐDSH, sức khỏe con người, động vật. Theo đó phải xác định các tác động bất lợi có thể xảy ra đối với ĐDSH và sức khỏe con người, động vật, điều kiện xuất hiện, mức độ ảnh hưởng, từ đó đề ra các giải pháp quản lý. Cụ thể, Việt Nam cần thực hiện một số giải pháp như:

Nghiên cứu mức độ ảnh hưởng của cây trồng GMO đến môi trường và ĐDSH loài; tiến hành trồng thí nghiệm giống cây GMO trong vòng 3 năm, với nhiều địa điểm đại diện cho những vùng trồng nhiều giống cây này; Cây trồng GMO phải được đánh giá về mặt kiểu hình (độ nảy mầm, chiều cao cây...), hàm lượng của các chất khoáng, chất xơ, chất béo, protein, axit amin.

Xây dựng hệ thống và các phương pháp phát hiện sản phẩm GMO, có phòng xét nghiệm phân tích nguy cơ tiềm tàng của loại sản phẩm này. Đồng thời, đánh giá khả năng gây dị ứng, độc tính và khả năng tiêu hóa các protein.

Xây dựng cơ sở dữ liệu, cơ chế chia sẻ thông tin về GMO và hệ thống truy nguyên nguồn gốc GMO; thực hiện dán nhãn các sản phẩm GMO.

Thanh tra, kiểm soát, giám sát chặt chẽ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu và sử dụng GMO. Đặc biệt là biện pháp giám sát các sản phẩm GMO sau khi đưa ra thị trường cần được tiếp tục theo dõi về độ an toàn của sản phẩm.

Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng các cấp về thông tin và sự hiểu biết về GMO...■



Đầu mẩu thuốc lá và sức khỏe môi trường biển - Vấn đề cần quan tâm

ThS. LÊ ĐẠI THẮNG - Phó Cục trưởng

Cục Kiểm soát tài nguyên và Bảo vệ môi trường biển, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam

ThS. NGUYỄN THỊ LAN ANH - Phó Giám đốc

Viện Quy hoạch môi trường, Hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn - Bộ Xây dựng

ĐẦU MẪU THUỐC LÁ - NHỮNG CON SỐ CẦN QUAN TÂM

Theo Đại học Cộng đồng Lansing, Michigan - Mỹ, trên toàn thế giới, mỗi năm có tới xấp xỉ 4,95 nghìn tỷ đầu mẩu thuốc lá được thải ra, trong đó ở Mỹ là hơn 250 tỷ; Vương quốc Anh lên tới 200 tấn và Ôxtrâyli là 7 tỷ. Hầu hết, ở các nước phương tây, đầu mẩu thuốc lá chiếm khoảng 50% tổng lượng rác thải ra.

Trung tâm Bảo tồn biển - một tổ chức phi lợi nhuận chuyên về bảo tồn sinh vật biển của Mỹ cho biết, trong các chiến dịch làm sạch và thu gom rác, đầu mẩu thuốc lá chiếm tới 1/5 trong tổng lượng rác thu gom và trở thành dạng rác thải phổ biến nhất trên Trái đất.

Kết quả điều tra toàn cầu về sử dụng thuốc lá ở người trưởng thành cho thấy, Việt Nam là một trong những nước có tỷ lệ nam giới hút thuốc lá cao nhất thế giới với 47,4% nam giới trưởng thành và tỷ lệ nữ hút thuốc chiếm 1,4% nữ giới trưởng thành. Năm 2015, Việt Nam có 22,5% dân số trên 15 tuổi đang hút thuốc, tương đương với 15,6 triệu người. Trong số những người đang hút thuốc lá có 75,9% người hút thuốc lá từ 10 điếu và 37,6% hút từ 20 điếu thuốc trở lên mỗi ngày. Hiệp hội Thuốc lá Việt Nam cho biết, sản lượng thuốc lá điếu của Việt Nam vào khoảng 100 - 110 tỷ điếu/năm, xuất khẩu 20 - 22 tỷ điếu/năm. Như vậy, tính ra mỗi năm, người tiêu dùng trong nước tiêu thụ trên 80 tỷ điếu thuốc lá, tức là mỗi năm có tới 80 tỷ đầu mẩu thuốc lá được vứt ra.

Đầu mẩu thuốc lá là loại rác có hại bởi chúng bị nhiễm tới 4.000 chất hóa học, trong đó nhiều chất có độc tính cao. Ngoài các chất hóa học vốn có ở các đầu mẩu thuốc lá đã được hút còn phải nói đến danh sách các chất hóa học có độc tính cao ngấm vào cây và sợi thuốc lá khi trồng và chế biến như thuốc trừ sâu, vinyl clorua, cadmium, acetone, formaldehyde, benzene, hydrogen cyanide... Kể cả khi bộ lọc thuốc lá còn nguyên sơ nhất thì chúng cũng vẫn được làm bằng các sợi

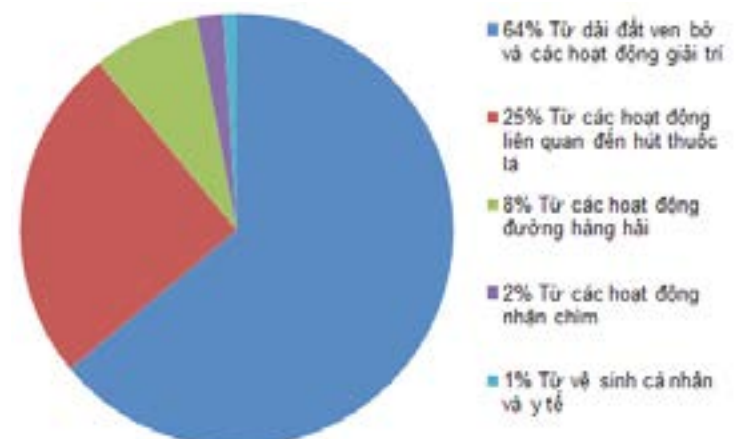
hóa học axetat và xenluloza, bao phủ bởi giấy hay sợi nhân tạo và được xử lý bằng keo, muối và hóa chất khác.

ĐẦU MẪU THUỐC LÁ CHIẾM TỶ LỆ ĐÁNG KỂ TRONG RÁC THẢI BIỂN

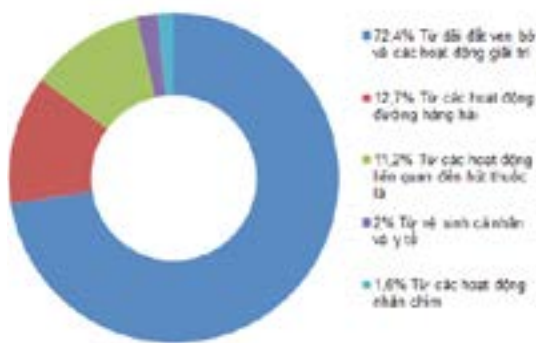
Trong xã hội hiện đại ngày nay, xu hướng bài trừ thuốc lá, cấm hút thuốc lá trở lên mạnh mẽ, thì không gian dành cho người hút thuốc lá ngày càng bị thu hẹp. Việc hút thuốc bị nghiêm cấm ở khắp nơi và những người nghiện thuốc phải tìm một không gian khác để hút thuốc. Biển, bãi biển đang là những lựa chọn và địa điểm lý tưởng cho việc hút thuốc. Bên cạnh đó là các lề đường, bụi cỏ, công viên... như là một gạt tàn thuốc vĩ đại và tiện lợi hơn bất cứ gạt tàn thông thường nào.

Những đầu mẩu thuốc lá được vứt ở các bãi đậu xe, dọc theo những vỉa hè, lề đường, bụi cỏ, công viên... qua các cống rãnh, sông suối và cuối cùng ra biển và đại dương. Khi tiến hành đếm các mẩu thuốc lá dạt vào bờ biển ở bang California - Mỹ, những người tình nguyện đã đếm được đến 1.300.000 đầu mẩu thuốc lá trong số 3 triệu pounds (tương đương 1.360.776 kg) rác thu nhặt được dọc theo 7.100 dặm bờ biển.

Theo báo cáo của Ocean Conservancy - Mỹ, qua Chiến dịch quốc tế làm sạch bãi biển tổ chức năm 2009, rác thải biển có nguồn gốc từ các hoạt động liên quan đến hút thuốc lá chiếm 25% trong tổng số 5 nguồn rác thải biển toàn cầu. Ở khu vực Đông Nam Á, con số này chiếm 11,2%.



▲ Hình 1: Tỷ lệ phần trăm 5 nguồn rác thải biển trên toàn cầu



▲ Hình 2: Tỷ lệ phần trăm 5 nguồn rác thải biển ở khu vực Đông Nam Á

Trong tổng số rác biển thu gom được qua Chiến dịch quốc tế làm sạch bãi biển tổ chức năm 2009 của Ocean Conservancy, thuốc lá và đầu lọc thuốc lá có số lượng lớn nhất trong danh mục 10 loại rác biển có số lượng lớn nhất.

Trong suốt 25 năm triển khai Chiến dịch quốc tế làm sạch bãi biển, vào năm 2012, Ocean Conservancy đã tổng hợp số lượng đầu mẩu thuốc lá thu gom được trên khắp thế giới là một con số khổng lồ đáng kinh ngạc 52,9 triệu. Số lượng đầu mẩu thuốc lá thu gom được qua các năm đều luôn đứng vị trí thứ nhất trong số rác thu gom được. Cơ quan Khí tượng và Đại dương của Mỹ (NOAA) nhận định, 21% tổng số lượng rác thu được từ các chiến dịch làm sạch bãi biển thuộc về đầu mẩu thuốc lá.

ẢNH HƯỞNG TIÊU CỰC CỦA ĐẦU MẪU THUỐC LÁ ĐẾN MÔI TRƯỜNG BIỂN

Đầu mẩu thuốc lá được cấu tạo một phần bởi chất Cellulose-acetate là một chất nhựa khó phân hủy một cách tự nhiên, có chứa các hóa



▲ Diễu hành hưởng ứng Ngày thế giới không thuốc lá và Tuần lễ Quốc gia không thuốc lá

chất độc như cadmium, asen và chì. Trong quá trình hút thuốc, các chất này được giữ lại ở đầu lọc thuốc lá. Khi đầu mẩu thuốc lá bị bỏ đi, gió và mưa đưa chúng đến với các hệ thống nước. Các hóa chất độc hại có trong đầu mẩu thuốc lá sẽ ngấm vào hệ sinh thái thủy sinh, hòa cùng nguồn nước của đại dương, đe dọa đến chất lượng nước và sinh vật biển.

Nghiên cứu của Hiệp hội Hóa học Hoàng gia Ôxtrâyliya vào năm 2009 đã kết luận: Các đầu mẩu thuốc lá rải rác khắp nơi là “nguy cơ đe dọa sự sống các loài thủy sinh”. Tiếp xúc

lâu dài với lượng dư các hóa chất độc từ đầu mẩu thuốc lá sẽ gây ra độc tố tập trung vào từng loài cá và độc tố càng tập trung khi cá lớn nuốt cá bé cùng với sự vận chuyển các hóa chất theo chuỗi thức ăn.

Một nghiên cứu khác của Đại học Khoa học Y khoa Bushehr (Iran) vào năm 2015 đã tìm thấy kim loại nặng trong cát (do đầu mẩu thuốc lá ngấm xuống) dọc theo bờ biển tại 9 địa điểm ở phía Bắc vịnh Ba Tư. Các nhà khoa học cho rằng, phản ứng của động vật và thực vật đối với kim loại là rất khác nhau. Nồng độ kim loại nặng, kim loại vi lượng trong nước và đất cao có thể ảnh hưởng đến một số loài; ô nhiễm có thể làm tăng khả năng chịu đựng kim loại của các sinh vật khác.

Hơn nữa, các đầu mẩu thuốc lá được làm bằng chất dẻo xenlulo axetat, khi hoạt động thì chất này giống như một ống dẫn có tác dụng dẫn kim loại vào cơ thể các động vật biển. Công trình nghiên cứu cho thấy, các đầu mẩu thuốc lá có thể hoạt động như một phương tiện truyền dẫn

Bảng 1: Mười loại rác biển có số lượng lớn nhất trong các loại rác thải biển thu gom được

Thứ tự	Loại rác	Số lượng	Tỷ lệ phần trăm trong tổng số
1	Thuốc lá/đầu lọc thuốc lá	2.189.252	21%
2	Túi (nhựa)	1.126.774	11%
3	Túi, giấy gói, hộp đựng thức ăn	943.233	9%
4	Nắp đậy, nút đậy	912.246	9%
5	Chai đựng đồ uống (nhựa)	883.737	9%
6	Cốc, bát đĩa, đĩa, dao, thìa	512.517	5%
7	Chai đựng đồ uống (thủy tinh)	459.531	4%
8	Hộp, lon đồ uống	457.631	4%
9	Ống hút, thìa khuấy	412.940	4%
10	Túi (giấy)	331.476	3%
Tổng số mẫu rác của mười loại có số lượng lớn nhất		8.229.337	80%
Tổng số mẫu rác thu gom trên toàn thế giới		10.239.538	100%

▲ Nguồn: Ocean Conservancy, 2010



kim loại và khi những đầu mẩu thuốc lá này phân hủy có thể ảnh hưởng đến các sinh vật biển.

BVMT BIỂN TRƯỚC CÁC TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU MẪU THUỐC LÁ

Trong khi chờ đợi các kết quả nghiên cứu và bằng chứng rõ ràng về tác hại của đầu mẩu thuốc lá tới môi trường biển, trước hết cần nâng cao nhận thức về độc tính của đầu mẩu thuốc lá ở các vùng biển và bờ biển nhằm làm giảm nguy cơ gây độc hại đối với môi trường khu vực này. Mặt khác, cần phải xây dựng và triển khai các giải pháp nhằm giảm nhu cầu tiêu thụ thuốc lá, qua đó giảm lượng đầu mẩu thuốc lá thải ra môi trường. Bên cạnh đó là giải pháp đối với các công nghệ sản xuất thuốc lá để hạn chế tối đa các chất độc hại có trong đầu mẩu thuốc lá.

Ở Việt Nam, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về phòng chống tác hại của thuốc lá đã được xây dựng, ban hành và triển khai trong thực tiễn như: Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Hệ thống những văn bản này tạo hành lang pháp lý quan trọng và là điều kiện thuận lợi cho công tác phòng chống tác hại thuốc lá ở nước ta. Qua đó góp phần làm giảm nhu cầu tiêu thụ thuốc lá và giảm thiểu lượng đầu mẩu thuốc lá thải ra môi trường.

Dưới đây là một số hành động cụ thể góp phần BVMT biển trước các tác động tiêu cực của đầu mẩu thuốc lá:

Thu nhật đầu mẩu thuốc lá bởi các tỉnh nguyên viên hoặc công nhân được thanh toán bằng lương. Tuy nhiên, khi thuê công nhân thì cơ sở kinh doanh, công viên hay trường học phải chi trả một khoản kinh phí nhất định. Các chương trình nhận đỡ đầu một địa điểm, khu vực nào đó là một trong các giải pháp hiệu quả và thu hút nhiều tình nguyện viên tham gia. Bên cạnh đó là các chiến dịch môi trường như Chiến dịch quốc tế làm sạch bờ biển; Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn; Mùa hè tình nguyện... cũng được các tổ chức phi lợi nhuận tổ chức định kỳ hàng năm.

Tăng cường công tác giáo dục, nâng cao nhận thức: Các nghiên cứu cho thấy, rác thải đầu mẩu thuốc lá có thể giảm bớt tới 50% hoặc nhiều hơn thông qua các chiến dịch truyền thông. Các biển hiệu, thông điệp được in trên bao bì, các bài thuyết trình về



tác động nguy hại của đầu mẩu thuốc lá sẽ làm giảm hành vi vứt rác. Tuy nhiên, thông điệp đưa ra cần liên tục nhằm thay đổi hành vi.

Quy định “Không hút thuốc” hoặc “hút thuốc ở khu vực được chỉ định”: Tập trung thu gom rác thải đầu mẩu thuốc lá bằng cách yêu cầu người hút thuốc chỉ sử dụng các khu vực được chỉ định vì lý do sức khỏe cộng đồng, phòng ngừa hỏa hoạn và cũng là cơ chế kiểm soát rác thải. Những khu vực này có gạt tàn để thu gom tàn và đầu mẩu thuốc lá, đồng thời là nơi có ánh sáng, chỗ ngồi thuận tiện.

Bố trí gạt tàn phù hợp để thu gom các đầu mẩu thuốc lá tại tất cả các điểm ra/vào của các tòa nhà, bến xe buýt và các khu vực công cộng. Những “điểm chuyển tiếp” này là nơi bỏ thuốc lá trước khi vào các tòa nhà hoặc lên xe buýt.

Phân phát miễn phí gạt tàn bỏ túi: Trên thị trường hiện nay có nhiều loại gạt tàn bỏ túi, trong đó có một số loại được làm bằng các vật liệu mỏng để dùng một lần, một số loại được làm bằng nhựa hoặc

kim loại có thể sử dụng trong nhiều năm. Các doanh nghiệp hay nhóm cộng đồng có thể mua những loại gạt tàn này với số lượng lớn để phân phát miễn phí trong các chiến dịch làm sạch môi trường.

Sự tham gia của các nhà sản xuất thuốc lá: Các nhà sản xuất trong ngành công nghiệp thuốc lá cần đóng góp vào các chiến dịch chống xả rác và đầu tư vào giáo dục cộng đồng, đồng thời dành các nguồn lực để thu dọn đầu mẩu thuốc lá. Cần thể hiện thông điệp chống xả rác trên các bao bì và biển quảng cáo. Các nhà sản xuất cần thiết kế lại bao gói thuốc lá để có thể chứa được đầu mẩu thuốc lá thải ra.

Thuế chống xả rác: Đầu mẩu thuốc lá chính là rác thải, chính vì vậy người hút thuốc lá phải trả tiền hoặc phải bị phạt cho việc xả rác này. Thuế chống xả rác sẽ là một công cụ hữu hiệu để hạn chế việc thải ra đầu mẩu thuốc lá. Mỗi khi người tiêu dùng mua thuốc lá thì phải trả một khoản thuế để hỗ trợ các nỗ lực chống xả rác■



Giải pháp cải thiện môi trường, kiểm soát sự cố do nước thải tại Công ty Formosa Hà Tĩnh

PGS. TS. NGUYỄN VIỆT ANH

Viện trưởng Viện Khoa học và Kỹ thuật Môi trường
Trường Đại học Xây dựng

Sau sự cố môi trường biển tại một số tỉnh miền Trung 4/2016, nhiều cơ quan chuyên môn, nhà khoa học cùng các cơ quan Trung ương và địa phương đã tìm nguyên nhân và đề xuất các giải pháp cải thiện hệ thống xử lý nước thải (XLNT), kiểm soát ô nhiễm do nước thải của Công ty TNHH Gang thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh (FHS).

Để tránh sự cố môi trường biển, Lãnh đạo Bộ TN&MT và UBND tỉnh Hà Tĩnh yêu cầu Công ty FHS xây dựng hệ thống hồ sinh học, lưu nước sau các trạm XLNT tối thiểu 5 ngày trước khi xả ra biển. Cơ sở của giá trị “5 ngày” theo Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 7957:2008, cũng như kinh nghiệm quốc tế, phải đảm bảo dung tích để hệ thống hồ sinh học có tác dụng điều hòa, lưu trữ nước thải và đảm bảo diễn ra các quá trình sinh hóa XLNT.

Theo đó, Viện Khoa học và Kỹ thuật môi trường (IESE), Trường Đại học Xây dựng cùng với một số đơn vị được lựa chọn thực hiện nhiệm vụ: Xây dựng phương án, lập quy hoạch chi tiết 1/500, thiết kế cơ sở, thiết kế thi công, quản lý dự án thi công xây dựng, khởi động, đưa hệ thống vào vận hành, chuyển giao công nghệ hệ thống hồ sinh học kiểm soát sự cố, chỉ thị sinh học và xử lý bổ sung nước thải cho Công ty FHS. Sau khi phương án thiết kế được Hội đồng kỹ thuật và Hội đồng liên ngành thông qua, cùng sự góp ý của các Sở, ban ngành và Lãnh đạo UBND tỉnh Hà Tĩnh; sự tư vấn, phản biện của nhiều chuyên gia hàng đầu của thế giới về hồ sinh học và bãi lọc trồng cây, dự án chính thức được khởi công đầu tháng 1/2017.

CÔNG NGHỆ VÀ CÁC GIẢI PHÁP KỸ THUẬT ĐÃ ÁP DỤNG

Hệ thống hồ sinh học FHS, công suất 36.000 m³/ngày, có chức năng kiểm soát sự cố, chỉ thị sinh học, và xử lý bổ sung nước thải từ sau trạm XLNT sinh hóa (XLNT từ xưởng



▲ Sơ đồ dây chuyền công nghệ hệ thống hồ sinh học kết hợp bãi lọc trồng cây FHS

luyện cốc, công suất tối đa 5.000 m³/ngày) và sau trạm XLNT công nghiệp (xử lý các loại nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt, công suất tối đa 31.000 m³/ngày). Tổng diện tích hệ thống hồ gồm 10 héc ta, với những chức năng chính: Dung tích chứa đủ lớn, cho phép chủ động áp dụng các giải pháp ứng phó khi có sự cố từ các trạm XLNT; Có thả cá - chỉ thị sinh học, cho phép kiểm chứng để đảm bảo nước thải không làm chết cá, trước khi xả ra biển; Cải thiện chất lượng nước, giảm thiểu các chất ô nhiễm, ổn định chất lượng dòng nước sau xử lý, tránh các cú sốc về nồng độ đối với môi trường biển; Tạo cảnh quan, sinh thái cho Nhà máy và khu vực xung quanh; Là nơi tiến hành các hoạt động tập huấn, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về BVMT cho nhân viên và cộng đồng.

Ở chế độ làm việc bình thường, nước thải xử lý đạt giá trị giới hạn của QCVN 52:2013/BTNMT, cột B và 5 thông số bổ sung (Màu, Fe, Mn, NH₄⁺, S²⁻) đạt QCVN

40:2011/BTNMT, cột B từ trạm XLNT sinh hóa được đưa đến chuỗi hồ SH, sau đó đưa vào chuỗi bãi lọc trồng cây CB. Tương tự, nước thải sau trạm XLNT công nghiệp đạt quy chuẩn được đưa đến chuỗi hồ CN, sau đó chảy sang chuỗi bãi lọc trồng thực vật CB. Sau chuỗi bãi lọc trồng thực vật, một phần nước được đưa đến bể chỉ thị sinh học dung tích 120m³, thả cá, phần còn lại được bơm ra biển qua trạm bơm 1C và đường ống D800.

Cách bố trí 2 chuỗi hồ riêng biệt (SH và CN) ở phần đầu, xử lý chung ở giai đoạn cuối (CB), vừa đảm bảo độ an toàn, cho phép các hồ có dung tích chứa nước và XLNT tối đa, xử lý linh hoạt khi có sự cố xảy ra ở các công đoạn khác nhau trong toàn bộ hệ thống, không phá hỏng hệ sinh thái đã được thiết lập ở hệ thống hồ sinh học và bãi lọc trồng cây thủy sinh. Giải pháp bố trí chuỗi bãi lọc trồng cây cho phép xử lý bổ sung, loại cặn, dinh dưỡng, độ màu, giữ tảo không trôi ra ngoài. Bãi lọc



được bố trí kết hợp loại ngấp nước (CB1, CB4) với dòng chảy ngầm (CB2, CB3) và các hành lang phân phối lại dòng chảy, với vật liệu lọc ở địa phương, được chọn cấp phối kỹ và thử nghiệm thủy lực phù hợp, cho phép tăng hiệu suất xử lý, tăng độ dẫn thủy lực, tránh nguy cơ tắc, dòng chảy tắt, đảm bảo hiệu suất cao, giá thành hợp lý. Mỗi hồ đều có thiết kế đường ống chảy tắt (by - pass), cho phép điều tiết nước giữa các hồ, điều tiết dòng chảy, thời gian lưu nước, xả kiệt để nạo vét bùn...

Thời gian lưu nước trong hệ thống hồ của dòng nước thải sinh hóa (cần kiểm soát ưu tiên) là 13,1 ngày khi 1 lò cao hoạt động, và 6 ngày khi 2 lò cao hoạt động. Thời gian lưu nước của dòng nước thải công nghiệp tương ứng là 4,5 và 3,1 ngày.

Nhà điều hành (3 tầng) được xây dựng cạnh bãi lọc CB4 và trạm bơm ra biển 1C. Dữ liệu từ 4 trạm quan trắc tự động chất lượng nước thải, đã được FHS lắp đặt sau trạm XLNT sinh hóa, trạm công nghiệp, trạm sinh hoạt và trên đường

ống xả ra biển, được truyền về Nhà điều hành. Nơi đây cũng sẽ trở thành Trung tâm truyền thông về môi trường cho cộng đồng dân cư, học sinh, khách tham quan... Tín hiệu camera 24/7 giám sát cá trong bể cá chỉ thị được truyền lên màn hình trong phòng điều khiển. Dữ liệu chất lượng nước và hình ảnh cá chỉ thị cũng được truyền ra màn hình đặt ngoài cổng Nhà máy FHS cho cộng đồng giám sát, đồng thời truyền qua mạng về Trung tâm Quan trắc môi trường, Sở TN&MT Hà Tĩnh.

Hệ thống giám sát, cảnh báo sớm bao gồm bể phát hiện độc chất bằng cá - Fish toximeter, với camera giám sát và phần mềm nhận biết sự di

chuyển của cá chỉ thị, tự động báo động khi phát hiện sự cố bất thường.

Hệ thống hồ được thiết kế với 4 cấp độ ứng phó sự cố:

Cấp độ ứng phó sự cố thứ 1: Phần mềm giám sát sẽ có cảnh báo khi dữ liệu từ hệ thống quan trắc tự động sau trạm XLNT sinh hóa và trạm XLNT công nghiệp chỉ bất kỳ một chỉ tiêu đạt 80% giá trị kiểm soát, để người điều hành kiểm tra, xác nhận sự cố và nguyên nhân.

Khi dữ liệu chỉ giá trị chất lượng nước đạt 90% giá trị kiểm soát, sẽ ngừng dẫn nước thải vào hệ thống hồ. Van tuần hoàn sau trạm sinh hóa hoặc trạm công nghiệp được mở, đưa nước sau xử lý trở lại về



▲ Thi công hồ CN4



▲ Trồng cây trong bãi lọc CB4



▲ Màn hình SCADA và camera giám sát, điều khiển hoạt động hệ thống hồ FHS



▲ Lãnh đạo Bộ TN&MT và tỉnh Hà Tĩnh kiểm tra Bể cá chỉ thị (trước trạm bơm ra biển)



bể sự cố trong trạm XLNT đó để xử lý lại. Khi nước thải đạt yêu cầu mới được đưa đến chuỗi hồ SH và CN. Khi khắc phục được sự cố thì chuỗi hồ trở lại hoạt động bình thường.

Cấp độ ứng phó sự cố thứ 2 và 3: Sau khi kích hoạt cấp độ ứng phó sự cố 1, nếu nước hồi lưu về đầu trạm xử lý nhiều, dung tích chứa của bể sự cố không đủ, sẽ khởi động biện pháp ứng phó sự cố cấp 2. Lượng nước thải công nghiệp nhiễm bẩn được đưa đến chứa trong bể sự cố CN1, nước thải sinh hóa nhiễm bẩn được đến bể sự cố SH1. Sau khi trạm XLNT sinh hóa hay công nghiệp khắc phục xong sự cố, nước thải đầu ra đạt chuẩn cho phép, sẽ khởi động trạm bơm tuần hoàn (Trạm 1A bơm nước thải từ bể SH1 về trạm sinh hóa để xử lý lại, trạm 1B bơm nước thải từ CN1 về trạm công nghiệp để xử lý lại). Nước thải sau xử lý đã đạt quy chuẩn được đưa vào hồ SH3 hay CN3. Chu trình hoạt động của 2 chuỗi hồ bắt đầu từ hồ SH3 và CN3. Khi biện pháp ứng phó sự cố cấp 2 đã được kích hoạt nhưng dung tích của các bể SH1 (hay CN1) không đủ để chứa nước thải nhiễm bẩn thì áp dụng cấp độ thứ 3: van điện giữa bể SH1 và hồ SH2, hoặc giữa CN1 và CN2, được mở. Nước thải sự cố được chứa cả trong SH1, SH2 hay CN1, CN2, và được bơm dẫn về trạm XLNT tương ứng (sinh hóa hay công nghiệp) để xử lý lại, rồi được đưa vào chuỗi hồ từ SH3 (hay CN3).

Cấp độ ứng phó sự cố thứ 4: Cấp độ ứng phó sự cố thứ 4 tính đến trường hợp chất lượng nước trong toàn bộ hệ thống hồ không đạt

chuẩn. Khi đó nước thải từ hệ thống hồ sẽ ngừng xả ra biển. Bằng đường ống D350, nước được đưa từ trạm bơm 1C trở về hồ sự cố CN1. Từ đây nước được bơm dẫn về trạm XLNT công nghiệp để xử lý lại.

Nhóm thiết kế sử dụng mô hình thủy lực để mô phỏng các chế độ làm việc của hệ thống hồ, để lựa chọn các thông số thiết kế tối ưu, đồng thời để đảm bảo hồ không bị tràn nước với trận mưa cực đại (630mm/2 ngày). Nhóm cũng sử dụng mô hình tính toán mô phỏng, cho phép dự báo được chất lượng nước sau xử lý qua chuỗi hồ - bãi lọc trồng cây theo các kịch bản khác nhau.

Mặc dù công trình được thi công trong điều kiện rất khó khăn, nhưng các đơn vị đã quyết tâm hoàn thành các hạng mục công trình với chất lượng cao, đảm bảo an toàn tuyệt đối. Toàn bộ công tác khảo sát xây dựng, thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công, nhà điều hành 3 tầng, bể cá chỉ thị sinh học, bể sự cố SH1, SH2, bể sự cố CN1, CN2, bãi lọc trồng cây CB4, trạm biến áp,

các thiết bị bơm, đường ống, thiết bị điện, điều khiển, tự động hóa, đường giao thông liên quan được hoàn thành vào ngày 31/3/2017, đúng như yêu cầu của Bộ TN&MT và UBND tỉnh Hà Tĩnh. Các hạng mục xây dựng còn lại của hệ thống đã được hoàn thành cuối tháng 6/2017 (sớm hơn 2 tháng so với dự kiến). Hiện nay công trình đang ở giai đoạn hoàn tất việc trồng và chăm sóc cây, chạy thử, tập huấn, bàn giao và đưa vào sử dụng.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Hệ thống hồ FHS là hệ thống hồ sinh học kết hợp với bãi lọc trồng cây quy mô lớn đầu tiên ở Việt Nam được thiết kế với đầy đủ chức năng kiểm soát sự cố, chỉ thị sinh học và xử lý bổ sung nước thải, với các hạng mục công trình và thiết bị hiện đại, cho phép hệ thống hoạt động linh hoạt: hệ thống hồ chứa nước thải sự cố và các tổ máy bơm tuần hoàn nước thải để xử lý lại, hệ thống quan trắc tự động, hệ thống Scada và camera giám sát, điều khiển từ xa, hệ thống đường ống chảy vòng (by-pass), các bể cá chỉ thị sinh học...

Công trình hồ sinh học là một trong những hạng mục quan trọng để đảm bảo an toàn về môi trường do nước thải tại Công ty FHS, đã nhận được sự đánh giá cao, sự tin tưởng của lãnh đạo Bộ TN&MT, chính quyền địa phương, doanh nghiệp và của cộng đồng. Công trình đã góp phần quan trọng, làm cơ sở để Chính phủ cho phép FHS đưa vào vận hành thử nghiệm lò cao số 1 từ ngày 29/5/2017. Đây sẽ là một mô hình tốt, cho các khu công nghiệp và cơ sở sản xuất khác tham khảo, áp dụng.



▲ Toàn cảnh hệ thống hồ sinh học FHS



Xử lý nước thải bằng công nghệ plasma

Tại Hội thảo xử lý nước thải bằng công nghệ Plasma do Trung tâm thông tin KH&CN TP. Hồ Chí Minh tổ chức ngày 26/7/2017, TS. Trần Ngọc Đàm - Phòng Nghiên cứu năng lượng và Môi trường CES Plasma, ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh đã giới thiệu về công nghệ plasma. Đây là đơn vị đầu tiên trong cả nước đã nghiên cứu và chế tạo thành công hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ plasma. Hệ thống này đã được lắp đặt tại một số cơ sở như Phòng khám đa khoa Biên Hòa Sài Gòn (Đồng Nai), Thẩm mỹ viện Kiều Xuân (Đắc Lắc)...

Theo TS. Đàm, sử dụng công nghệ plasma sẽ xử lý triệt để và hiệu quả các thành phần ô nhiễm trong nước. Vì thông qua quá trình xử lý plasma, các thành phần khó phân hủy trong nước thải được chuyển về dạng đơn chất. Quá trình này giúp thu gom chất thải trong nước bằng quá trình keo tụ, tạo bông lắng diễn ra đơn giản, thời gian thu gom được rút ngắn. Đối với các công nghệ xử lý nước thải truyền thống như bằng



▲ TS. Trần Ngọc Đàm giới thiệu về hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ plasma

hóa chất, vi sinh, màng lọc RO... không đạt hiệu quả tối ưu. Ngoài ra, việc sử dụng hóa chất còn gây ra các vấn đề về môi trường như có thể tạo ra hợp chất độc hại như halogen, NOx, HNO₃...

Thiết bị nhỏ gọn, vận hành ổn định, nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn là những ưu điểm của hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ Plasma, có thể áp dụng thuận lợi trong các cơ sở y tế tư nhân, phòng khám đa

khoa, chuyên khoa. Ngoài ra, có thể dùng cho các bệnh viện vì hệ thống có thể tăng công suất theo khối lượng nước thải cần xử lý. Đối với các phòng khám nhỏ lẻ chưa lắp đặt hoặc chưa có hệ thống xử lý nước thải y tế đạt chuẩn do chi phí đầu tư, vận hành hệ thống cao, mặt bằng xây dựng chiếm diện tích lớn, thì hệ thống xử lý bằng công nghệ plasma là một lựa chọn tối ưu.

SƠN TÙNG

Ô NHIỄM TIẾNG ỒN: MỐI NGUY HIỂM ĐỐI VỚI SỨC KHỎE CON NGƯỜI

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), trong vòng 3 thập kỷ trở lại đây, ô nhiễm tiếng ồn đang trở nên báo động, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường và chất lượng sống của con người. Tại Việt Nam, trong tổng số khoảng 52 triệu người lao động ở tất cả các ngành nghề, có khoảng 10-15 triệu người phải tiếp xúc với tiếng ồn cao hơn mức quy định. Ô nhiễm tiếng ồn hiện là vấn đề mang tính cấp thiết, nhất là tại các đô thị và ngành công nghiệp. Các nguồn gây ô nhiễm tiếng ồn

chính gồm: tiếng ồn giao thông, tiếng ồn trong xây dựng, tiếng ồn trong sinh hoạt, tiếng ồn trong công nghiệp và sản xuất. Tiếng ồn tác động đối với sức khỏe con người trên ba khía cạnh đó là che lấp âm thanh cần nghe, làm suy giảm phản xạ tự nhiên của con người với âm thanh; gây bệnh đối với thính giác và hệ thần kinh, gián tiếp gây ra bệnh tim mạch; tiếp xúc với tiếng ồn cao lâu ngày dẫn tới bệnh đau trí và bệnh diếc không thể phục hồi.

Theo Điều 17, Nghị định số

155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường quy định: Phạt cảnh cáo đối với hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn dưới 02 dBA; Phạt tiền từ 1 - 160 triệu đồng đối với hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn từ 02 dBA trở lên. Bên cạnh đó là các hình thức phạt bổ sung đình chỉ hoạt động cũng như các biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây nên.

MẠNH TUẤN



Phát huy các sáng kiến bảo vệ môi trường trong cơ sở y tế

Phong trào thi đua xây dựng cơ sở y tế (CSYT) xanh - sạch - đẹp do Bộ Y tế phát động đã nhận được sự hưởng ứng tích cực từ các bệnh viện trong thời gian qua, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, tạo môi trường an toàn cho người bệnh và nhân viên y tế, hướng tới sự chuyên nghiệp, hiện đại và thân thiện.

Trong thời gian qua, với sự vào cuộc quyết liệt của toàn ngành y tế trong cải thiện môi trường các CSYT, đã tạo ra một diện mạo mới trong các bệnh viện. Đến nay, sau 1 năm phát động phong trào thi đua xây dựng CSYT xanh - sạch - đẹp, ngành y tế đã đạt được một số kết quả tích cực, cụ thể như: 90% các đơn vị đã thành lập Ban Chỉ đạo triển khai CSYT xanh - sạch - đẹp; 100% các đơn vị tổ chức phát động phong trào trồng, bổ sung cây xanh tại nơi làm việc, thực hiện ký cam kết thi đua giữa các khoa, phòng ban của đơn vị; 100% các đơn vị hưởng ứng việc thực hiện Phong trào "Bệnh viện không khói thuốc", cam kết về môi trường bệnh viện không ô nhiễm khói thuốc, toàn thể cán bộ công nhân viên, người lao động, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân không hút thuốc lá tại bệnh viện; 90% các đơn vị đã thực hiện xây dựng kế hoạch và giải pháp thực hiện CSYT xanh - sạch - đẹp một cách có hiệu quả nhất, phù hợp với điều kiện thực tế của từng đơn vị; 100% các đơn vị thành lập đoàn tự tổ chức kiểm tra, chấm điểm, đánh giá phân loại kết quả của các khoa, phòng ban theo tiêu chí đã được quy định...

Trong quá trình triển khai thực hiện, nhiều đơn vị đã có những sáng kiến BVMT như in poster, pano, phát tờ rơi có nội dung thực hiện CSYT xanh - sạch - đẹp tại khoa, phòng nhằm tuyên truyền cho bệnh nhân, người nhà bệnh nhân. Một số đơn vị tổ chức thiết kế và niêm yết những khẩu hiệu tuyên truyền có ý nghĩa như: Bệnh viện K với khẩu hiệu: "Bệnh nhân đến đón tiếp niềm nở, bệnh nhân ở chăm sóc tận tình, bệnh nhân về dặn dò chu đáo"; "Cán bộ nhân viên và người bệnh, người nhà



▲ Đoàn giám sát của Bộ Y tế kiểm tra tình hình thực hiện phong trào thi đua xây dựng bệnh viện xanh - sạch - đẹp tại Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí

người bệnh tích cực tham gia hưởng ứng phong trào Bệnh viện xanh - sạch - đẹp"; Bệnh viện Phụ sản Trung ương với khẩu hiệu "Cán bộ viên chức lao động Bệnh viện Phụ sản Trung ương đoàn kết, thi đua xây dựng bệnh viện xanh - sạch - đẹp, thân thiện"...

Bệnh viện Đa khoa Đồng Đa đã thực hiện phong trào "5 phút xanh - sạch - đẹp". Theo đó, mỗi cán bộ của bệnh viện đã dành 5 phút mỗi ngày và 1 giờ ngày thứ sáu hàng tuần để vệ sinh nơi làm việc, buồng bệnh, dụng cụ trước khi khám bệnh. Việc làm đó đã có tác động tích cực tới người bệnh và người nhà bệnh nhân, giúp họ nâng cao ý thức giữ gìn môi trường bệnh viện. Đặc biệt, phong trào trồng cây được phát động đến 100% các khoa phòng bằng hình thức xã hội hóa, các khoa phòng và cá nhân ủng hộ tiền mua cây. Kết quả bệnh viện đã trồng được 192 cây to, cây cảnh, chậu hoa các loại trong khuôn viên bệnh viện. Tại khoa khám bệnh,

để tạo không gian xanh, bệnh viện bố trí chậu hoa, cây cảnh tại các khu vực tiếp đón, hành lang, khu vực ngồi chờ bệnh nhân...

Bên cạnh nâng cao về chuyên môn kỹ thuật, ý thức của cán bộ, nhân viên, việc tạo cảnh quan sáng, xanh, sạch, đẹp là một trong những nhiệm vụ mà bệnh viện Sản Nhi Trung ương Quảng Ninh đặc biệt quan tâm. Những ngày đầu mới đi vào hoạt động, bệnh viện chỉ có những khối nhà làm việc, điều trị. Đến nay, với phong trào trồng cây vào đầu xuân mới và việc đầu tư xây dựng, cải thiện môi trường trong khuôn viên, bệnh viện đã có trên 1.000 cây xanh; 2.500m² thảm cỏ. Các bồn hoa, cây cảnh đều được chăm sóc, cắt tỉa cẩn thận, mùa nào cũng xanh tốt. Bên cạnh đó, bệnh viện còn triển khai kế hoạch "5S", tức là: Sàng lọc - Sắp xếp - Sạch sẽ - Sẵn sàng, giúp bệnh viện nâng cao chất lượng phục vụ người bệnh ngày một tốt hơn.



Nhìn chung, các bệnh viện đều có cố gắng trong việc cải thiện không gian bằng việc bố trí chậu hoa, cây xanh tại các khu vực đón tiếp người bệnh, sảnh chờ và các khoa/phòng; đồng thời đảm bảo việc cung cấp đủ nguồn nước uống, nước sinh hoạt hợp vệ sinh, đạt tiêu chuẩn theo quy định; các khoa/phòng, buồng bệnh, nhà vệ sinh, hành lang bệnh viện được đảm bảo thông khí và đủ ánh sáng, khu vực ngoại cảnh, sân vườn được vệ sinh, thu gom chất thải sạch...

Có thể thấy, việc triển khai CSYT xanh - sạch - đẹp đã được các cấp chính quyền địa phương, lãnh đạo các đơn vị cũng như đồng đảo nhân viên y tế, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân nhiệt tình hưởng ứng. Các nhân viên y tế, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân đã có ý thức hơn, đồng thời trang bị các kiến thức trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ cảnh quan tại các CSYT. Thực hiện CSYT xanh - sạch - đẹp đã trở thành một hoạt động rất quan trọng, không những cải tạo, làm xanh - sạch - đẹp môi trường mà còn góp phần đổi mới toàn diện công tác y tế, tạo ra môi trường an toàn cho người bệnh và nhân viên y tế, đồng thời hướng tới sự chuyên nghiệp, hiện đại và thân thiện của các CSYT.

Tuy nhiên, công tác triển khai CSYT xanh - sạch - đẹp tại các bệnh viện còn tồn tại những hạn chế như hầu hết các bệnh viện đều chưa có sơ đồ quy hoạch trồng cây xanh và kế hoạch bổ sung cây xanh hàng năm; một số bệnh viện chưa thực hiện việc xét nghiệm nước ăn uống, sinh hoạt theo quy định; nhiều khu vệ sinh bốc mùi, không đáp ứng đủ các

điều kiện cơ bản như thiếu giấy vệ sinh, thùng đựng chất thải, xà phòng, dung dịch sát khuẩn, bảng hướng dẫn rửa tay thường quy; việc bố trí ghế ngồi thuận tiện cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân chưa được quan tâm đúng mức; phòng chờ hầu như chưa có tranh ảnh, sách, báo, ấn phẩm truyền thông về chăm sóc, giữ gìn sức khỏe, vệ sinh môi trường. Đặc biệt, việc trang bị túi, thùng đựng rác y tế của một số bệnh viện chưa đảm bảo về số lượng, thiếu biểu tượng và sai màu sắc; Công tác phân loại vẫn còn hiện tượng nhầm lẫn chất thải thông thường vào chất thải nguy hại lây nhiễm.

Nguyên nhân của những tồn tại trên là do điều kiện cơ sở vật chất của nhiều CSYT hiện nay đang xuống cấp, thiếu sự đồng bộ, diện tích mặt bằng chật hẹp, khó khăn trong việc bổ sung cây xanh, thảm cỏ, khuôn viên; nhiều công trình vệ sinh xuống cấp, hỏng hóc, thiếu trang thiết bị cơ bản; các cơ sở khám, chữa bệnh luôn trong tình trạng quá tải về bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, đặc biệt là các bệnh viện đa khoa tuyến trung ương, tuyến tỉnh; nguồn

kinh phí để triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, cải tạo cảnh quan môi trường đơn vị còn thiếu; nguồn nhân lực để triển khai đồng bộ các nội dung, giải pháp nhằm đổi mới phong cách thái độ phục vụ, cải tiến quy trình khám chữa bệnh, công tác xã hội, cải tạo cảnh quan, làm xanh - sạch - đẹp môi trường CSYT còn hạn chế.

Để tiếp tục đẩy mạnh phong trào xây dựng CSYT xanh - sạch - đẹp với mục tiêu hướng tới sự hài lòng của người bệnh, trong thời gian tới ngành y tế tập trung vào một số giải pháp: Khẩn trương kiện toàn Ban Chỉ đạo tại các đơn vị, ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các khoa/phòng, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung về CSYT xanh - sạch - đẹp; Tăng cường công tác truyền thông về thực hiện CSYT xanh - sạch - đẹp thông qua các phương tiện thông tin đại chúng hoặc tổ chức buổi tập huấn, tọa đàm nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm BVMT tại các CSYT; Thành lập các đoàn kiểm tra, xây dựng kế hoạch kiểm tra thường xuyên và đột xuất việc triển khai thực hiện CSYT xanh - sạch - đẹp tại các đơn vị; Tích cực đầu tư, nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị đáp ứng các tiêu chí CSYT xanh - sạch - đẹp; đổi mới cơ chế tài chính, cơ chế hoạt động nhằm thu hút đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị. ■

HÀ THU



▲ Một góc không gian của bệnh viện Sản - Nhi Quảng Ninh



BỆNH VIỆN PHONG - DA LIỄU TRUNG ƯƠNG QUY HÒA:

Hướng tới mô hình bệnh viện xanh - sạch - đẹp

VŨ TUẤN ANH - Giám đốc

Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quy Hòa

Nằm trong thung lũng ba bề núi, bên bờ biển thơ mộng, bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quy Hòa chuyên khám chữa bệnh, điều trị nội trú cho bệnh nhân phong của khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Trong một năm qua, bệnh viện đã tích cực xây dựng cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp nhằm tạo điều kiện tốt trong công tác chăm sóc sức khỏe, phòng tránh lây nhiễm và đảm bảo an toàn cho người bệnh, nhân viên y tế và cộng đồng; góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, hướng tới sự hài lòng của người bệnh.

Là một trong những bệnh viện hạng I trực thuộc Bộ Y tế, bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quy Hòa xác định việc cải tạo, xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp là một trong những nhiệm vụ quan trọng, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của bệnh viện. Để tạo một không gian xanh, bệnh viện đã phát động phong trào trồng và chăm sóc cây xanh trong khuôn viên bệnh viện. Đồng thời, bệnh viện đã xây dựng sơ đồ tổng thể trồng cây xanh, trong đó có đánh dấu vị trí trồng cụ thể và bổ sung hàng năm theo kế hoạch. Với lợi thế về quỹ đất, bệnh viện đã xây dựng công viên, bồn hoa phù hợp với quy hoạch tổng thể, tạo cảnh quan môi trường trong khuôn viên bệnh viện. Tại các khu vực tiếp đón, hành lang, sảnh chờ, bệnh viện đã bố trí chậu hoa, cây cảnh thích hợp và được chăm sóc thường xuyên.

Bên cạnh đó, bệnh viện xây dựng hệ thống lọc nước để cung cấp đầy đủ nước ăn uống, sinh hoạt hợp vệ sinh cho người bệnh, đồng thời bệnh viện luôn kiểm tra thường xuyên chất lượng nước đảm bảo theo quy chuẩn. Ngoài ra, bệnh viện đã cải tiến mô hình nhà vệ sinh, đảm bảo mỗi khoa/phòng của bệnh viện đều có khu vệ sinh riêng cho người bệnh, người khuyết tật, người nhà người bệnh và cán



▲ Quảng cảnh bệnh viện

bộ y tế. Khu vệ sinh luôn được dọn dẹp sạch sẽ, không có mùi hôi, sàn nhà khô, sạch, không trơn trượt; có sẵn giấy vệ sinh, thùng đựng rác, bồn rửa tay và dung dịch xà phòng rửa tay... để phục vụ nhu cầu của người bệnh, nhân viên y tế và cộng đồng.

Không chỉ tạo không gian xanh và sạch, bệnh viện còn phấn đấu tới mục tiêu đẹp. Tại các phòng chờ, bệnh viện đã bố trí ghế ngồi, cùng với sách, báo, ấn phẩm truyền thông về việc chăm sóc, giữ gìn sức khỏe, vệ sinh môi trường, tạo điều kiện thuận lợi cho người bệnh và người nhà người bệnh. Trong các khoa, phòng, chăn, ga gối, quần áo người bệnh, giường tủ được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp. Cán bộ y tế, người bệnh và người nhà người bệnh mang trang phục cơ sở y tế theo đúng quy định.

Đặc biệt, bệnh viện luôn quan tâm, chú trọng tới công tác quản lý chất thải y tế. Bệnh viện đã tổ chức thu gom, phân loại đúng chất thải y tế, đồng thời thực hiện lưu giữ, vận chuyển đúng theo quy định.

Hệ thống thu gom nước thải của bệnh viện khép kín, không có mùi hôi và được xử lý đạt quy chuẩn. Đối với chất thải rắn lây nhiễm, bệnh viện đã xử lý bằng công nghệ vi sóng thân thiện với môi trường. Kể từ khi xây dựng cho đến nay, các hệ thống xử lý chất thải đều hoạt động thường xuyên và hiệu quả, đạt tiêu chuẩn môi trường. Bên cạnh đó, bệnh viện cũng đã thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các quy định về môi trường như đăng ký cấp Giấy phép xả thải; Sổ đăng ký chủ nguồn thải; Báo cáo đánh giá tác động môi trường; có các hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải; chứng từ quản lý chất thải y tế và tổ chức quan trắc môi trường định kỳ, kiểm tra nước thải 4 lần/năm; gửi các báo cáo môi trường định kỳ theo quy định hiện hành.

Để công tác tổ chức thực hiện đạt hiệu quả, bệnh viện đã thành lập Ban Chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cụ thể tới từng thành viên; đồng thời tổ chức ký cam kết thực hiện giữa các khoa, phòng "xanh -



sạch - đẹp” với Giám đốc bệnh viện. Bệnh viện sử dụng một số thiết bị tiết kiệm điện như sử dụng bóng đèn LED và quy định sử dụng tiết kiệm năng lượng, giảm phát sinh chất thải; thực hiện bệnh viện "Không khói thuốc lá".

Nhằm tiến tới mô hình xanh - sạch - đẹp, bệnh viện luôn ưu tiên các giải pháp thực hiện tiêu chí sạch và quản lý chất thải y tế. Bệnh viện trang bị đầy đủ phương tiện vệ sinh môi trường thích hợp và chuyên dụng, đồng thời xây dựng lịch và quy trình vệ sinh môi trường phù hợp đối với từng khu vực. Ngoài ra, bệnh viện thường xuyên kiểm tra và khuyến khích các khoa phòng tự giác thực hiện các quy định về xanh - sạch - đẹp. Song song với công tác kiểm tra, bệnh viện đẩy mạnh các hoạt động tập huấn, truyền thông, tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức cho cán bộ y tế, người bệnh và người nhà người bệnh về các nội dung liên quan đến cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp. Trong quá trình thực hiện, bệnh viện cũng gặp nhiều khó khăn, đặc biệt nguồn kinh phí về quản lý chất thải y tế; bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống cơ sở hạ tầng; nguồn nhân lực còn hạn chế...

Mặc dù ở khu vực miền Trung, cách xa hai trung tâm của đất nước, đời sống nhân dân, cán bộ nhân viên còn nhiều khó khăn, nhưng với sự quyết tâm và nỗ lực của tập thể cán bộ, bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quy Hòa đã thực sự “thay da, đổi thịt”. Cùng với ý thức trách nhiệm của tập thể cán bộ, nhân viên, bệnh viện đã phấn đấu không ngừng để xây dựng bệnh viện ngày càng xanh - sạch - đẹp, đáp ứng sự hài lòng của người bệnh và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân khu vực miền Trung■



▲ Nhiều cây xanh được trồng trong khuôn viên bệnh viện

BỘ Y TẾ HỢP KHẨN CẤP VỀ PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH SỐT XUẤT HUYẾT

Trước tình hình bệnh sốt xuất huyết (SXH) đang diễn biến phức tạp trên cả nước, ngày 24/7/2017, tại Hà Nội, Bộ Y tế đã tổ chức Hội nghị phòng, chống dịch bệnh SXH. Hiện tại, cả nước ghi nhận gần 60.000 ca mắc, 17 người tử vong vì SXH. Trong đó, TP Hồ Chí Minh là địa phương có số ca ghi nhận mắc SXH cao nhất cả nước.

Phát biểu tại Hội nghị, Bộ trưởng Bộ Y tế cho biết, nguyên nhân dẫn đến bệnh SXH tăng nhanh là do thời tiết diễn biến bất thường, nắng nóng diện rộng xen kẽ các đợt mưa là điều kiện thuận lợi để muỗi truyền bệnh SXH phát triển. Bên cạnh đó, tình hình đô thị hóa, mật độ dân cư tăng cao với biến động di dân lớn, nhiều nhà trọ, công trường xây dựng trong khi điều kiện vệ sinh kém, ô nhiễm môi trường, làm gia tăng các ổ chứa nước đọng tạo điều kiện cho muỗi đẻ trứng. Mặt khác, người dân chưa chủ động phối hợp trong việc xử lý môi trường, diệt bọ gậy và phun hóa chất diệt muỗi; một số nơi vẫn từ chối hợp tác với chính quyền và cán bộ y tế...

Trước tình hình bệnh SXH đang tăng nhanh, Bộ Y tế khuyến cáo người dân thực hiện các biện pháp phòng chống dịch với các nội dung: Đảm bảo lựa chọn thực phẩm và chế biến thực phẩm an toàn, hợp vệ sinh, ăn thức ăn nấu chín và nước đun sôi; Thường xuyên rửa tay với xà phòng trước và sau khi chế biến thực phẩm, trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh; Vệ sinh cá nhân hàng ngày, rửa chân sạch và lau khô các kẽ ngón chân sau khi tiếp xúc với nước lã, nước bị nhiễm bẩn; Tiêu diệt loăng quăng/bọ gậy, diệt muỗi bằng cách đậy kín các bể, thùng chứa nước, thả cá vào dụng cụ chứa nước lớn, loại bỏ các phế thải như chai, lọ, lốp ô tô... hoặc các hốc nước tự nhiên để không cho muỗi đẻ trứng; Thau rửa bể nước, giếng nước, dụng cụ chứa nước và dùng hóa chất để khử trùng nước ăn uống và sinh hoạt; Thực hiện nguyên tắc nước rút đến đâu làm vệ sinh đến đấy, thu gom, xử lý và chôn xác súc vật theo hướng dẫn của nhân viên y tế; Khi có dấu hiệu nghi ngờ nhiễm bệnh, cần đến khám và điều trị tại các cơ sở y tế gần nhất.

MINH VIỄN



Tổ chức khoa học và công nghệ hàng đầu của ngành Giao thông Vận tải trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Tại Lễ phát động Tháng hành động vì môi trường, Bộ TN&MT đã trao Giải thưởng Môi trường Việt Nam năm 2017 cho 35 tổ chức, 15 cá nhân có thành tích xuất sắc đối với sự nghiệp BVMT giai đoạn 2014 - 2016, trong đó có Trung tâm Khoa học Công nghệ và BVMT Giao thông vận tải (KH&CN&BVMT GTVT), Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải (KH & CN GTVT). Nhân dịp kỷ niệm 15 năm thành lập Bộ TN&MT, Tạp chí Môi trường có cuộc trao đổi với ông Nguyễn Văn Chiến - Giám đốc Trung tâm về những kết quả đạt được trong nghiên cứu ứng dụng công nghệ BVMT đối với ngành GTVT.



▲ Ông Nguyễn Văn Chiến - Giám đốc Trung tâm KH&CN&BVMT GTVT Viện KH&CN GTVT

***Xin ông cho biết quá trình hình thành và phát triển của Trung tâm KH&CN & BVMT GTVT?**

Ông Nguyễn Văn Chiến: Đối với ngành GTVT, trước năm 1993, công tác BVMT chưa được chú trọng. Kể từ khi Luật BVMT năm 1993 ra đời, công tác BVMT của ngành dần được quan tâm và trở thành yêu cầu cấp thiết khi công cuộc xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông được Đảng, Chính phủ đặt lên hàng đầu, nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế đất nước. Trong thời gian đó, Viện KH&CN GTVT đã thành lập Phòng Phương tiện Vận tải và môi trường nhằm thực hiện công tác nghiên cứu, triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực BVMT. Tuy nhiên, do nhu cầu về nghiên cứu,

hợp tác, triển khai các dự án về BVMT ngày càng tăng, Viện KH&CN GTVT đã đề xuất Bộ GTVT cho phép thành lập Trung tâm chuyên nghiên cứu về BVMT. Do đó, ngày 28/4/1997, Bộ GTVT đã ra Quyết định số 1089/QĐ/TCCB-LĐ về việc thành lập Trung tâm KH&CN&BVMT GTVT trực thuộc Viện KH&CN GTVT. Trải qua gần 20 năm hoạt động và phát triển, Trung tâm là một trong những tổ chức khoa học và công nghệ hàng đầu của ngành GTVT về nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực BVMT.

***Là đơn vị chuyên trách của ngành về lĩnh vực BVMT, các đề tài nghiên cứu do Trung tâm thực hiện đã có ứng dụng như thế nào đối với ngành GTVT trong những năm qua?**

Ông Nguyễn Văn Chiến: Kể từ khi thành lập đến nay, Trung tâm đã

thực hiện hơn 30 đề tài, đề án các cấp; gần 200 Dự án trọng điểm về đánh giá tác động môi trường (ĐTM), tư vấn, giám sát, tham vấn cộng đồng, điều tra xã hội và quan trắc chất lượng môi trường... Các hoạt động này đã góp phần đáng kể trong các tác BVMT của ngành, điển hình như: Đề tài Nghiên cứu ô nhiễm môi trường do các phương tiện giao thông đường thủy gây ra thực hiện năm 1997; kết quả của đề tài là tài liệu tham khảo khi thực hiện đánh giá các tác động tới môi trường cho các dự án về giao thông thủy nội địa. Đề tài sử dụng năng lượng sóng biển làm nguồn chiếu sáng phao tín hiệu hoạt động ngoài khơi biển Việt Nam được thực hiện năm 2001 đã bước đầu cho thấy khả năng sử dụng nguồn năng lượng thân thiện với môi trường trong ngành GTVT. Đề tài đánh giá tình hình ô nhiễm không khí trên các



trục giao thông trọng yếu tại 5 thành phố lớn thực hiện năm 2012 cho thấy bức tranh tổng quát về ô nhiễm do giao thông tại các thành phố lớn của Việt Nam...

Ngoài ra, nhiều công trình nghiên cứu khác do Trung tâm đã và đang thực hiện nhằm khắc phục các vấn đề môi trường nảy sinh trong hoạt động của ngành GTVT. Hiện nay, Trung tâm đang đề xuất chế tạo thiết bị hút bụi khi thi công thảm bê tông nhựa trên đường bộ. Nếu thành công, thiết bị này sẽ góp phần cải thiện tình trạng ô nhiễm bụi gây bức xúc dư luận khi thi công xây dựng đường thời gian gần đây.

***Được biết, bên cạnh nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, Trung tâm đã triển khai nhiều hoạt động về dịch vụ khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực môi trường. Vậy kết quả những hoạt động này là gì, thưa ông?**

Ông Nguyễn Văn Chiến: Bên cạnh nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, Trung tâm đã triển khai trên 200 Dự án trọng điểm về ĐTM, tư vấn, giám sát, tham vấn cộng đồng, điều tra xã hội và quan trắc chất lượng môi trường cho các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng ngành GTVT. Hoạt động này đã tư vấn cho cơ quan trực tiếp quản lý các dự án xây dựng giải pháp giảm thiểu, kiểm soát tác động tới môi trường, góp phần BVMT trong hoạt động ngành GTVT.

Trong khi đó, các hoạt động hợp tác quốc tế của Trung tâm thông qua các Hội nghị, Hội thảo khoa học quốc tế với các cơ quan, tổ chức: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Mỹ... về các lĩnh vực



▲ Lập Báo cáo ĐTM dự án nút giao ngã ba Huế - TP. Đà Nẵng

giảm khí thải nhà kính, sử dụng năng lượng hiệu quả, biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, công nghệ xử lý ô nhiễm, công nghệ phân tích môi trường... Thông qua hợp tác quốc tế, cán bộ của Trung tâm có cơ hội được nâng cao trình độ chuyên môn, được tiếp xúc với các công nghệ xử lý môi trường tiên tiến; tiếp cận các hướng nghiên cứu mới về BVMT trong các hoạt động của ngành GTVT.

***Để công tác BVMT trong ngành GTVT đạt kết quả bền vững, ông có đề xuất, kiến nghị gì đối với các cơ quan chức năng?**

Ông Nguyễn Văn Chiến: Thứ nhất, cần hoàn thiện cơ chế chính sách trong lĩnh vực BVMT; phân

định rõ chức năng, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, tránh quản lý chồng chéo.

Thứ hai, chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, khả năng đáp ứng được yêu cầu về nghiên cứu BVMT trong giai đoạn mới, giai đoạn cách mạng công nghiệp 4.0.

Thứ ba, đầu tư hệ thống trang thiết bị hiện đại, đủ khả năng đáp ứng nhu cầu nghiên cứu khoa học, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân về lĩnh vực BVMT.

Thứ tư, có cơ chế tài chính linh hoạt để có thể tận dụng và khai thác có hiệu quả tất cả các nguồn tài chính hợp pháp phục vụ công tác BVMT.

***Xin cảm ơn ông.**

ĐỨC TRÍ (Thực hiện)



▲ Hoạt động đo đạc, lấy mẫu tại hiện trường



TRUNG TÂM BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC NƯỚC VIỆT XANH:

Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, nâng cao trách nhiệm của cộng đồng trong giám sát bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

Được thành lập từ tháng 10/2012, Trung tâm Bảo tồn ĐDSH Nước Việt Xanh (GreenViet) đã có nhiều chương trình nghiên cứu khoa học, truyền thông và giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về giá trị đa dạng sinh học (ĐDSH) của miền Trung và Tây Nguyên. Đặc biệt, Trung tâm GreenViet đã đi tiên phong trong công tác bảo tồn quần thể loài voọc chà vá chân nâu, loài linh trưởng quý hiếm của Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Sơn Trà. Nhân dịp Trung tâm GreenViet được nhận Giải thưởng Môi trường Việt Nam 2017, Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với bà Lê Thị Trang - Phó Giám đốc Trung tâm GreenViet về những đóng góp của Trung tâm trong công tác BVMT.

***Xin bà cho biết, một số thành tích nổi bật của Trung tâm trong công tác bảo tồn ĐDSH nói riêng và BVMT nói chung?**

Bà Lê Thị Trang: Trung tâm GreenViet là tổ chức khoa học công nghệ trực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật TP. Đà Nẵng, hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về giá trị ĐDSH của khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Từ năm 2012, Trung tâm GreenViet đã có nhiều chương trình nghiên cứu khoa học và truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng nhằm thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương trong công tác bảo tồn quần thể loài voọc chà vá chân nâu ở bán đảo Sơn Trà, qua đó bảo tồn ĐDSH của KBTTN Sơn Trà. Một hoạt động trở nên quen thuộc của Trung tâm là Hành trình tôi yêu Sơn Trà đã tác động trực tiếp đến khoảng 2.000 người dân và gián tiếp đến 9.000 người trong hơn 4 năm qua. Đây là chương trình nâng cao nhận thức dành cho người dân Đà Nẵng có cơ hội được học tập về thiên nhiên và tìm hiểu quần thể voọc chà vá chân nâu ở bán đảo Sơn Trà, nhằm tăng tình yêu thương và niềm tự hào đối với tài nguyên thiên nhiên của TP, từ đó ra sức chung tay bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và hướng tới mục tiêu Đà Nẵng là TP môi trường. Bên cạnh



▲ Loài voọc chà vá chân nâu ở bán đảo Sơn Trà

đó, nhân dịp Hội nghị thượng đỉnh APEC được tổ chức tại Đà Nẵng năm 2017, GreenViet cũng đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm đưa hình ảnh loài voọc chà vá chân nâu ở bán đảo Sơn Trà trở thành hình ảnh đại diện cho hoạt động bảo tồn ĐDSH ở TP. Đà Nẵng, giúp chính quyền Đà Nẵng chọn hình ảnh loài voọc chà vá chân nâu đại diện cho TP. Đà Nẵng trong Tuần lễ cấp cao APEC 2017.

Với phương châm “Huy động người Việt Nam tham gia bảo tồn tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam”, năm 2015, với sự hỗ trợ của Quỹ Liên minh Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN), GreenViet thực hiện Chương trình giảm thiểu tiêu thụ động vật hoang dã tại TP. Đà Nẵng thông qua một Chương trình tọa đàm trực tiếp trên Đài Truyền hình Đà Nẵng (DRT), góp phần đưa thông tin đến với hàng trăm nghìn người dân TP, đồng thời chiến dịch “Không tiêu thụ động vật hoang dã” cũng được thực hiện trên 300

taxi Mai Linh và sân bay quốc tế Đà Nẵng. Năm 2016, IUCN tiếp tục tài trợ cho Trung tâm GreenViet nhằm huy động các Sở, ban ngành TP. Đà Nẵng tham gia trực tiếp trong công tác bảo tồn tài nguyên thiên nhiên. Theo đó, Trung tâm GreenViet thực hiện chương trình hợp tác với Sở Giáo dục và Đào tạo, 2 KBTTN Bà Nà - Núi Chúa và Sơn Trà, các phòng tài nguyên môi trường tại 4 quận huyện, góp phần truyền thông trực tiếp đến 15 nghìn người dân Đà Nẵng.

Trong hoạt động nghiên cứu khoa học, với đội ngũ cán bộ nghiên cứu có kinh nghiệm và tâm huyết với sự nghiệp bảo tồn, các chương trình nghiên cứu mà Trung tâm GreenViet tham gia trải dài ở các tỉnh thành miền Trung - Tây Nguyên, cụ thể như Chương trình tái hòa nhập voọc Hà Tĩnh về tự nhiên ở KBTTN Kẻ Gỗ (Hà Tĩnh) do Trung tâm cứu hộ thú linh trưởng nguy cấp Cúc Phương chủ trì từ năm 2016; Chương trình điều tra đa dạng



thú và các loài gà quý hiếm ở KBTTN Bà Nà - Núi Chúa (Đà Nẵng) thông qua triển khai lắp đặt 24 bẫy ảnh trong năm 2016, ghi nhận được 23 loài động vật, trong đó có 9 loài quý hiếm cần ưu tiên bảo tồn và bổ sung được 2 loài mới vào danh sách các loài thú, đặc biệt đây là lần đầu tiên ghi nhận được loài vượn Trung bộ và voọc chà vá chân nâu ở KBTTN Bà Nà - Núi Chúa; Chương trình phục hồi ĐDSH ở KBTTN Sơn Trà, Đà Nẵng do Viện Sinh thái học miền Nam chủ trì, đang thực hiện từ năm 2016-2018 đã tiến hành các đợt thực địa quan sát, ghi chép và thu thập thông tin về các loài thực vật, lưỡng cư, bò sát nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ về trữ lượng và phân bố, hiện trạng bảo tồn các loài động, thực vật ở Sơn Trà và làm cơ sở tham chiếu cho các khu vực cần phục hồi ĐDSH.

Đáng lưu ý nhất là chương trình nghiên cứu hiện trạng quần thể voọc chà vá chân nâu tại bán đảo Sơn Trà năm 2017 do Quỹ Disney tài trợ. Cho đến nay, kết quả nghiên cứu này là kết quả đầu tiên thể hiện được hiện trạng quần thể voọc chà vá chân nâu tại bán đảo Sơn Trà. Theo đó, GreenViet chỉ ra được mật độ quần thể ở Sơn Trà cao nhất là 44.51 cá thể trên 1 km², với diện tích phân bố của quần thể này ở Sơn Trà khoảng 30 km², ước tính được trữ lượng quần thể này ở Sơn Trà vào khoảng 1.335 cá thể. Kết quả nghiên cứu này là cơ sở quan trọng cho các nhà khoa học và hoạch định chính sách trong việc tham mưu đưa ra các kế hoạch bảo tồn bền vững ĐDSH ở bán đảo Sơn Trà trong tương lai.

★Trong thời gian qua, việc xây dựng trái phép trên bán đảo Sơn Trà đã và đang gây bức xúc trong dư luận. Vậy Trung tâm GreenViet đã có những hoạt động cụ thể gì để bảo vệ những giá trị ĐDSH của Sơn Trà?



▲ Cán bộ Trung tâm hướng dẫn các em học sinh quan sát Voọc chà vá chân nâu

Bà Lê Thị Trang: Bán đảo Sơn Trà có vị trí cực kỳ đặc biệt và độc đáo, là tài sản quý của TP. Đà Nẵng, không chỉ có chức năng sinh thái thông thường mà còn có các giá trị về ĐDSH và phát triển bền vững của TP trong các chiến lược lâu dài. Vì vậy, các hoạt động khai thác, xây dựng trái phép trên bán đảo Sơn Trà đã gây bức xúc trong dư luận một thời gian dài. Trong thời gian qua, Trung tâm GreenViet đã phối hợp với cộng đồng và các cơ quan chức năng tăng cường giám sát và phát hiện kịp thời các trường hợp xâm hại Sơn Trà. Trong năm 2016, Trung tâm GreenViet đã phản ánh sự việc và cung cấp chứng cứ khoa học trong lĩnh vực bảo tồn ĐDSH cho chính quyền TP Đà Nẵng, Quận Sơn Trà, Phường Thọ Quang nhằm ngăn chặn và xử lý triệt để tình trạng phá rừng ở Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà, góp phần nâng cao trách nhiệm của cộng đồng trong việc giám sát và phối hợp với các cơ quan chức năng trong các hoạt động bảo tồn tài nguyên thiên nhiên ở Sơn Trà.

Trong thời gian tới, Trung tâm GreenViet sẽ đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, giáo dục thiên nhiên, tập huấn nâng cao năng lực, phát triển thêm các công cụ kỹ thuật để cộng đồng dễ dàng tiếp cận thông tin, trực tiếp tham gia các hoạt động bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở Sơn Trà. Đồng thời, Trung tâm GreenViet tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học để cung cấp các dữ liệu về đa dạng hệ động thực vật hoang dã ở Sơn Trà cho các cơ quan chức năng địa phương. Sự phối hợp chặt chẽ của các nhà khoa học, cộng

đồng với các cơ quan chức năng địa phương sẽ là giải pháp tốt nhất để bảo vệ thiên nhiên Sơn Trà.

Mặt khác, cần có các quy định rõ ràng về các phân khu bảo vệ nghiêm ngặt (dành cho nghiên cứu khoa học, có ít hoặc không có tiếp xúc với con người), Khu cho phép du lịch tác động nhỏ, trung bình (đường mòn cho du khách, trung tâm thông tin, toilet công cộng...) và Khu phát triển du lịch như nhà hàng, khách sạn. Đặc biệt, điều cần thiết là có một Ban Quản lý chịu trách nhiệm chính cho việc giám sát các hoạt động tổng hợp ở bán đảo Sơn Trà nhằm đưa ra được các định hướng trong công tác quản lý các hoạt động phát triển và bảo tồn ĐDSH nơi đây.

★Xin bà cho biết, một số hoạt động trọng tâm của Trung tâm trong thời gian tới?

Bà Lê Thị Trang: Trong thời gian tới, Trung tâm GreenViet đẩy mạnh các hoạt động giáo dục thiên nhiên ở khu vực miền Trung nhằm thúc đẩy cộng đồng chủ động tham gia bảo tồn tài nguyên thiên nhiên của địa phương. Một Trung tâm Giáo dục cộng đồng đang được GreenViet thúc đẩy để thành lập và đưa vào hoạt động, giải quyết nhu cầu học tập thiên nhiên của hàng nghìn học sinh TP. Đà Nẵng và các tỉnh lân cận. Bên cạnh đó, các chương trình nghiên cứu cơ bản về giá trị ĐDSH ở các KBTTN khu vực miền Trung cũng được đưa vào kế hoạch, như chương trình nghiên cứu các khu hệ động vật ở KBTTN Bà Nà - Núi Chúa, Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm và Dự án phục hồi ĐDSHKBTTN Sơn Trà.

★Xin cảm ơn bà về cuộc trao đổi!

NGUYỄN HẰNG (Thực hiện)



Cần có quy định pháp lý cụ thể về khu công nghiệp sinh thái tại Việt Nam

Từ đầu những năm 1990, mô hình khu công nghiệp sinh thái (KCNST) đã hình thành trên thế giới, tuy nhiên, ở Việt Nam vẫn là một khái niệm mới. Với sự hỗ trợ từ Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF) và Cục Liên bang Kinh tế Thủy Sản (SECO), năm 2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) phối hợp với Tổ chức phát triển Liên hợp quốc (UNIDO) thực hiện Dự án Triển khai sáng kiến KCNST hướng tới mô hình khu công nghiệp (KCN) bền vững tại Việt Nam (Dự án). Để hiểu rõ hơn về mô hình KCNST, cũng như những đóng góp của Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), thành viên của nhóm Ngân hàng Thế giới trong quá trình thúc đẩy KCNST tại Việt Nam, Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với bà Vũ Tường Anh - Phụ trách Chương trình Hiệu quả Tài nguyên trong Công nghiệp Việt Nam, IFC về vấn đề này.

★Bà có thể giới thiệu khái quát về mô hình KCNST mà Dự án đang hướng tới?

Bà Vũ Tường Anh: Theo khái niệm của thế giới, KCNST là một cộng đồng các doanh nghiệp (DN) ở cùng một KCN có mối liên hệ mật thiết trên cùng một lợi ích, cùng hướng tới một hoạt động mang tính xã hội, kinh tế và môi trường có chất lượng cao, thông qua hợp tác quản lý về các vấn đề môi trường và tài nguyên. Trong mô hình KCN truyền thống, các DN quản lý tài nguyên nguyên liệu, năng lượng đầu vào và chất thải đầu ra riêng rẽ, do vậy, tổng lượng nguyên liệu, năng lượng tiêu thụ và tổng lượng chất thải vào môi trường sẽ lớn. Trong mô hình KCNST, bên cạnh việc sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải tại mỗi DN, vấn đề quản lý tài nguyên cũng cần được tối ưu hóa trong toàn bộ KCN, nguyên liệu và năng lượng có thể dùng từ một nguồn chung, chất thải của DN này có thể là đầu vào cho DN khác. Để xây dựng KCNST cần có 3 yếu tố cơ bản: Hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn tại mỗi DN trong KCN; Cộng sinh công nghiệp, trao đổi chất thải; Cơ sở hạ tầng xanh.



▲ Bà Vũ Tường Anh -
Phụ trách Chương trình
Hiệu quả Tài nguyên
Công nghiệp Việt Nam
(IFC)

★Theo bà, các KCN nói chung, DN nói riêng có những cơ hội và thách thức gì khi thực hiện chuyển đổi sang mô hình KCNST?

Bà Vũ Tường Anh: Mô hình KCNST vận hành theo hệ thống khép kín trên nguyên tắc cộng sinh công nghiệp, thực hiện trao đổi chất, tái sinh tái chế, tuần hoàn năng lượng và vật chất nhằm giảm thiểu chất thải, đem lại lợi ích kinh tế, đồng thời cũng giảm thiểu tác động lên môi trường. Vì thế, các DN khi áp dụng mô hình KCNST sẽ đạt được những lợi ích đáng kể về kinh tế do trao đổi, chuyển giao, hoặc bán các sản phẩm phụ cho các DN khác trong cùng KCN, đôi bên cùng có lợi. Các DN sẽ giảm được chi phí tài nguyên, cũng như chi phí xử lý chất thải, giảm phát thải ra môi trường, tăng lợi nhuận và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đối với các chủ đầu tư KCN, cách tiếp cận này thu hút các DN có chất lượng vào KCN. Tuy nhiên, hiện nay, khó khăn trong việc chuyển đổi sang mô hình KCNST là chưa có hành lang pháp lý rõ ràng (ví dụ, đối với dự án cộng sinh, sự trao đổi chất thải giữa các DN trong KCN chưa có văn bản pháp lý để thực hiện;

một số dự án cộng sinh cần có sự hỗ trợ về pháp lý, kỹ thuật và tài chính...).

★IFC đã triển khai những hoạt động nổi bật gì để hỗ trợ Dự án thực hiện thí điểm chuyển đổi các KCN hiện nay sang mô hình KCNST?

Bà Vũ Tường Anh: Hiện nay, IFC đang hỗ trợ Bộ KH&ĐT soạn thảo Tài liệu Hướng dẫn Kỹ thuật cho KCNST. Tài liệu sẽ được hoàn thành trong quý 4/2017, góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp bền vững tại Việt Nam. IFC cũng hợp tác với Bộ KH&ĐT đánh giá tiềm năng triển khai các mạng lưới cộng sinh công nghiệp, trao đổi chất thải theo mô hình KCNST ở KCN Hòa Khánh (Đà Nẵng) và Trà Nóc 1, 2 (Cần Thơ). Đồng thời, IFC hợp tác với Khu công nghệ cao Sài Gòn xem xét, đánh giá tiềm năng triển khai các dự án năng lượng tái tạo, đây chính là một trong các giải pháp sinh thái cho khu công nghệ cao. Ngoài ra, IFC sẽ hỗ trợ kỹ thuật cho một số KCN thực hiện các giải pháp cộng sinh công nghiệp, nâng cao hiệu quả tài nguyên và kinh doanh, giảm chất thải ra môi trường trong thời gian tới.



★ Bà có đề xuất kiến nghị gì để phát triển mô hình KCNST tại Việt Nam?

Bà Vũ Tường Anh: Mô hình KCNST là hướng đi đúng đắn, hướng tới một nền sản xuất quan tâm đến môi trường, xã hội và đảm bảo phát triển bền vững. Tuy nhiên, Nhà nước cần có các chính sách ưu đãi, cũng như quy định cụ thể, tiêu chí rõ ràng về môi trường và tài chính, nhằm thúc đẩy việc sử dụng hiệu quả tài nguyên, tuần hoàn, tái sử dụng chất thải, giảm thiểu chất thải tại nguồn trong các KCN, cũng như DN. Đối với các DN nằm trong KCN, cần thay đổi nhận thức trong cách sử dụng nguyên liệu, chất thải, tối ưu hóa sử dụng tài nguyên trong DN đồng thời tận dụng nguồn tài nguyên từ chất thải của các DN khác trong KCN. Mặt khác, các DN cần có tầm nhìn và kế hoạch phát triển sản xuất dài hạn, đầu tư những giải pháp bền vững, đi đôi với việc thực hiện một số biện pháp quản lý ngắn hạn như tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, giảm chi phí sản xuất và xử lý chất thải.

★ Xin cảm ơn bà!

HƯƠNG TRẦN (Thực hiện)

Theo “Sổ tay phát triển KCNST cho các nước đang phát triển châu Á” của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), có 7 nguyên tắc cơ bản để xây dựng một KCN theo hướng KCNST gồm: **Hài hòa với thiên nhiên; Hệ thống năng lượng; Quản lý dòng nguyên liệu và chất thải; Cấp thoát nước; Quản lý KCNST hiệu quả; Xây dựng/cải tạo; Hòa nhập với cộng đồng địa phương.** Ước tính, trên thế giới có khoảng 30 KCNST chia thành các nhóm khác nhau... Tuy nhiên, có thể phân loại các KCNST thành 5 nhóm: **Nông nghiệp; Tái tạo tài nguyên; Năng lượng tái sinh; Nhà máy điện; Lọc hóa dầu, hay hóa chất**



▲ Lãnh đạo TP. Cần Thơ tham quan hệ thống xử lý nước thải của KCN Trà Nóc 1

NÂNG CAO KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU VỚI TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH

Vừa qua, tại Hà Nội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) phối hợp với Quỹ Khí hậu xanh (GCF) tổ chức Hội thảo hợp tác, nhằm thảo luận cách thức GCF hỗ trợ Việt Nam thúc đẩy thực hiện các hoạt động để nâng cao khả năng chống chịu với tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) và Tăng trưởng xanh (TTX).

Trong khuôn khổ Hội thảo đã diễn ra Lễ Công bố Dự án Tăng cường năng lực chống chịu với tác động của BĐKH cho các cộng đồng cư dân ven biển tại Việt Nam do GCF tài trợ, với số tiền 29,5 triệu USD. Dự án được xây dựng trên cơ sở hợp tác giữa Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) với các Bộ: NN&PTNT, Xây dựng, KH&ĐT, nhằm hỗ trợ cộng đồng dân cư dễ bị tổn

thương, ảnh hưởng bởi thiên tai tránh khỏi tác động của những trận bão, lũ và cải thiện sinh kế. Theo đó, các vùng đệm của rừng ngập mặn sẽ được tái tạo, trồng lại và người nghèo được hỗ trợ xây nhà chống chịu được với bão lũ, đảm bảo vững chắc, an toàn.

Theo Thứ trưởng Bộ KH&ĐT Nguyễn Thế Phương, Dự án Tăng cường năng lực chống chịu với tác động của BĐKH cho các cộng đồng cư dân ven biển tại Việt Nam sẽ là bước đi đầu tiên trong quan hệ đối tác chiến lược dài hạn giữa Việt Nam và GCF. Việt Nam mong muốn, có thể đóng góp cho GCF cũng như chia sẻ bài học kinh nghiệm với các quốc gia khác được GCF hỗ trợ.

Điều phối viên thường trú Liên hợp quốc - Đại diện thường trú của UNDP Kamal Malhotra

cho biết, UNDP đang làm việc với Chính phủ Việt Nam về các sáng kiến để thúc đẩy việc tăng cường khả năng chống chịu với các hiện tượng khí hậu khắc nghiệt tác động đến người nghèo ở khu vực nông thôn, nhất là phụ nữ và đồng bào dân tộc thiểu số. UNDP cam kết đảm bảo thực hiện hiệu quả Dự án, góp phần tăng cường khả năng chống chịu với tác động của BĐKH cho cộng đồng ven biển để bị tổn thương ở Việt Nam.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã thảo luận về chiến lược tiếp cận GCF với những trọng tâm về cam kết của Việt Nam đối với BĐKH; Đầu tư cho thích ứng với BĐKH và TTX; Tăng cường hợp tác chiến lược GCF - Việt Nam...

C.LOAN



Hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển điện năng lượng mặt trời tại Đắk Lắk

DƯƠNG VĂN MÃO

Bộ Công Thương

Những năm gần đây, để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ngày càng tăng, tỉnh Đắk Lắk đã ban hành nhiều chính sách, tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước phát triển năng lượng sạch (điện gió, điện sinh khối và điện mặt trời). Việc đẩy mạnh triển khai các dự án điện mặt trời, điện gió sẽ khai thác tiềm năng của địa phương, tạo ra sản lượng điện lớn, góp phần phát triển kinh tế bền vững.

TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NĂNG LƯỢNG SẠCH

Theo các chuyên gia, Đắk Lắk có thời tiết nắng quanh năm, nhất là các địa phương phía Tây và Tây Bắc của tỉnh như Ea Súp, Ea H'leo, Buôn Đôn, Krông Năng, Krông Búk... nên có nhiều tiềm năng để phát triển năng lượng mặt trời (khoảng 95 GWh/năm), bức xạ mặt trời trung bình (khoảng 5 kWh/m²/ngày). Nhận thấy, Đắk Lắk có tiềm năng về năng lượng mặt trời, đến nay đã có 18 nhà đầu tư đến Đắk Lắk để nghiên cứu, khảo sát, lập đề xuất dự án, với tổng công suất trên 14.000 MW, điển hình như: Dự án Nhà máy điện mặt trời Xuân Thiện - Ea Súp, công suất 2.000 MW, tổng vốn đầu tư 2,2 tỷ USD; Dự án Nhà máy năng lượng sạch Rừng Xanh, với công suất 1.117 MW, tổng vốn đầu tư dự kiến 1,2 tỷ USD; Dự án Nhà máy điện mặt trời Long Thành, công suất 250 MW, tổng mức đầu tư 320 triệu USD. Hiện tại 3 dự án: Nhà máy điện mặt trời Xuân Thiện - Ea Súp, Nhà máy điện mặt trời Long Thành, Nhà máy năng lượng sạch Rừng Xanh đang trình hồ sơ bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia.

Ngoài ra, theo kết quả tính toán của Đơn vị tư vấn về lập Quy hoạch điện gió tỉnh Đắk Lắk cho thấy, tiềm năng phát triển điện gió tỉnh với vận tốc gió trên 6 m/s đến 9,5 m/s, đạt tổng công suất dự kiến khoảng 1.400 MW. Các khu vực có tiềm năng gió ở các huyện Ea H'leo, Krông Búk, Krông Năng và thị xã Buôn Hồ. Với ưu điểm ít chiếm dụng đất, việc phát triển điện gió sẽ không ảnh hưởng đến diện tích rừng... Hiện Đắk Lắk đang đón nhận các nhà đầu



▲ Đắk Lắk đẩy mạnh phát triển các dự án điện mặt trời

tư trong và ngoài nước đến nghiên cứu, khảo sát để lập dự án điện gió, trong đó, điển hình là Công ty TNHH đầu tư Egeres -Singapo đang hoàn tất thủ tục triển khai lắp đặt 4 cột đo gió để khảo sát, lập dự án điện gió với công suất 400 MW...

Bên cạnh 2 loại hình trên, Đắk Lắk còn có thể mạnh về nông nghiệp, nguồn năng lượng sinh khối dồi dào, năng lượng sinh khối từ bã mía khoảng 7,8 triệu tấn, cuống sắn khoảng 2,49 triệu tấn. Hiện tỉnh đã quy hoạch 8 nhà máy năng lượng sinh khối, với tổng công suất khoảng 120 MW, kết hợp sản xuất đường tinh luyện, tinh bột sắn, xử lý rác thải và phát điện.

TĂNG CƯỜNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SẠCH

Để tăng cường phát triển nguồn năng lượng sạch, tỉnh đã hoàn thiện Quy hoạch điện gió và điện mặt trời, đồng thời, ban hành nhiều chính

sách, cơ chế mở cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia. Theo Quy hoạch điện gió và điện năng lượng mặt trời, mục tiêu từ nay đến năm 2020 và đến năm 2030, tỉnh Đắk Lắk phấn đấu đạt công suất lắp đặt gần 5.250 MW. Trong đó, tiềm năng điện gió tập trung ở 7 khu vực thuộc các huyện Krông Búk, Cư M'gar, Krông Năng, Ea H'leo và thị xã Buôn Hồ, với tổng công suất dự kiến là 1.382,9 MW, sản lượng điện năng còn lại được sản xuất từ các nhà máy điện mặt trời.

Theo đó, tại địa bàn xã vùng sâu Đliê Yang (huyện Ea H'leo), Công ty Giải pháp Năng lượng gió HBRE (TP. Hồ Chí Minh) sẽ triển khai Dự án điện gió có tổng công suất thiết kế 120 MW, với vốn đầu tư trên 6.000 tỷ đồng. Theo kế hoạch đến năm 2020, Dự án hoàn thành sẽ cung cấp sản lượng điện thương phẩm từ 450 triệu kWh/năm trở lên. Đây cũng là dự án điện gió được khởi công xây dựng đầu tiên ở Tây Nguyên.



Đối với điện mặt trời, tỉnh đã lập danh mục 12 dự án để đề xuất Bộ Công Thương bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2025. Trước mắt, tỉnh chấp thuận trao giấy chứng nhận, quyết định chủ trương cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước xây dựng các nhà máy điện mặt trời tại huyện Ea Súp, Buôn Đôn như: Công ty TNHH Xuân Thiện (Ninh Bình) có kế hoạch đầu tư xây dựng Nhà máy điện mặt trời, công suất thiết kế 2.000 MW tại huyện Ea Súp, với tổng vốn đầu tư 2,2 tỷ USD; Tập đoàn TH True Milk xây dựng Nhà máy điện mặt trời, với công suất 1.117 MW; Tập đoàn AES (Mỹ) đầu tư 16.875 tỷ đồng (750 triệu USD) xây dựng Nhà máy điện mặt trời tại huyện Ea Súp và Buôn Đôn, với công suất từ 300 - 500 MW...

Về quy hoạch điện sinh khối giai đoạn 2015 - 2025 và đến năm 2035, Sở Công Thương phối hợp với các ngành điều tra, thống kê nguồn năng lượng sinh khối dồi dào từ củi, trấu, bã mía, gỗ vụn, mùn cưa và các phụ phẩm nông nghiệp để từ đó, áp dụng, nhân rộng mô hình chế biến và khai thác nguồn năng lượng khép kín; đẩy mạnh nghiên cứu, khuyến khích sử dụng mô hình sản xuất năng lượng giữa nhà nông - nhà khoa học và kêu gọi nhà đầu tư liên kết với doanh nghiệp để triển khai mô hình



▲ Thiết bị đo hệ thống phát điện mặt trời được lắp đặt tại huyện Ea Súp

sản xuất sạch hơn trong công nghiệp; hỗ trợ vốn cho nhà máy đầu tư hệ thống cung cấp năng lượng...

Bên cạnh việc hoàn thiện Quy hoạch, các chính sách ưu đãi cũng được tỉnh ban hành như giải phóng quỹ đất sạch cho nhà đầu tư, kêu gọi sự hỗ trợ từ Bộ, ngành liên quan trong việc đầu tư hạ tầng đồng bộ để các dự án triển khai. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đang rà soát một số dự án đầu

tư không hiệu quả để thu hồi, chuyển đổi cho các nhà đầu tư khác hiệu quả hơn. Ngoài ra, tỉnh sẽ ban hành cơ chế, khuyến khích phát triển thiết bị điện mặt trời, cơ chế hòa lưới điện quốc gia cho các doanh nghiệp, hộ sản xuất, sử dụng năng lượng mặt trời. Đồng thời, tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về sử dụng năng lượng mặt trời■

ĐỊNH GIÁ TỔN THẤT ĐỂ CHỦ ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU



Tại Hội thảo kỹ thuật liên bộ về biến đổi khí hậu (BĐKH) do Bộ NN&PTNT phối hợp với Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tổ chức, các chuyên gia khuyến nghị cần có các biện pháp định giá tổn thất, thiệt hại do BĐKH để chủ động ứng phó với BĐKH.

tổn thất và thiệt hại do BĐKH cho một số lĩnh vực; phân tích hệ thống chính sách hiện hành của Việt Nam về BĐKH gắn với tổn thất và thiệt hại do thiên tai.

Thứ trưởng Bộ NN&PTNT Hoàng Văn Thắng cho rằng, để góp phần vào việc chủ động phòng chống và giảm nhẹ tổn thất do thiên tai, đặc biệt trong bối cảnh

Đây là kết quả nghiên cứu từ đợt hạn hán năm 2015 - 2016, cập nhật thông tin về tổn thất và thiệt hại về BĐKH; tìm hiểu các công cụ quản lý rủi ro tài chính do BĐKH; chia sẻ phương pháp, cách tiếp cận và những kinh nghiệm tính toán

khí hậu cực đoan diễn biến phức tạp, Việt Nam cần có những phương pháp, công cụ để đánh giá, tính toán về tổn thất, thiệt hại, xác định những tác động bất lợi của BĐKH ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, tính toán thiệt hại về kinh tế, phi kinh tế, di dân tái định cư, các tổn thất, bảo hiểm, an sinh xã hội...

Theo bà Akiko Fujii - Phó Giám đốc quốc gia UNDP tại Việt Nam, nếu không có cơ chế ứng phó với những hiện tượng khí hậu bất thường trong tương lai, những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam có thể bị hủy hoại. Việt Nam cần thành lập một nhóm làm việc liên bộ để phối hợp công tác thu thập dữ liệu, phân tích rủi ro khí hậu.

GIA LINH



Đức: Hành trình trở thành quốc gia dẫn đầu châu Âu trong phát triển kinh tế xanh

NGUYỄN THỊ LIÊN

Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia - Bộ Xây dựng

Trong cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu, giống như nhiều nước của Liên minh châu Âu (EU), Đức cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Tuy nhiên, Đức đã trụ vững trong cơn bão khủng hoảng tài chính toàn cầu và nợ công ở châu Âu, với nền kinh tế mạnh mẽ, duy trì tăng trưởng và giảm tỷ lệ thất nghiệp. Đặc biệt, Đức cũng là quốc gia đi đầu trong các chính sách xanh hóa nền kinh tế, giữ vai trò chủ đạo trong thị trường công nghệ xanh của châu Âu và thế giới, góp phần BVMT, giảm phát thải khí nhà kính (KNK). Các chính sách liên quan đến BVMT và bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên đã được Chính phủ Đức lồng ghép trong tất cả các lĩnh vực hoạt động kinh tế, phát triển công nghiệp.

CHÍNH SÁCH CẢI CÁCH THUẾ NĂNG LƯỢNG

Từ những năm 90, Chính phủ Đức đã có chủ trương chuyển đổi sang phát triển các nguồn năng lượng mới, hạn chế sử dụng nguyên liệu hóa thạch là dầu, than và năng lượng hạt nhân. Trong các chính sách năng lượng, Chính phủ Đức đã chú trọng đến việc đánh thuế năng lượng, khuyến khích phát triển các công nghệ sạch, tăng thu nhập cho đầu tư công và cắt giảm chi phí lao động.

Năm 1999, Đức đã thông qua Luật Cải cách thuế sinh thái và tăng mức thuế đối với dầu và khí đốt, đồng thời đưa ra một khoản thu mới về điện. Từ năm 1999 - 2000, với chính sách cải cách thuế năng lượng, Đức đã liên tục giảm mức tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch. Theo Văn phòng Thống kê CHLB Đức, mức tiêu thụ xăng trong năm 2000 giảm 4,5% so với năm 1999 và tiếp tục giảm lần lượt là 3,1%, 3,3% trong năm 2001, năm 2002. Ngoài ra, việc cải cách thuế năng lượng cũng làm thay đổi hành vi sử dụng năng lượng trong các lĩnh vực sản xuất kinh tế, thúc đẩy tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải CO₂ đạt 3%/năm, tương đương 24 triệu tấn CO₂. Mặt khác, nguồn thu lớn từ thuế năng lượng đã được Chính phủ Đức đầu tư cho các chương trình an sinh xã hội, giúp tạo ra cơ hội việc làm mới, trong đó một phần nhỏ số tiền thu thuế năng lượng được hỗ trợ dự án năng lượng tái tạo và hiện đại hóa các tòa nhà.

Với những thành công ban đầu, năm 2006, Chính phủ Đức tiếp tục thông qua Luật Thuế năng lượng toàn diện, nhằm thiết lập khuôn

khô tài chính chung cho các sản phẩm năng lượng, thông qua các luật thuế và miễn thuế năng lượng, góp phần chuyển đổi nền kinh tế theo hướng xanh hóa, tạo ra cơ hội đầu tư hấp dẫn và thị trường công nghệ xanh. Với những lợi ích đó, chính sách cải cách thuế ở Đức đã trở thành công cụ tài chính hiệu quả, đóng góp lớn cho ngân sách quốc gia, cải thiện điều kiện lao động và ổn định thu nhập của người dân.

THÚC ĐẨY NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Là một thành viên của EU, Đức cũng phải tuân thủ các chính sách pháp luật của EU về năng lượng và BVMT. Năm 2009, EU đã thông qua Chỉ thị về năng lượng tái tạo (NLTT), trong đó yêu cầu mỗi quốc gia thành viên tăng tỷ trọng NLTT (năng lượng mặt trời, năng lượng gió, sinh khối, thủy điện) từ 8,5% năm 2010 lên 20% vào năm 2020 trong tất cả các lĩnh vực. Trong thập kỷ qua, Đức đã phát triển mạnh NLTT, tỷ lệ NLTT trong sản xuất điện tăng từ 6% năm 2000 lên 16% năm 2009. Với

mục tiêu trở thành quốc gia có nền kinh tế xanh và hiệu quả về năng lượng của thế giới, Chính phủ Đức đã xây dựng chiến lược phát triển năng lượng dài hạn đến năm 2050 và quyết tâm hướng tới một hệ thống năng lượng dựa hoàn toàn vào NLTT. Theo đó, đến năm 2020, NLTT sẽ chiếm 18% lượng tiêu thụ năng lượng và 80% vào năm 2050; giảm 40% lượng phát thải KNK vào năm 2020 và 80% năm 2050.

Để đạt được mục tiêu trên, Đức đã xây dựng một khung chính sách toàn diện về khí hậu và phát triển NLTT, trong đó có Luật về các nguồn NLTT được ban hành vào tháng 4/2000. Song song với việc hoàn thiện chính sách, Chính phủ Đức còn đưa ra các cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào NLTT và giảm các thủ tục hành chính để rút ngắn thời gian thực hiện dự án. Đặc biệt, tất cả các bên từ chính quyền đến cộng đồng xã hội đều ủng hộ mạnh mẽ và góp phần hỗ trợ quốc gia chuyển đổi sang nền kinh tế các-bon thấp. Với cách tiếp cận là các chính sách môi trường sẽ thúc đẩy quá



▲ TP. Freiburg (Đức) xây dựng hệ thống đường sắt trong nội đô để giảm phát thải

trình hiện đại hóa sinh thái và tạo ra các cơ hội thị trường mới để mọi đối tượng đều được hưởng lợi, Đức đã thực hiện thành công chiến lược phát triển NLTT, thúc đẩy sản xuất và gia tăng xuất khẩu các mặt hàng NLTT.

KHUYẾN KHÍCH XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG XANH

Những năm qua, Đức đã triển khai nhiều giải pháp nhằm tăng cường cơ sở hạ tầng xanh như lắp đặt mái nhà xanh, cải tạo hệ thống thoát nước mưa, giảm hiệu ứng đảo nhiệt đô thị, cải thiện chất lượng không khí, sử dụng các vật liệu tái chế... Để phát triển cơ sở hạ tầng xanh, Chính phủ Đức đã ban hành nhiều chính sách ưu đãi đối với các dự án xây dựng công trình đô thị xanh, dịch vụ môi trường, cải tiến công nghệ và kỹ thuật xây dựng theo hướng xanh hóa, xanh hóa cảnh quan đô thị.

Đặc biệt, Chính phủ Đức đã đổi mới trong cách tiếp cận với vấn đề BVMT từ khuyến khích đến yêu cầu bắt buộc các địa phương phải xây dựng và duy trì cơ sở hạ tầng xanh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Theo đó, cơ sở hạ tầng xanh là một tiếp cận mà cộng đồng có thể lựa chọn để duy trì nguồn nước sạch, cung cấp nhiều lợi ích môi trường và hỗ trợ cộng đồng bền vững. Xuất phát từ điều đó, Chính phủ Đức đã triển khai nhiều hoạt động nhằm nâng cao nhận thức

và huy động sự tham gia của đông đảo người dân vào phát triển đô thị xanh, cũng như giải quyết vấn đề môi trường tại các sông, hồ ở địa phương, đảm bảo đất nước tăng trưởng xanh, bền vững.

THỰC HIỆN GIAO THÔNG BỀN VỮNG

Ngoài các giải pháp trên, Chính phủ Đức còn chú trọng đến phát triển hệ thống giao thông vận tải bền vững, thông qua việc đánh thuế cao đối với xăng dầu, làm cho việc sở hữu ô tô phát sinh nhiều chi phí, tốn kém, đồng thời, khuyến khích sử dụng các loại ô tô phát thải ít hơn. Năm 2008, ước tính, thuế xăng dầu của Đức cao gấp 9 lần so với Mỹ. Vì thế, tại Đức, lượng xe ô tô cá nhân ít và người dân thường sử dụng các loại xe tiết kiệm năng lượng. Để khuyến khích người dân sử dụng xe ô tô điện, năm 2016, Chính phủ Đức đưa

ra quy định, nếu người dân mua ô tô điện sẽ nhận được số tiền thưởng là 4.000 Euro và 3.000 Euro nếu mua ô tô điện - xăng. Bên cạnh đó, ô tô điện sẽ được miễn thuế trong 10 năm. Ngoài ra, Chính phủ còn cung cấp quỹ dành riêng cho các khoản đầu tư vào vận tải công cộng tại địa phương, bao gồm các dự án giao thông công cộng, xây dựng các trạm nạp điện, đường đi bộ và đi xe đạp, hệ thống đường sắt...

Nhiều bang của Đức đã có những giải pháp sáng tạo nhằm thiết lập hệ thống giao thông bền vững như đưa ra yêu cầu tối thiểu về nơi đậu xe để hạn chế các phương tiện cá nhân; thúc đẩy phát triển cây xanh; tích hợp kế hoạch sử dụng đất với hệ thống giao thông vận tải địa phương; kêu gọi người dân đi xe đạp. Tiêu biểu như TP. Freiburg, ngay từ những năm 1960 - 1970, TP đã bắt đầu triển khai các chính sách giao thông bền vững, chẳng hạn như tạo ra các khu dành cho người đi bộ trong khu vực trung tâm TP, mở rộng mạng lưới giao thông công cộng, xây dựng và khai thác hệ thống đường sắt. TP khuyến khích sử dụng xe hơi ở trung tâm thị trấn, nhiều khu dân cư, bãi đỗ xe chỉ dành cho cư dân nơi đó và phải có giấy phép đặc biệt. Cùng với đó, TP cũng tập trung nâng cao chất lượng và dịch vụ của các phương thức vận tải công cộng thay thế ô tô riêng. Đồng thời, TP đã tăng cường các chương trình truyền thông cho người dân về lợi ích của việc đi xe đạp, đi bộ và sử dụng phương tiện giao thông công cộng■



Chi nhánh Công ty 75 giữ vững an ninh chính trị, kết hợp phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường

Là đơn vị kinh tế - quốc phòng hoạt động trên địa bàn Tây Nguyên, những năm qua, Chi nhánh Công ty 75 (Binh đoàn 15) đã luôn thực hiện phương châm nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh, đầu tư cải tiến quy trình khai thác mủ cao su, kết hợp với BVMT và giữ vững an ninh - quốc phòng.

Chi nhánh (CN) Công ty 75 (tiền thân là Công ty 75, trực thuộc Binh đoàn 15) được thành lập vào năm 1984, hoạt động trên địa bàn hai huyện biên giới là Đức Cơ và Ia Grai (Gia Lai). Trên cơ sở nhiệm vụ chính trị của Bộ Quốc phòng giao cho Binh đoàn 15 là phát triển kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh trên địa bàn Tây Nguyên, với nhiệm vụ chủ yếu là trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến mủ cao su, trong hơn 30 năm qua, Đảng ủy, Ban Giám đốc CN 75 đã lãnh đạo, chỉ huy toàn đơn vị triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp, nhằm hướng tới xây dựng địa bàn vững mạnh và đảm bảo an ninh trật tự.

Những năm qua, đơn vị luôn chủ động phối hợp với các lực lượng vũ trang thường xuyên tuần tra canh gác giữ vững an ninh biên giới và chủ quyền lãnh thổ quốc gia; tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh tại địa phương.

Bên cạnh nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, đơn vị cũng nỗ lực phát triển kinh tế. Với quân số là 3.197 người, gồm 25 đội sản xuất,



▲ Cán bộ CN 75 thăm và tặng quà các đối tượng chính sách tại xã Ia Krêl (Đức Cơ)

1 xí nghiệp chế biến mủ cao su, 1 đội vận tải... đơn vị đã trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến mủ cao su trên diện tích trồng cao su là 7.800,11 ha, công suất 7.000 tấn/năm. Trong hoạt động sản xuất - kinh doanh, CN 75 đã thực hiện phương châm “bám sát các mục tiêu, thước đo hiệu quả là năng suất, chất lượng”. Để bảo đảm được các yêu cầu đó, đơn vị đã không ngừng cải tiến và áp dụng các giải pháp mới vào sản xuất - kinh doanh. Bên cạnh việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình kỹ thuật, CN 75 đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân, người lao động và thường xuyên tổ chức tập huấn sản xuất đến các hộ gia đình nhận khoán. Đồng thời, để nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh, CN 75 đã phát động và triển

khai nhiều sáng kiến hay, mô hình mới trong toàn thể đơn vị như tổ chức “câu lạc bộ vườn cây năng suất cao”, “giao khoán vườn cây ổn định lâu dài phù hợp với mô hình quản lý”, “xây dựng các nhà tránh nắng trú mưa”...

Xác định để phát triển bền vững phải gắn sản xuất - kinh doanh với BVMT, thời gian qua, CN 75 đã luôn chấp hành các quy định pháp luật về BVMT. Hàng năm, Công ty đều tổ chức giám sát môi trường định kỳ, kịp thời phát hiện và khắc phục những vấn đề môi trường phát sinh, không để xảy ra sự cố.

Với đặc thù của ngành nghề chế biến mủ cao su là mùi hôi phát sinh từ mủ cao su, đơn vị đã xây dựng nhà xưởng thông thoáng, trang bị hệ thống quạt gió, ống khói nhằm hạn chế mùi hôi, sử dụng chất khử mùi Aquaclean để chống mùi hôi



đối với mù tạt và các hồ xử lý nước thải. Ngoài ra, đơn vị đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải với công suất 1.200 m³/ngày, đêm, sử dụng công nghệ hóa - lý sinh kết hợp, bảo đảm quy chuẩn môi trường. Riêng chất thải rắn và chất thải nguy hại, đơn vị thực hiện phân loại, thu gom và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định. Trong khuôn viên sản xuất, đơn vị trồng nhiều cây xanh, vừa đảm bảo mỹ quan, vừa giảm thiểu ô nhiễm không khí. Ngoài ra, đơn vị thường xuyên tuyên truyền, nâng cao ý thức, trách nhiệm về BVMT cho các chiến sĩ, cán bộ, công nhân viên; tổ chức các hoạt động giữ gìn vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ; tích cực tham gia vào các sự kiện môi trường do tỉnh phát động và tổ chức.

Với quyết tâm nâng cao hiệu quả sản xuất, năm 2015, CN 75 đạt doanh thu 270,503 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước hơn 51 tỷ đồng, lợi nhuận 11,388 tỷ đồng, thu nhập bình quân gần 4,2 triệu đồng/người/tháng, bảo đảm việc làm ổn định cho người lao động và đồng bào dân tộc thiểu số trong vùng. Đó là cơ sở quan trọng, tạo thuận lợi để đơn vị tham gia xây dựng địa bàn vững mạnh, cũng như gắn kết quan hệ thân thiết với các đồng bào dân tộc, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên■

SONG HƯƠNG



▲ Khu vực sản xuất chế biến mù tạt cao su của CN 75

Thủy điện Ialy đồng hành cùng phát triển và bảo vệ môi trường



▲ Nhà máy thủy điện Ialy

Thủy điện Ialy tiền thân là Nhà máy Thủy điện Ialy, thành lập theo Quyết định số 10/2000/QĐ-BCN ngày 28/2/2000 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và chuyển thành Công ty theo Quyết định số 148/2006/QĐ-TTg ngày 22/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty Thủy điện Ialy đảm nhận chức năng quản lý, vận hành 3 nhà máy trên sông Sê San với tổng công suất 1080MW, sản lượng điện bình quân 5,318 tỷ kWh/năm, bao gồm: Nhà máy Thủy điện Ialy, công suất 720MW, sản lượng điện theo thiết kế 3,68 tỷ kWh/năm; Nhà máy thủy điện Sê San 3: Công suất 260MW, sản lượng điện theo thiết kế 1,221 tỷ kWh/năm và Nhà máy thủy điện Pleikrông, công suất 100MW, sản lượng bình quân theo thiết kế 417 triệu kWh/năm. Trong đó, Nhà máy Thủy điện Ialy là một công trình thủy điện ngầm lớn nhất Việt Nam.

Nhà máy Thủy điện Ialy xây dựng trên diện tích 579.551 m² thuộc (huyện Chuপ্পা, tỉnh Gia Lai) và

45.093.900 m² (huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum). Thủy điện Ialy là bậc thang thứ ba và là bậc thang lớn trên sông Sê San. Sông Sê San là một chi lưu lớn của sông Mê Công được tạo thành bởi nhánh Đắk Bla và nhánh Krôngpôcô. Diện tích toàn bộ lưu vực là 17.000 km².

Trong những năm qua, Công ty Thủy điện Ialy đã không ngừng phát triển và mở rộng ngành nghề kinh doanh, nhằm phát huy và khai thác tối đa năng lực từ những thế mạnh về nguồn nhân lực và cơ sở vật chất. Công ty có những chức năng, nhiệm vụ chính bao gồm: Quản lý, vận hành và sản xuất điện năng; Sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp các thiết bị và công trình của Nhà máy; Tư vấn, giám sát lắp đặt thiết bị cơ khí thủy lực, cơ khí thủy công, thiết bị quan trắc, thiết bị điện, thông tin của các công trình thủy điện; Dịch vụ thí nghiệm, sửa chữa, gia công cơ khí (công nghiệp điện năng); Tổ chức đào tạo nguồn lực cho các nhà máy điện; Tổ chức tham quan du lịch.



Bên cạnh những nỗ lực phát triển, phát huy tối đa lợi ích kinh tế của Nhà máy, công tác đảm bảo điều kiện môi trường luôn được Lãnh đạo Công ty quan tâm, chú trọng. Ngoài việc luôn tuân thủ và chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật về BVMT. Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo tốt sức khỏe cho người lao động; tổ chức thực hiện các hoạt động theo đúng các quy định của Luật BVMT... Hàng năm, Công ty đều ký hợp đồng các cơ quan chuyên ngành môi trường tiến hành đo quan trắc, đánh giá kiểm soát ô nhiễm môi trường để thực hiện khắc phục ô nhiễm môi trường, cải thiện điều kiện làm việc tại tất cả các vị trí sản xuất cho cán bộ, công nhân viên (CBCNV). Qua phân tích, các mẫu thử đều cho kết quả đạt tiêu chuẩn/quy chuẩn hiện hành của Việt Nam về môi trường.

Trong khu vực sản xuất, tại gian máy và toàn bộ phần ngầm, Công ty đã lắp đặt hệ thống thông gió, hiện đại đây là hệ thống quan trọng của nhà máy ngầm, bao gồm 8 quạt thổi điều hòa và 8 quạt hút gió với công suất mỗi quạt 75 kW. Với hệ thống quạt gió, môi trường trong “phần ngầm” của Nhà máy luôn được đảm bảo. Đối với độ ồn của các buồng công nghệ, Công ty đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp như tạo phòng cách âm; nút tai chống ồn; nâng cấp, bảo dưỡng thiết bị... Do đặc điểm thiết kế, các nhà máy thủy điện sử dụng một lượng lớn dầu trong sản xuất (dầu bôi trơn cho các ổ hướng, ổ đỡ máy phát và dầu máy biến áp), tổng lượng dầu trong sử dụng gần 500 m³. Lượng dầu này qua quá trình vận hành hàng năm bị thay đổi, mất chất lượng và có khả năng phải thay thế. Để đảm bảo môi trường sinh thái do việc hủy hoặc thải một lượng dầu lớn sau quá trình vận hành, đồng thời tiết kiệm chi phí sản xuất, Công ty dùng các máy lọc dầu có công nghệ cao để lọc bỏ các tạp chất và khử các chất phát sinh trong quá trình vận hành để đưa vào tái sử dụng. Tại vị trí sản xuất trong gian máy, dầu rớt từ các bộ phận thiết bị hòa lẫn với nước rò của các hệ thống, tạo nên hỗn hợp nước lẫn dầu bẩn. Để khắc phục tình trạng trên Nhà máy đã lắp đặt hệ thống xử lý tách dầu - nước, nhờ vậy, dầu được gom lại còn lượng nước bẩn được xử lý tách riêng, trước khi thải ra môi trường.

Đối với môi trường cảnh quan của Nhà máy, tại khu vực văn phòng và các trung tâm điều hành, khu vực đập tràn, đập dâng, cửa nhận nước, trạm OPY 500 kV, Công ty đã trồng được 20.000 m² thảm cỏ, 2.000 m² thảm hoa và



▲ Tổ máy phát điện Nhà máy Thủy điện Ialy

hơn 3.000 cây xanh các loại. Nhằm mục đích khôi phục lại hàng trăm ha rừng, thảm thực vật... vùng đồi bị san ủi trong quá trình xây dựng công trình, từ khi công trình hoàn thành đến nay, Công ty đã phát động toàn thể CBCNV trồng rừng cây “Đời đời nhớ ơn Bác” với hơn 15 héc ta các loại cây. Công ty đã tổ chức cải tạo khu đất trống trên bờ Hồ Ialy với diện tích hơn 5 héc ta, trồng trên 5.000 cây các loại; cải tạo và xây dựng khu hoa viên trước cổng Công ty, trồng trên 10.000 m² thảm cỏ, hoa và 1.000 cây xanh các loại...

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo, giáo dục cho CBCNV thực hiện các biện pháp vệ sinh an toàn lao động và ý thức về BVMT; cử cán bộ tham gia các lớp học do Tập đoàn tổ chức như khóa học về điều tra kinh tế - xã hội và sức khỏe của Chương trình Hỗ trợ Quản lý Môi trường do SIDA tài trợ. Hàng năm, Công ty phối hợp với tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên phát động và triển khai Chương trình Xanh - Sạch - Đẹp nhằm giáo dục đoàn viên, CBCNV về ý thức BVMT; cung cấp đầy đủ các phương tiện, trang thiết bị bảo hộ an toàn lao động; khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV; tập huấn cho CBCNV các phương án xử lý sự cố và công tác BVMT.

Trong quá trình xây dựng và sản xuất, Công ty cũng đặc biệt quan tâm đến đời sống của người dân trong khu vực. Giai đoạn công tác giải phóng mặt bằng, Công ty đền bù cho dân có 1ha đất tại khu vực nhà máy được 3ha đất vùng khác. Trong thời gian từ tháng 2 đến tháng 9, khi cao trình mực nước hạ, diện tích không ngập nước đạt 37.000 ha, Công ty hỗ trợ người dân trong vùng bằng cách cho dân canh tác trồng cây ngắn hạn, không đóng thuế nhà nước. Đồng thời, Công ty cũng đầu tư 7 trạm bơm cấp nước, phục vụ cấp nước nông nghiệp cho người dân với diện tích hơn 250 ha. Hàng năm, Công ty đều lập quỹ tương trợ xã hội, quỹ phúc lợi để hỗ trợ 2 nhà tình nghĩa cho các hộ dân nghèo thuộc 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum và hỗ trợ phụ nữ nghèo, người nhiễm chất độc màu da cam,...

Có thể nói, việc phát triển thủy điện Tây Nguyên nói chung và Nhà máy Thủy điện Ialy nói riêng đảm bảo năng lượng cho vùng, là cơ sở để phát triển công nghiệp của vùng, đồng thời giúp giải quyết nước tưới vào mùa khô, điều tiết dòng chảy, kiểm soát lũ và khai thác du lịch, nuôi trồng thủy sản■

ĐINH THỊ MINH HƯƠNG



Chuyện về người phụ nữ với công tác truyền thông môi trường

Lần đầu tiên gặp tôi đã cảm nhận, chị là một người phụ nữ hiền lành, chất phác và mộc mạc, ở chị toát lên vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam truyền thống. Nhưng khi được tiếp xúc trực tiếp và nghe các cán bộ của Chi cục BVMT, Sở TN&MT tỉnh Nam Định tâm sự và chia sẻ, tôi nhận ra đằng sau vẻ mộc mạc chất phác của người phụ nữ đó là cả một bầu nhiệt huyết với công tác truyền thông về môi trường.

Người phụ nữ đó là chị Trần Thị Thanh Tùng, một cán bộ chuyên trách truyền thông môi trường, Chi cục BVMT tỉnh Nam Định. Trước khi tham gia vào công tác truyền thông về môi trường, chị đã có thời gian (từ năm 2006 - 2009) làm dịch thuật tài liệu các dự án về TN&MT. Với nhiệm vụ được giao, chị luôn phát huy hết vai trò, trách nhiệm của người cán bộ, không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức để hoàn thành tốt công việc. Ngay sau khi Luật BVMT năm 2014 được ban hành, chị đã tham mưu lãnh đạo Chi cục BVMT xây dựng Kế hoạch thực hiện Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành trên địa bàn tỉnh; Đôn đốc các huyện, TP tổ chức triển khai Luật BVMT 2014; Xây dựng và thiết kế tờ rơi có nội dung tuyên truyền về Luật BVMT năm 2014, Luật Đa dạng sinh học...

Nhận thấy, truyền thông môi trường là một quá trình tương tác xã hội hai chiều nhằm giúp cho những người có liên quan nâng cao nhận thức về công tác BVMT, chị đã tham mưu lãnh đạo Sở ban hành các văn bản truyền thông về môi trường, ký kết các chương trình phối hợp hành động về bảo vệ TN&MT với 9 tổ chức đoàn thể chính trị cấp tỉnh (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Hội Liên hiệp phụ nữ; Hội Nông dân; Liên đoàn Lao động; Đoàn Thanh niên; Liên minh Hợp tác xã; Hội Cựu chiến binh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Hội Người cao tuổi). Căn cứ Chương trình phối hợp, nhu cầu, năng lực và tính cấp thiết, lãnh đạo Chi cục BVMT, Sở TN&MT xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch phối hợp công tác BVMT của mỗi cơ quan, đoàn thể với nội dung chi tiết, cụ thể, mang tính khả thi và sát với điều kiện thực tiễn ở địa phương.

Bên cạnh cuộc thi báo cáo viên tuyên truyền về BVMT do chị tham mưu, phối hợp tổ chức,



▲ Chị Trần Thị Thanh Tùng được Thủ trưởng Bộ Môi trường Đức tặng giấy khen tại Cuộc thi “Đất và Nước - BVMT là tương lai”

năm 2015, được sự hỗ trợ của Bộ Môi trường Đức thông qua Viện Độc lập vấn đề về Môi trường - Berlin (UFU), chị đã tham mưu lãnh đạo Sở TN&MT chủ trì, phối hợp với UBND và Phòng Giáo dục và Đào tạo TP. Nam Định tổ chức Cuộc thi “Đất và nước - BVMT là tương lai” cho đối tượng học sinh trường THCS Hoàng Văn Thụ và Lương Thế Vinh. Qua đó, đã chọn ra được 90 tác phẩm dự thi vòng chung khảo với 3 thể loại: Văn học, nhiếp ảnh, mỹ thuật có nội dung về BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu. Từ kết quả Cuộc thi, các em học sinh có tác phẩm dự thi của 2 trường đã tham dự Triển lãm tại Viện Goethe, Hà Nội. Từ thành công này, chị được Thủ trưởng Bộ Môi trường Đức Gunther Adler tặng giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong quản lý, tổ chức Cuộc thi.

Năm 2016, chị đã phối hợp tổ chức và trực tiếp tham gia giảng bài tại Hội nghị “Phụ nữ với phong trào BVMT làng

nghề”, thu hút 120 lãnh đạo, cán bộ, hội viên cơ sở đến từ 20 xã tại 6 huyện: Vụ Bản, Ý Yên, Mỹ Lộc, Nam Trực, Trực Ninh và Xuân Trường tham gia; Hội nghị “Vai trò của hợp tác xã trong công tác BVMT” cho khoảng 90 Giám đốc HTX Dịch vụ Nông nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh... Bên cạnh đó, chị đã tham mưu lãnh đạo Sở TN&MT xây dựng Kế hoạch tổ chức 8 khóa học nghiệp vụ BVMT trong kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng cho đối tượng là doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu và khí hóa lỏng trên địa bàn tỉnh, với 1.083 học viên.

Hàng năm, chị tham mưu lãnh đạo Sở TN&MT xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng các ngày lễ môi trường như Ngày Nước thế giới, Giờ Trái đất; Ngày Môi trường thế giới, Ngày Đại dương thế giới, Tuần lễ biển và hải đảo; Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn... tới các ban, ngành, đoàn thể. Trong



đó nhấn mạnh đến sự tăng cường phối hợp của Sở TN&MT với các cơ quan tổ chức chính trị - xã hội trong công tác bảo vệ TN&MT. Các hoạt động đã thu hút lực lượng đông đảo của các cấp, ngành, tổ chức đoàn thể và cộng đồng tham gia hưởng ứng. Hầu hết các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội đều có văn bản triển khai tới cấp cơ sở và báo cáo kết quả tổ chức các hoạt động hưởng ứng các ngày lễ môi trường.

Mặc dù, bận rộn với nhiều công việc nhưng chị vẫn sắp xếp chu đáo việc nhà và dành thời gian cho việc ngoài xã hội. Ngoài giờ hành chính, chị còn nghiên cứu và tham gia khóa học Thạc sỹ Luật kinh tế tại trường Đại học Luật Hà Nội để phục vụ công tác chuyên môn. Không chỉ nhiệt tình, tâm huyết với công việc được giao, chị còn phối hợp với Dự án Quản lý ô nhiễm công nghiệp Việt Nam (VIMP) tổ chức đào tạo, tập huấn về “Thiết kế và thực hiện chương trình Giáo dục - Truyền thông Môi trường”, tại thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu, với sự tham gia của hơn 50 học viên là cán bộ quản lý môi trường cấp huyện và xã có làng nghề, cán bộ quản lý môi trường Ban quản lý các khu công nghiệp. Đồng thời, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Nam Định thực hiện 2 phóng sự trong chuyên mục “Với khán giả truyền hình”, 2 chương trình chuyên mục “Chính sách mới” nhằm tuyên truyền về Luật BVMT năm 2014.

Hơn 11 năm gắn bó và dành nhiều tâm huyết trong công tác truyền thông về môi trường, chị Tùng đã tạo được niềm tin trong đồng nghiệp cũng như lãnh đạo Chi cục BVMT, Sở TN&MT và góp phần đưa phong trào BVMT có nhiều chuyển biến tích cực. Thông qua các hoạt động đó, ý thức, nhận thức, trách nhiệm về công tác BVMT, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó biến đổi khí hậu của các cấp, ngành, người dân và doanh nghiệp được nâng cao; hạn chế, giảm thiểu, ngăn chặn các hiện tượng làm ô nhiễm môi trường; công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học đã đạt được những tiến bộ rõ rệt. Đặc biệt, có sự tham gia tích cực của tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác BVMT, các phong trào, mô hình, công trình BVMT, câu lạc bộ tuyên truyền BVMT... được thành lập, phát triển từ cấp tỉnh tới cấp cơ sở trên địa bàn toàn tỉnh, đồng thời tạo nên làn sóng dư luận xã hội lên án các hành vi gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường.

Với những đóng góp của chị trong công tác BVMT nói chung và truyền thông về môi trường nói riêng, chị đã được Bộ TN&MT tặng Giải thưởng Môi trường Việt Nam năm 2017. ■

ĐỨC ANH

Khám phá rừng già Ý Tý

Là xã vùng sâu, vùng xa và còn nhiều khó khăn của huyện Bát Xát nói riêng, tỉnh Lào Cai nói chung, thế nhưng Ý Tý lại là nơi có mật độ, cũng như chất lượng rừng thuộc vào loại nhất nhì của tỉnh. Đây cũng là khu rừng nguyên sinh duy nhất còn lại của Lào Cai, vì vậy, Ý Tý được gọi là khu rừng treo, một tài sản vô giá, nguồn vốn sinh thái đáng được trân trọng.



▲ Loài hoa đỗ quỳ nở rộ rực rỡ

Nằm giữa một thung lũng đá hình vòng cung, rộng 8.000 ha với độ cao hơn 2.000 m, rừng nguyên sinh Ý Tý có rất nhiều loài động, thực vật có tên trong Sách đỏ Việt Nam như bách xanh, thông tre, cây vù hương một lá, rùa ba vạch, tê tê vàng, kỳ đà vân, sóc bay... Đặc biệt, ở Ý Tý còn có loài hoa đỗ quỳ đỏ, một trong 30 loài đỗ quỳ chỉ có trên dãy núi Hoàng Liên. Vào mùa xuân, loài hoa đỗ quỳ đỏ nở rộ mọc xen kẽ với rất nhiều cây hoa đỗ quỳ loại lá to, hoa trắng. Dưới tán rừng cổ thụ là bạt ngàn thảo quả xanh mướt, không chỉ làm phong phú

cho thảm thực vật rừng nguyên sinh, mà còn trở thành nguồn "vàng nâu" của người dân nơi đây.

Những năm qua, rừng Ý Tý được người Hà Nhì bảo vệ nghiêm ngặt với các luật tục quy định hành vi ứng xử của con người với nhau, cũng như với thiên nhiên. Đến nay, những luật tục đó đã trở thành quy chế tại các bản làng. Họ quan niệm rừng và các con thú trong rừng đều có sinh mạng, đời sống như con người, trong mỗi khu rừng đều có một vị thần trị vì và là phúc thần của mỗi bản làng, cho nên vận mệnh của dân làng có liên hệ mật thiết đối với sự tồn vong của khu rừng ấy. Vì



thế, tất cả người dân đều quan tâm đến việc bảo vệ rừng.

Theo đó, trong các bản làng của người Hà Nhì đều có các khu rừng cấm là Gà ma do, Mu thu do, thờ thần Thủ tỷ và rừng vui chơi A gờ là do, được cộng đồng tôn thờ, chăm sóc và bảo vệ từ nhiều đời nay. Mỗi khu rừng đều có quy định thời gian, lễ vật và người đứng ra cúng tế rất cụ thể, không bao giờ được vi phạm. Gà ma do là khu rừng thiêng quan trọng nhất, thờ thần hộ mệnh của bản. Vận mệnh của dân làng gắn liền với vận mệnh của những cánh rừng này, vì vậy, người Hà Nhì nói chung đều cấm mọi người vào rừng thiêng. Hàng năm, chỉ có ngày cúng Gà ma do (thường là ngày con rồng Lỏ no của tháng Giêng, hoặc tháng Hai), các thành viên nam giới đại diện các gia đình mới được theo thầy cúng quản rừng Mí Cù và người phụ giúp La chạ vào rừng thiêng làm lễ cúng thần rừng...

Bên cạnh rừng Gà ma do là khu rừng vui chơi, ca hát A gờ la do, người dân còn gọi là rừng công viên. Khu rừng này là địa điểm tổ chức lễ hội Khô zà zà, lễ hội cầu mùa lớn nhất hàng năm của dân tộc Hà Nhì, hay còn gọi là Tết tháng Sáu, khi cây lúa bắt đầu lên đồng, ngô gieo đã lên xanh. Đây cũng là khu rừng được bảo vệ nghiêm ngặt, cấm tự tiện khai thác, chặt cây...

Khu rừng thiêng thứ ba là khu rừng thờ Mu thu do, có vị trí thấp hơn, nằm ở cuối nguồn nước của làng và gần khu vực canh tác. Theo quan niệm của người Hà Nhì, thần rừng thờ Mu thu do là nữ thần và là vợ của thần rừng Gà ma do, do vậy, cây thần được thờ trong rừng Mu thu do phải là cây có thể ra hoa quả, nhưng không nhất thiết phải là cây ăn quả... Nữ thần rừng Mu thu do là nữ thần phù hộ cho sự sinh sôi, phát triển, sẽ phù hộ cho thôn trại có mùa màng tốt tươi, gia súc phát triển, con cháu trong làng đông đúc. Từ quan niệm này nên người ta cũng gắn lễ cúng rừng Mu thu do với lễ gieo mạ - Gu xè xè.

Luật tục người Hà Nhì quy định, bất cứ ai vi phạm đến rừng cấm cũng đều bị xử phạt nặng bằng tiền và buộc phải trồng lại đúng loài cây đã chặt phá. Sau khi trồng phải chăm sóc cho đến khi cây lớn, người

dân làng đến nghiệm thu mới xong. Đây là một luật tục rất độc đáo và nhân văn, không chỉ thể hiện sự nghiêm minh của luật tục, mà còn là sự nhân ái, công bằng của con người với thiên nhiên... Ngoài ra, gia đình nào muốn xin gỗ về dựng nhà, làm vật dụng sinh hoạt đều phải trình bày bằng văn bản với kiểm lâm viên của thôn. Kiểm lâm viên có trách nhiệm báo cáo già làng, trưởng thôn, nếu những người này thống nhất đồng ý và kiểm lâm viên ký duyệt vào đơn thì gia đình đó mới được vào rừng khai thác, bảo đảm đúng số lượng, chủng loại và sử dụng đúng mục đích. Nếu sai phạm, hộ dân đó sẽ bị cấm vĩnh viễn không được vào rừng khai thác nữa. Đặc biệt, luật tục còn quy định, người nào thấy rừng cháy mà thờ ơ, không dập lửa, hoặc không thông báo kịp thời cho mọi người biết cũng sẽ bị phạt rất nặng. Chính những bài học nghiêm khắc đã tạo nên "tấm áo giáp" thực sự trong ý thức bảo vệ rừng của người Hà Nhì.

Mặt khác, rừng còn mang lại cho người Hà Nhì nhiều nguồn lợi để nuôi sống gia đình, con cái được học hành và những điều may mắn khác. Những năm gần đây, đời sống của người dân trên địa bàn xã Ý Tý đã có nhiều chuyển biến, tỷ lệ hộ đói, hộ nghèo giảm còn dưới 30%. Người dân tích cực chuyển đổi giống cây trồng cho năng suất cao như khoai tây, lúa nếp... Bên cạnh đó là các loài cây thảo quả đang được trồng đại trà trên diện tích hơn 100 ha, giá trị kinh tế cao, là nguồn thu nhập chính cho người dân trong xã. Mỗi năm, có gia đình thu từ 2 - 3 tấn quả, trị giá hàng trăm triệu đồng. Thành quả

đó có sự góp sức rất lớn của những cánh rừng nguyên sinh mà người dân gìn giữ. Chúng giúp ổn định nhiệt độ, nguồn nước cho cây trồng, chống lũ quét gây thiệt hại mùa màng.

Năm 1996, tỉnh Lào Cai quyết định mở đường ô tô từ Dền Sáng lên Ý Tý, nhiều phương án đã được đặt ra để tránh đụng vào rừng cấm, nhưng không có cách nào khác, vì bốn bề là vách đá dựng đứng, chỉ có đi xuyên giữa rừng. Lúc đó, người dân Hà Nhì cam kết sẽ giữ rừng Ý Tý với điều kiện là đơn vị thi công làm đúng thiết kế, không xâm hại cây cối ngoài phạm vi nền đường. Mặc dù, con đường lớn chạy qua giữa cánh rừng đã hoàn thành, kinh tế hàng hóa đã mở ra, nhưng bên cạnh những khu rừng thiêng, thì hơn 8.000 ha rừng nguyên sinh Ý Tý vẫn nguyên vẹn vẻ hoang sơ, kỳ vĩ và huyền bí, trở thành điểm du lịch sinh thái hấp dẫn ở vùng núi phía Tây Lào Cai, thu hút rất đông khách du lịch trong và ngoài nước. Nếu lên Ý Tý vào thứ bảy, du khách sẽ được hòa mình vào phiên chợ văn hóa với sắc màu thổ cẩm của các dân tộc Mông, Dao, Hà Nhì. Mỗi dân tộc một kiểu trang phục, một cách vấn khăn, một lối trang sức, không lẫn vào nhau làm cho bức tranh Ý Tý trở nên đa sắc màu.

Với những tiềm năng tự nhiên sẵn có, rừng già Ý Tý có đầy đủ các yếu tố thuận lợi để phát triển các loại hình du lịch như du lịch sinh thái, mạo hiểm, nghiên cứu... Rừng già Ý Tý vẫn như "cô gái đẹp ngủ quên" trong rừng với những nét đẹp tiềm ẩn đang chờ được đánh thức.

ĐỖ HUYỀN



Đẩy mạnh công tác phục hồi, tái tạo rạn san hô, cỏ biển Khu bảo tồn biển Lý Sơn

NGUYỄN THẾ

Viện Tài nguyên và Môi trường biển



▲ Tình trạng khai thác ô ạt san hô của người dân ở Lý Sơn đã làm HST biển ngày càng suy kiệt

Khu bảo tồn biển (KBTB) Lý Sơn (Quảng Ngãi) có diện tích mặt nước biển 7.113 ha, được chia thành 3 vùng chức năng gồm: Vùng bảo vệ nghiêm ngặt có độ sâu từ 3 - 20 m (diện tích 620 ha); Vùng phục hồi sinh thái thuộc khu vực đảo Lớn và đảo Bé trên (2.024 ha); Vùng phát triển (4.469 ha) gồm âu cảng và phần biển bao quanh. Vùng biển Lý Sơn với độ đa dạng sinh học cao, hệ sinh thái (HST) điển hình như rạn san hô, thảm cỏ biển và nhiều hải sản quý hiếm có giá trị kinh tế cao (bào ngư, trai tai tượng). Tuy nhiên, trong những năm gần đây, do hoạt động khai thác quá mức của người dân đã làm thảm cỏ biển, rạn san hô bị suy giảm về diện tích và độ che phủ.

Theo báo cáo của Viện Nghiên cứu quản lý Biển và Hải đảo, vùng biển Lý Sơn có 685 loài động, thực

vật, trong đó có 150 loài cá, 94 loài thân mềm, 36 loài san hô, 2 loài cỏ biển..., với nhiều loài quý hiếm, có giá trị như san hô đen, hải sâm, tôm hùm, bào ngư, trai tai tượng. Tuy nhiên, hiện nay các loài này hầu như không còn, hệ thảm thực vật dưới đáy biển Lý Sơn cũng đang dần biến mất. Nguyên nhân là do người dân sử dụng thuốc nổ để đánh bắt thủy sản theo kiểu tận diệt đã làm các rạn san hô bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Mặc dù lực lượng Công an, Biên phòng đã triệt phá hàng loạt đường dây buôn bán, vận chuyển thuốc nổ trái phép, song người dân vẫn lén lút sử dụng thuốc nổ để “tàn

sát” HST biển. Bên cạnh đó, đến mùa rong mơ, người dân thường tập trung khai thác, bình quân mỗi ngày từ 3 - 5 tấn rong mơ tươi, làm cho nhiều loài hải sản có nguy cơ bị tận diệt, bởi các bãi rong mơ là nơi cư ngụ, sinh sản và ương nuôi giống của nhiều loài hải sản. Ngoài ra, các nguồn chất thải, tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu cũng là những nguyên nhân làm suy giảm nghiêm trọng HST tại vùng biển đảo này. Đặc biệt, người dân trên đảo đã khai thác cát để trồng tỏi (mỗi năm lên đến trên 150 nghìn m³), dẫn tới gia tăng xói lở bờ biển, các khu vực có cỏ biển sẽ bị phá hủy.

Để khắc phục tình trạng



▲ KBTB Lý Sơn có HST đa dạng và phong phú, với nhiều loài hải sản quý hiếm

suy giảm chất lượng HST rạn san hô ở KBTB Lý Sơn, từ năm 2015, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã phê duyệt Dự án “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng phục hồi rạn san hô ven bờ biển Lý Sơn”. Các chuyên gia thực hiện Dự án đã tiến hành đánh giá hiện trạng HST rạn san hô vùng biển ven bờ Lý Sơn; Khảo sát lựa chọn địa điểm, loài phục hồi; Tập huấn nâng cao nhận thức về bảo tồn và đào tạo kỹ năng phục hồi rạn san hô cho cán bộ địa phương, cộng đồng; Phục hồi rạn san hô trên nền đáy tự nhiên, mô hình rạn nhân tạo, vườn ươm san hô. Đến nay, mô hình trồng phục hồi rạn san hô, với quy mô 2 ha, nằm trong KBTB được các chuyên gia của Dự án đánh giá phát triển tốt, nhiều giống hải sản quý hiếm có cơ hội được khôi phục, giúp tăng sản lượng hải sản của các khu vực biển xung quanh KBTB, đồng thời huy động người dân chủ động tham gia vào quản lý KBTB để nâng cao ý thức cộng đồng trong việc bảo vệ TN&MT biển.

Trong thời gian tới, để bảo vệ các rạn san hô, tỉnh đã đề xuất một số giải pháp:

Tăng cường hiệu quả quản lý KBTB: Tăng cường tuần tra, giám sát để giảm thiểu khai thác thủy sản bất hợp pháp; Giáo dục và bắt buộc các doanh nghiệp du lịch tuân thủ tuyệt đối quy chế của KBTB; Mở rộng liên kết với các cơ quan quản lý liên quan nhằm thực thi quan điểm quản lý tổng hợp đối bờ trong và xung quanh KBTB; Theo dõi quá trình phục hồi, gia

tăng độ phủ san hô và mật độ các loài quan trọng về sinh thái, nguồn lợi.

Nâng cao vai trò của cộng đồng trong quản lý, khai thác hợp lý nguồn lợi sinh vật trên rạn san hô: Thành lập cộng đồng dân cư tự quản bảo vệ bền vững nguồn lợi tài nguyên. Chính quyền địa phương nghiên cứu và xây dựng hướng dẫn khai thác hợp lý; xây dựng quy chế đồng quản lý và giải pháp tài chính bền vững; tạo cơ sở pháp lý để giảm thiểu những tác động từ bên ngoài cộng đồng.

Khuyến khích các mô hình doanh nghiệp du lịch tham gia quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên rạn san hô: Ban quản lý KBTB và các cơ quan quản lý cần xây dựng chính sách và cơ chế bắt buộc các doanh nghiệp phải có trách nhiệm đóng góp cho hoạt động bảo tồn thiên nhiên và cho phép sử dụng hợp

lý các vùng rạn san hô, phát triển các loại hình du lịch sinh thái như: Nghỉ dưỡng, chữa bệnh tại khu vực phía Bắc đảo Lớn và một phần nhỏ phía Nam dưới chân Hòn Vung; Tham quan HST san hô bằng tàu đáy kính tại, lặn ngắm rạn san hô, các khu nuôi sinh thái (hải sâm, bào ngư, ốc biển, rong câu chân vịt)...

Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức đúng đối tượng và đúng biện pháp: Các nhà lãnh đạo và lập chính sách cần nâng cao nhận thức về phân tích chi phí - lợi ích (được - mất), mâu thuẫn giữa các bên liên quan trong quá trình phát triển; doanh nghiệp và khách du lịch cần hiểu rõ quy chế quản lý, trách nhiệm trong sử dụng tài nguyên; cộng đồng và thế hệ trẻ cần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, lợi ích lâu dài của HST■



Kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới về áp dụng thị trường chất lượng nước

ThS. HÀN TRẦN VIỆT; ThS. TRẦN BÍCH HỒNG

Viện Khoa học Môi trường

Thị trường chất lượng nước (WQT) được sử dụng như một công cụ kinh tế để kiểm soát ô nhiễm nguồn nước. WQT đã được áp dụng ở một số quốc gia như Ôxtrâyli-a, Canada, Mỹ, Niu-Di-lân và đang được nghiên cứu tại một số nước khác như Phần Lan, Thụy Điển.



▲ Mỹ là quốc gia đi đầu trong việc thực hiện WQT

MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ WQT

Về lý thuyết, nguyên tắc của WQT là xác định tổng lượng chất thải được phép xả thải nhằm đạt mục tiêu chất lượng nước (CLN). Các cơ sở xả thải sẽ được phân bổ số lượng giấy phép xả thải tương ứng với lượng chất ô nhiễm cố định được xả vào nguồn nước. Các cơ sở xả thải có thể mua hoặc bán giấy phép xả thải từ người khác nhưng phải đảm bảo CLN tổng thể vẫn được đáp ứng. Bằng cách này, các biện pháp sẽ được tiến hành với hiệu quả về chi phí - lợi ích, giúp đẩy nhanh các mục tiêu quản lý CLN.

Có hai dạng mô hình cơ bản của WQT đó là thị trường đóng và mở. Trong đó, thị trường đóng sẽ giới hạn số lượng đối tượng tham gia để trao đổi giấy phép xả thải vào nguồn tiếp nhận. Hệ thống này phù hợp để áp dụng đối với trường hợp xác định cụ thể được nguồn thải như nhà máy, khu công nghiệp.

Nếu là thị trường mở, người gây ô nhiễm có thể lựa chọn phương án giảm lượng xả thải bằng cách “đền bù” cho các nguồn gây ô nhiễm khác không nằm trong khu vực thực hiện. Mô hình này phù hợp với trường hợp chất ô nhiễm từ các nguồn không điểm như nước thải nông nghiệp hay nước thải đô thị.

Có thể nói, WQT phù hợp với nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền, giúp giảm chi phí xã hội trong việc xử lý chất thải. Đặc biệt, WQT khuyến khích nghiên cứu và áp dụng các công cụ, giải pháp kiểm soát ô nhiễm nước hiệu quả, bởi các chủ nguồn thải có

thể thu được lợi nhuận từ việc bán giấy phép xả thải được tạo ra.

KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI WQT Ở MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

Mỹ là quốc gia đi đầu trong việc thực hiện WQT thông qua việc ban hành Luật nước sạch năm 1972 và hệ thống phân loại nguồn thải ô nhiễm quốc gia. Cục BVMT của Mỹ (EPA) đã hỗ trợ xây dựng khái niệm và tiến hành thử nghiệm thị trường quản lý CLN trong nhiều năm. Các hoạt động cụ thể gồm dự thảo khung về thị trường dựa trên



lưu vực sông được ban hành năm 1996 và hỗ trợ tài chính để thí điểm thực hiện giao dịch trên lưu vực dòng sông Tar Pamlico.

Tháng 1/2003, EPA đã ban hành chính sách thương mại CLN. Chính sách này cho phép và hỗ trợ việc áp dụng WQT trong cải thiện môi trường. Đặc biệt, chính sách quan tâm tới những chất gây ô nhiễm tại các dòng sông và lưu vực khác. Sau khi được xây dựng, tổng tải trọng cho phép được phân bổ trên các nguồn điểm và nguồn ô nhiễm không điểm. Nguồn ô nhiễm điểm hay còn gọi là các nguồn gây ô nhiễm xác định (như các nhà máy) phải dựa trên giới hạn xả thải cho phép. Điều này tạo động lực để các nhà máy, chủ nguồn thải tìm kiếm nguồn chi phí thấp hơn để xả thải, giảm ô nhiễm môi trường.

Mỹ là nước đã đạt những thành công trong việc giao dịch, mua bán chất ô nhiễm thông qua hệ thống giấy phép xả thải. Một số chương trình chỉ tập trung vào 1 chất ô nhiễm, một số chương trình khác tập trung vào 2 hay 3 chất ô nhiễm. Các chương trình này khuyến khích thực hiện giao dịch đối với các chất như BOD, amoniac, TSS và phải tuân thủ theo Luật nước sạch và những quy định có liên quan.

Tại Trung Quốc, WQT đã được nghiên cứu và phát triển khoảng 12 năm về trước. Trước năm 1990, hầu hết các nghiên cứu tập trung vào việc xây dựng hệ thống giấy phép. Từ khi tiến hành cải cách và mở cửa, Trung Quốc đã đạt được kết quả đáng kể trong quản lý ô nhiễm.

Năm 1979, Trung Quốc đã ban hành Luật BVMT, với phương pháp chính để kiểm soát ô nhiễm là dựa trên tiêu chuẩn. Mặc dù việc xả thải ở một số khu vực theo đúng tiêu chuẩn quy định, tuy nhiên, tổng lượng xả thải vẫn tiếp tục tăng và chất lượng môi trường bị suy giảm. Để giải quyết vấn đề này, Trung Quốc đã thiết lập hệ thống tổng kiểm soát tải lượng ô nhiễm. Hệ thống xác định số lượng tối đa chất thải được phép xả thải trong khu vực xác định, sau đó việc phân bổ tổng lượng xả thải cho các cá nhân, chủ nguồn thải thông qua hệ thống giấy phép. Hệ thống tổng kiểm soát tải lượng ô nhiễm và hệ thống giấy phép xả thải đã được phát triển ở Trung Quốc từ năm 1980.

Bên cạnh đó, Trung Quốc đã thử nghiệm hai hệ thống tổng lượng kiểm soát ô nhiễm và giấy phép xả thải tại một số địa phương. Thượng Hải là TP đầu tiên ở Trung Quốc thực hiện hệ thống tổng lượng kiểm soát ô nhiễm và hệ thống giấy phép xả thải dọc dòng sông Hoàng Phố. Sau đó, hệ thống được mở rộng tới các TP

khác như Thẩm Quyến, Trùng Khánh và đã đạt được những thành công.

Năm 1998, Cơ quan BVMT Trung Quốc (SEPA) đã ban hành quy định về quản lý hệ thống giấy phép xả thải. Quy định này trao quyền cho SEPA xây dựng kế hoạch tổng lượng xả thải và đề xuất hệ thống giấy phép dựa trên các điều kiện cụ thể ở địa phương.

KẾT LUẬN

WQT là công cụ mới hiện đã được một số nước trên thế giới nghiên cứu và áp dụng. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn một số mô hình thị trường chưa được hoàn thiện hoặc chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Một số mô hình mới đang trong giai đoạn đầu triển khai và thử nghiệm.

Về cơ bản, công cụ kinh tế được áp dụng trong quản lý CLN phức tạp hơn so với quản lý khí thải. Ô nhiễm nước thải khó xác định nguồn gây ô nhiễm với những đặc tính ô nhiễm đa dạng, không dễ để kết hợp trong cùng thị trường giao dịch vì các nguồn này là nguồn phân tán và không quan sát được. Chính vì vậy, đối với nước thải, việc áp dụng loại hình giấy phép là phù hợp trong quản lý, cũng như trao đổi, mua bán giấy phép trong phạm vi 1 vùng, khu vực, tỉnh/TP cùng xả thải nước thải ra môi trường tiếp nhận. Công cụ này giúp quản lý hiệu quả tổng lưu lượng nước thải có chứa các chất ô nhiễm thải ra lưu vực tiếp nhận, trong giới hạn sức chịu tải của lưu vực đó.

Triển khai thực hiện công cụ quản lý môi trường nước thông qua công cụ thị trường mang lại lợi ích tổng thể về kinh tế - xã hội và môi trường. Ngoài ra, công cụ này còn tạo động lực để các chủ nguồn

thải tìm phương án xử lý với chi phí xả thải thấp hơn. Tuy nhiên, qua việc phân tích thị trường mua bán CLN ở một số quốc gia có thể thấy, đây là một công cụ quản lý tương đối mới, đang trong giai đoạn bước đầu triển khai thực hiện.

Một trong những điều kiện cho việc phát triển CLN là xác định được chất ô nhiễm có thể kiểm soát, đo lường và giao dịch. Đây là nội dung quan trọng, quyết định tới sự thành công của chương trình. Nguồn gây ô nhiễm nước đa dạng, gồm nhiều loại chất ô nhiễm khác nhau, do đó, việc xác định được chất ô nhiễm để tham gia vào thị trường mua bán hạn ngạch đảm bảo sự công bằng cho các đối tượng tham gia thị trường là rất quan trọng. Để thực hiện thị trường này, phải xác định được tổng lượng xả thải của khu vực tiếp nhận, trong phạm vi quy định.

Đặc biệt, trước khi tiến hành xây dựng thị trường hạn ngạch phát thải, cơ quan quản lý cần phát triển hệ thống giấy phép xả thải. Đây là đối tượng chính trong thị trường CLN.

Về cách thức triển khai mua, bán, giao dịch giấy phép xả thải, trong giai đoạn đầu thực hiện, thị trường sẽ phân bổ miễn phí cho các đối tượng tham gia, sau đó việc mua, bán, trao đổi giấy phép sẽ được triển khai thông qua cơ quan quản lý. Cơ quan quản lý việc mua bán, trao đổi giấy phép có thể là cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường, một hiệp hội hay một tổ chức phi chính phủ (ví dụ ở Trung Quốc, SEPA ban hành quy định về quản lý hệ thống giấy phép xả thải, tại Mỹ, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường sẽ là cơ quan quản lý giao dịch giấy phép và phí giao dịch...)■



EDITORIAL COUNCIL

Nguyễn Văn Tài
(Chairman)

Prof. Dr. **Đặng Kim Chi**
Dr. **Mai Thanh Dung**
Prof. DrSc. **Phạm Ngọc Đăng**
Dr. **Nguyễn Thế Đồng**
Prof. Dr. **Nguyễn Văn Phước**
Dr. **Nguyễn Ngọc Sinh**
Assoc.Prof.Dr. **Nguyễn Danh Sơn**
Assoc.Prof.Dr. **Lê Kế Sơn**
Assoc.Prof.Dr. **Lê Văn Thắng**
Prof. Dr. **Trần Thục**
Dr. **Hoàng Văn Thúc**
Assoc.Prof.Dr. **Trương Mạnh Tiến**
Prof. Dr. **Lê Văn Trình**
Prof.Dr. **Nguyễn Anh Tuấn**
Dr. **Hoàng Dương Tùng**
Prof. Dr. **Bùi Cách Tuyền**

EDITOR - IN - CHIEF

Đỗ Thanh Thủy
Tel: (024) 61281438

OFFICE

● **Hanoi:**
Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.,
Cau Giay Dist. Hanoi
Managing board: (024) 66569135
Editorial board: (024) 61281446
Fax: (024) 39412053
Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn
<http://www.tapchimoitruong.vn>
● **Ho Chi Minh City:**
A 403, 4th floor - MONRE's office complex,
No. 200 - Ly Chinh Thang Street,
9 ward, 3 district, Ho Chi Minh city
Tel: (028) 66814471; Fax: (028) 62676875
Email: tcmtphianam@gmail.com

PUBLICATION PERMIT

Nº 1347/GP-BTTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page:
Prime Minister Nguyễn Xuân
Phúc inspects Formosa Hà Tĩnh's
environmental treatment zone

Photo by: VNA

Processed & printed by:

Hải Anh Co., Ltd

Nº 7/2017

Price: 15.000VND

IN THIS ISSUE

EVENTS - ACTIVITIES

- [4] • Prime Minister Nguyễn Xuân Phúc inspects Formosa Hà Tĩnh's environmental treatment zone
- [5] • Natural Resources and Environment Sector boosts administrative reform and addresses shortcomings for development
- [6] • Mobilizing resources for effective state management of environmental protection
- [7] • Enhancing biodiversity conservation in Great Mekong Subregion
- [8] • MONRE's task force works with Sơn La Province on biodiversity
- [9] • State of Environment Report 2016: Vietnamese urban areas facing new challenges

TOWARDS 15th ANNIVERSARY OF MONRE ESTABLISHMENT (5/8/2002-5/8/2017)

- [10] ASSOC. PROF.DR TRƯƠNG MẠNH TIẾN: Natural Resources and Environment Sector with sustainable progress
- [12] PROF. DRSC. PEOPLE'S TEACHER PHẠM NGỌC ĐĂNG: dedicated scientist for environmental cause

LAW - POLICY

- [15] PHẠM NGỌC SƠN - NGUYỄN ĐỨC TOÀN: Developing Sea Use Planning for Việt Nam
- [17] DƯƠNG THÀNH NAM - TRẦN SƠN TÙNG: Technical and Economic standards for calibrating and validating equipment of automatic water monitoring stations
- [19] LÊ ĐÀO AN XUÂN: Phú Yên implements Directive 25/CT-TTg on environmental restoration and remediation

VIEW EXCHANGE - FORUM

- [23] HOÀNG THU HƯƠNG: Environmental rehabilitation of Hoàn Kiếm Lake- urgent task for maintaining its ecosystems and landscape
- [25] NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG - NGUYỄN HẢI YẾN: Flexible and voluntary environmental management mechanism in free trade agreements
- [26] NGUYỄN TRUNG DŨNG: International experience in applying genetically modified plants and proposals for Việt Nam
- [29] LÊ ĐẠI THẮNG - NGUYỄN THỊ LAN ANH: Cigarettes and maritime environmental health- issue for thoughts

GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

- [32] NGUYỄN VIỆT ANH: Environmental improvement and wastewater incident contro at Formosa Hà Tĩnh
- [36] HÀ THU: Promote environmental protection initiatives in healthcare facilities
- [38] VŨ TUẤN ANH: QuyHoa Leprosy and Dermatology Hospital: clean, green and beautiful hospital model
- [40] NGUYỄN VĂN CHIẾN: Top transport science and technology organization in environmental protection
- [42] LÊ THỊ TRANG: Green Viet Biodiversity Conservation Centre improves community's responsibilities in natural resources and environment monitoring

GREEN GROWTH

- [44] VŨ TƯỜNG ANH: Need for regulations on ecological industrial zones in Việt Nam
- [46] DƯƠNG VĂN MÃO: Improving policy for solar energy development in Đắk Lắk
- [48] NGUYỄN THỊ LIÊN: Germany with a journey to become European top country of green economy development

ENVIRONMENT & BUSINESS

- [50] SONG HƯƠNG: Company 75's Branch maintains sociopolitical security and aligns economic development with environmental protection
- [51] ĐINH THỊ MINH HƯƠNG: Italy Hydropower matches development with environmental protection

ENVIRONMENT & DEVELOPMENT

- [53] ĐỨC ANH: A story about a woman with environmental propaganda
- [54] ĐỖ HUYỀN: Discovering Ý Tý old growth forest
- [56] NGUYỄN THẾ: Enhancing restoration of coral reefs and sea grasses in Lý Sơn Marine Protected Area

AROUND THE WORLD

- [59] HÀN TRẦN VIỆT - TRẦN BÍCH HỒNG: Some international experience in applying water markets

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỘC PHÚ

Đ/c: 68B Nguyễn Trí Phương, P. Chính Gián, Thanh Khê, Đà Nẵng

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng nhà các loại

Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại

Chào Mừng
**72 năm Cách mạng Tháng Tám
& Quốc Khánh 2/9**

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TRÍ HÙNG NAM

Địa chỉ: A9/28-A9/28A Mai Bá Hương, Xã Lê Minh Xuân,
Huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh

Chào Mừng

72 năm Cách mạng Tháng Tám

và Quốc Khánh 2/9

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT BAO BÌ LONG BIÊN

Ngành nghề sản xuất:

Sản xuất bao bì màng mỏng từ 100% hạt nhựa nguyên sinh nhập khẩu



Địa chỉ: Lô CN - 03 - 6, cụm công nghiệp Ninh Hiệp,
Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội



CÔNG TY CP GIAO THÔNG MÔI TRƯỜNG VÀ ĐÔ THỊ CHÍ LINH

Địa chỉ: Số 4, phố Thái Học 2, phường Sao Đỏ, Thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Chủ tịch HĐQT: Nguyễn Trung Thành - Điện thoại: 03203 586 055

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng. Chi tiết:
 - + Xây dựng, bảo dưỡng, duy tu cầu, cống, các công trình đường bộ, các công trình kỹ thuật hạ tầng (khu đô thị, khu công nghiệp).
 - + Xây dựng cải tạo công trình giao thông.
 - + Xây dựng các công trình hạ tầng dân dụng.
- Quản lý, khai thác công viên, quảng trường, mua bán cây xanh bóng mát, cây công trình.
- Tư vấn thiết kế sân vườn, thảm cỏ, mua bán vật tư sân vườn.
- Sản xuất, kinh doanh: Cây giống các loại.
- Cung cấp dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp, rác thải nguy hại...; Thông hút bể phốt; Cung ứng vật tư, dụng cụ, thiết bị chuyên dùng về công tác vệ sinh môi trường.
- Quản lý, vận hành bãi chôn lấp, khu xử lý rác thải.
- Duy tu, sửa chữa, thiết kế công trình điện dân dụng, chiếu sáng công cộng, chiếu sáng sân vườn, đèn trang trí.
- Quản lý, duy tu hệ thống thoát nước công cộng.
- Cung ứng dịch vụ lao động theo giờ, các công việc có sử dụng nhân công lao động phổ thông.
- Quản lý, khai thác nghĩa trang và cung ứng các dịch vụ về tang lễ.



▲ Chủ tịch HĐQT Nguyễn Trung Thành



Chào mừng kỷ niệm 72 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh Nước Cộng hòa và hội chủ nghĩa Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2017)



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP VIETSTAR

Địa chỉ: Xóm 9, thôn Dục Khê, Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội

Công ty TNHH Công nghiệp VIETSTAR là đơn vị chuyên hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh hóa phẩm xây dựng uy tín hàng đầu tại thị trường Việt Nam.

Hiện nay, VIETSTAR đang cung cấp các loại Màng chống thấm bitum, băng cản nước PVC, sơn chống thấm, vữa trộn sẵn, vật liệu sản, phụ gia bê tông...

Với đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn sâu, rộng và kinh nghiệm lâu năm trong ngành vật liệu xây dựng, hóa chất, thi công, thiết kế xây dựng, VIETSTAR không ngừng cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và đưa ra các giải pháp công nghệ đem lại hiệu quả tốt nhất về kinh tế cũng như kỹ thuật cho người tiêu dùng. *Nghĩ đến hóa phẩm xây dựng, nghĩ đến VIETSTAR.*

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MAI QUÂN

Địa chỉ: Tiểu khu 4, TT Hà Trung, H. Hà Trung, Thanh Hóa

Giám đốc: Mai Văn Quân



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HQ

Địa chỉ: Số 38A ngõ 192 đường Kim Giang, P. Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Số 2181 Hùng Vương, P. Già Cẩm, TP. Việt Trì, Phú Thọ



CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI DIỄN THẠCH



CÔNG TY TNHH AN QUÝ HUNG YÊN

Địa chỉ: Thôn Lương - Xã Bạch Sơn - Huyện Mỹ Hào - Tỉnh Hưng Yên



Chào mừng kỷ niệm 72 năm
Cách mạng Tháng Tám (19/8/1945 – 19/8/2017) và
Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam
(02/9/1945 – 02/9/2017)

CÔNG TY TNHH CHÍNH NGHĨA

Địa chỉ: Xóm Minh Xuân - Xã Minh Hợp - Huyện Quý Hợp - Nghệ An
Mã số thuế: 2900431411

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN THỦY NỘI ĐỊA HƯNG PHÚ

Địa chỉ: Số 02A, đường Bạch Đằng, Phường Quảng Hưng,
Thành phố Thanh Hóa, Thanh Hóa
Mã số thuế: 2802304341

Chào mừng kỷ niệm 72 năm
Cách mạng Tháng Tám (19/8/1945 – 19/8/2017) và
Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam
(02/9/1945 – 02/9/2017)

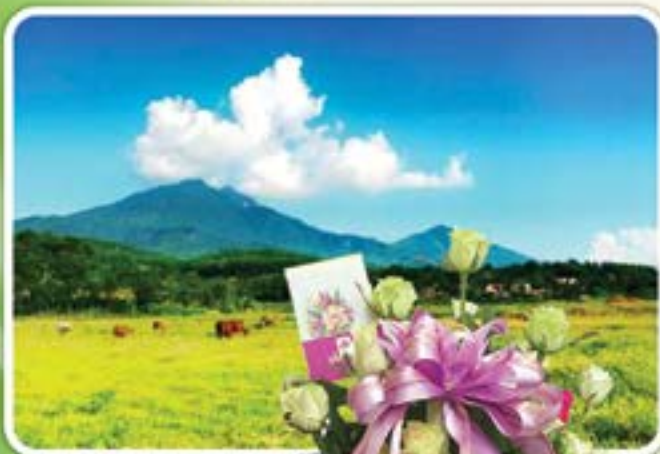
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KINH DOANH KHAI THÁC VẬT LIỆU XÂY DỰNG SAO ĐỎ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Sao Đỏ - Km1+400 đường Phạm Văn Đồng
Quận Dương Kinh - Hải Phòng
Mã số thuế: 0200755657

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG TÂY

Địa chỉ: Khu Hưng Đạo - Thị trấn Tây Đằng
Huyện Ba Vì - Thành phố Hà Nội
Mã số thuế: 0500448784

Chào mừng kỷ niệm 72 năm
Cách mạng Tháng Tám (19/8/1945 – 19/8/2017) và
Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam
(02/9/1945 – 02/9/2017)



Chào mừng kỷ niệm 72 năm
Cách mạng Tháng Tám (19/8/1945 – 19/8/2017) và
Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam
(02/9/1945 – 02/9/2017)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG CÔN SƠN

Địa chỉ: Thôn Chi Ngải - Phường Cộng Hòa
Thị xã Chi Linh - Hải Dương
Mã số thuế: 0800296892



Chào mừng kỷ niệm 72 năm
Cách mạng Tháng Tám (19/8/1945 – 19/8/2017) và
Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam
(02/9/1945 – 02/9/2017)



CÔNG TY TNHH ĐỒNG ANH

Địa chỉ: 8/100 Chi Lăng – Phường Nguyễn Trãi – TP Hải Dương – Hải Dương



Chào mừng kỷ niệm 72 năm
Cách mạng Tháng Tám
(19/8/1945 – 19/8/2017)
và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam
(02/9/1945 – 02/9/2017)



VẬT LIỆU VIỆT - VIỆT
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VIỆT

Nang Tam Tom Viet



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VIỆT - VIỆT
Địa chỉ: Thôn Chi Ngải - Phường Cộng Hòa - Thị xã Chi Linh - Hải Dương
Mã số thuế: 0800296892
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VIỆT VIỆT
Địa chỉ: Thôn Chi Ngải - Phường Cộng Hòa - Thị xã Chi Linh - Hải Dương
Mã số thuế: 0800296892
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VIỆT VIỆT
Địa chỉ: Thôn Chi Ngải - Phường Cộng Hòa - Thị xã Chi Linh - Hải Dương
Mã số thuế: 0800296892

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VIỆT VIỆT
Địa chỉ: Thôn Chi Ngải - Phường Cộng Hòa - Thị xã Chi Linh - Hải Dương
Mã số thuế: 0800296892
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VIỆT VIỆT
Địa chỉ: Thôn Chi Ngải - Phường Cộng Hòa - Thị xã Chi Linh - Hải Dương
Mã số thuế: 0800296892
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VIỆT VIỆT
Địa chỉ: Thôn Chi Ngải - Phường Cộng Hòa - Thị xã Chi Linh - Hải Dương
Mã số thuế: 0800296892



CÔNG TY CP THANH HÀ TU - VINACOMIN

Phường Hà Tu, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Giám đốc: Ông Vũ Hồng Cẩm - ĐT: 02033835169



Chào mừng
72 năm Cách Mạng
Tháng Tám &
Quốc khánh 2/9



CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG KHÁNH THÀNH

Địa chỉ: 50/328 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội



Chào Mừng
72 năm Cách mạng Tháng Tám
và Quốc Khánh 2/9



CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ LONG GIANG THỊNH

Đ/c: Xã Vĩnh Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình
Email: longgiangthinh@gmail.com
Website: www.longgiangthinh.com.vn



Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh là doanh nghiệp sản xuất, chế biến nông lâm sản và thực phẩm. Với vai trò là doanh nghiệp đầu mối tiêu thụ sản phẩm sản nguyên liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, Công ty luôn đồng hành với bà con nông dân để cùng phát triển kinh tế. Cơ sở sản xuất của Công ty là Nhà máy Tinh bột Long Giang, hoạt động chế biến các sản phẩm tinh bột, như: tinh bột sắn, tinh bột biến tính... Sản phẩm tinh bột sắn mang thương hiệu "LONG GIANG" của Công ty đạt tiêu chuẩn chất lượng dùng cho thực phẩm. Và được bình chọn là Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực Miền Trung - Tây nguyên, năm 2016.

*Kính chúc Quý khách hàng và các đối tác hợp tác, phát
tài và phát triển bền vững!*

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CAO PHONG

Địa chỉ: Thị trấn Cao Phong, Huyện Cao Phong, Hòa Bình

Trung tâm y tế huyện Cao Phong được thành lập theo Quyết định 2930/QĐ- UBND ngày 16/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình. Bước đầu dựa trên cơ sở sáp nhập 2 đơn vị là Bệnh viện đa khoa huyện Cao Phong và Trung tâm y tế dự phòng huyện Cao Phong, hiện tại Trung tâm:

A. Bộ máy tổ chức

1. Ban lãnh đạo:

- Giám đốc

- 01 Phó giám đốc phụ trách được - Kinh tế - Hậu cần

- 01 Phó giám đốc phụ trách công tác Điều trị

- 01 Phó giám đốc phụ trách công tác Dự phòng

2. Đảng ủy: Đã trình huyện ủy phê duyệt thành lập đảng bộ huyện Cao Phong và thành lập đảng ủy có 9 đồng chí

3. Tổ chức công đoàn: Đã thành lập BCH công đoàn lâm thời có 9 đồng chí

4. Các tổ chức khác: Đoàn thanh niên

5. Tổ chức: Có tổng số 04 phòng chức năng và 11 khoa chuyên môn, các khoa, phòng đều đã làm quy trình và trình Sở Y tế phê duyệt bổ nhiệm các chức danh đạo và điều dưỡng trưởng. Cụ thể có các khoa phòng sau:

* Phòng: Phòng Tổ chức Hành chính; Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ; Phòng Điều dưỡng; Phòng Tài chính - Kế toán

* Khoa chuyên môn: Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS; Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng; Khoa Vệ sinh an toàn thực phẩm; Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản; Khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa (Răng Hàm Mặt-Mũi-Tai Mũi Họng); Khoa Hồi sức cấp cứu; Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm; Khoa Ngoại tổng hợp; Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng; Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn; Khoa Dược - Trang thiết bị y tế - Vật tư y tế - Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh

* Nhân lực: Tổng số có 110 cán bộ, công chức, viên chức. Trong đó có 01 công chức, 101 viên chức, 08 lao động theo hợp đồng.



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG AQUA VIỆT NAM

Đ/c: Số 11E, ngách 11A, cụm Ngạc Hà, P. Ngạc Hà, Q. Ba Đình, Hà Nội
VPGD: P701 Tòa Sankopaya Đai Diên, P. Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 6673 9797 - 8962 044 222

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- Khai thác, xử lý và cấp nước.

- Thuốt nước, xử lý nước thải,
xử lý khí thải.

- Xây lắp các công trình xử lý
môi trường.

**Chào mừng 72 năm Cách mạng Tháng Tám
và Quốc Khánh 2/9**

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ CHÍNH XÁC CÔNG NGHỆ VIỆT MỸ- METEC

Đ/c: Số 5C, ngõ 218/44 Lạc Long Quân, P. Bưởi, Q. Tây Hồ, Hà Nội
Tel: (+84) 4 32001162 - Fax: (+84) 4 32001137
Email: vmetecmaida@gmail.com - Website: vmetec.vn

Các sản phẩm chủ lực của công ty:



KHOAN TẬP LIỀN HOÀN
(MODEL: METEC TP-16-100A)



KHOAN DẬP LIỀN HOÀN
(MODEL: METEC TP-16-05A)



ĐÓ GA LIỀN
(MODEL: METEC DT-16-07)



ĐÓ GA KFM
(MODEL: METEC NS-16-7)



ĐÓ GA GIA CÔNG MÁY PHAY
(MODEL: METEC NS-16-08)



ĐÓ GA GIA CÔNG LIỀN HOÀN
(MODEL: METEC NS-16-100A)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 39 đường Phan Đăng Lưu thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Giám đốc: Hoàng Văn Hải - Điện thoại: 0238844208

Chào mừng

Kỷ niệm 72 năm Cách mạng tháng Tám
và Quốc khánh 2/9 nước Cộng hòa Xã hội
chủ nghĩa Việt Nam



BỆNH VIỆN ĐA KHOA YÊN KHÁNH

Địa chỉ: Khu phố 5, Thị trấn Yên Ninh - Huyện Yên Khánh - tỉnh Ninh Bình
Giám đốc: Bác sỹ Phan Sỹ Điển - Điện thoại: 0912.209.017



▲ Bệnh viện đa khoa huyện Yên Khánh



▲ Đội ngũ cán bộ, nhân viên tại bệnh viện



▲ Bệnh viện sử dụng trang thiết bị hiện đại trong quá trình khám chữa bệnh

Bệnh viện đa khoa huyện Yên Khánh được thành lập tháng 06/2012, là bệnh viện hạng III, với 70 giường bệnh, 08 khoa, 04 phòng chức năng, 01 phòng khám đa khoa khu vực Khánh Trung quy mô 10 giường bệnh, hiện đang còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất cũng như nhân lực. Trong những năm gần đây, Bệnh viện luôn chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ y bác sĩ, đầu tư cơ sở vật chất ngày càng làm hài lòng người bệnh.

Huyện Yên Khánh với dân số trên 143.000 người, là vùng nông thôn đang còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhu cầu được chăm sóc sức khỏe của người dân là rất lớn. Nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của đơn vị y tế tuyến huyện, Bệnh viện đa khoa huyện Yên Khánh đã có nhiều giải pháp nhằm đổi mới, tạo sự thuận lợi cho người dân đến khám và điều trị, không phải lên tuyến....

Trong 6 tháng đầu năm, bệnh viện đã tích cực triển khai các kỹ thuật mới, áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý và điều trị có hiệu quả, tăng cường quản lý và điều trị bệnh viện ngoại trú. Tổng số bệnh nhân nằm điều trị nội trú thường xuyên từ 150 đến 250 bệnh nhân. Tổng số bệnh nhân đến khám cấp thuốc trong một ngày từ 200 đến 300 lượt bệnh nhân.

Công tác khám, chữa bệnh tại bệnh viện đổi mới theo hướng hiện đại, thuận tiện. Bệnh viện đã sử dụng đầy đủ các trang thiết bị được trang bị như: máy xét nghiệm huyết học, máy siêu âm, máy điện tim,...; lắp đặt đưa vào triển khai kỹ thuật nội soi Tai mũi họng đạt hiệu quả cao. Đội ngũ y, bác sĩ được cử đi tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, hội thảo cập nhật kiến thức chuyên môn, nâng cao tay nghề.

Với những giải pháp cụ thể, thiết thực khắc phục những khó khăn thiếu thốn, bệnh viện đa khoa huyện Yên Khánh đã và đang từng bước khẳng định vai trò thiết yếu của mình đối với sức khỏe của người dân huyện Yên Khánh. Với mong muốn đem lại chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh tốt nhất, đảm bảo sự hài lòng cho người bệnh, bệnh viện sẽ không ngừng nỗ lực, phấn đấu không phụ niềm tin của người bệnh.



LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

CÔNG TY PHÁT TRIỂN SỐ 1

VIETNAMESE COOPERATIVE ALLIANCE - DEVELOPMENT LIMITED COMPANY NO 1

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN QUANG SẮT YÊN BÁI

Nhà máy Sắt Yên Bái thuộc làng Mỹ – Huyện Văn Chấn – Tỉnh Yên Bái.

Nhà máy Sắt – Làng Mỹ Yên Bái lấy nguyên liệu từ Mỏ Sắt làng Mỹ, với diện tích mỏ thuộc Công ty Phát triển số 1 quản lý là 72km². Chất liệu, nguyên liệu với các tiêu chuẩn phù hợp và đáp ứng thỏa mãn với các tiêu chuẩn của Thế giới. Với dây chuyền sản xuất hiện đại, công nghệ tiên tiến của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Khu vực chế biến có công suất 400.000 tấn thành phẩm/năm



STT	Chỉ tiêu phân tích	Ký hiệu chuẩn sử dụng	Hàm lượng (%)
1	SiO ₂	TCN01 - I PTH 94	3,58
2	Al ₂ O ₃	TCN01 - III PTH 94	0,27
3	TiO ₂	TCN01 - II PTH 94	<0,001
4	I.Te	QT SA 04- HH05	68,93
5	P	QT MA 03- HH05	<0,001
6	CaO	TCN01 - VII PTH 94	0,02
7	MgO	TCN01 - VIII PTH 94	0,35
8	K ₂ O	TCN09 - III HTDT 94	0,009
9	Na ₂ O	TCN09 - III HTDT 94	0,02
10	Cu	TCN01 - I HTDT 94	0,002
11	Zn	TCN01 - I HTDT 94	0,004
12	Mn	TCN01 - II PTH 94	0,19
13	MKN	TCN01 - VI PTH 94	<0,01
14	S	QT MA 04- HH05	<0,01



Đi cùng với sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến tinh bột sắt, Công ty TNHH Tinh bột sắt Kon Tum đã nỗ lực khắc phục nhiều khó khăn, từng bước vươn lên xây dựng thương hiệu. Theo đó, công ty đã cùng tỉnh nhà đóng góp tích cực vào nguồn ngân sách nhà nước, giải quyết công ăn việc làm cho nhiều lao động địa phương...

Công ty TNHH Tinh bột sắt Kon Tum là một đơn vị thành viên thuộc Công ty Cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. Những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, kịp thời của các cấp lãnh đạo, công ty đã không ngừng đổi mới, đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề, hướng đến nâng cao năng suất và cung cấp ra thị trường nguồn tinh bột sắt đảm bảo chất lượng. Thuận lợi hơn khi có được vùng nguyên liệu tập trung, trong đó khoảng 1 nghìn ha sản bán ngập thuộc lòng hồ thủy điện Yaly đã tạo cho

công ty lợi thế cạnh tranh nguyên liệu tốt và duy trì được tốc độ phát triển ổn định. Tính riêng năm 2016, công ty đã cung cấp cho thị trường gần 34.000 tấn tinh bột sắt cùng 5.391 tấn bã sắt khô. Hoạt động kinh doanh với mục tiêu phát triển bền vững, công ty luôn chú trọng tới sản phẩm sạch và chất lượng đáp ứng tốt nhất nhu cầu của thị trường. Nhờ thường xuyên cải tiến trang thiết bị, máy móc, sản phẩm tinh bột sắt của công ty ngày càng nâng cao về mặt chất lượng, được các khách hàng đánh giá cao, phục vụ tốt cho các ngành công nghiệp nhẹ và chế biến thực phẩm. Đi đôi với việc sản xuất kinh doanh thì công tác bảo vệ môi trường luôn được công ty chú trọng, hàng năm đầu tư chi phí thích đáng cho công tác xử lý môi trường. Kết quả thanh tra kiểm tra của các cấp cơ quan quản lý nhà nước đều ghi nhận công ty chấp hành tốt các quy định pháp luật về tài nguyên và môi trường. Hiện tại công ty đang đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đạt cột A QCVN:40/2011/BTNMT với tổng mức đầu tư dự kiến 9,5 tỷ đồng.

Tin rằng, với những hướng đi đúng đắn của mình, trong thời gian tới, Công ty TNHH Tinh bột sắt Kon Tum sẽ tiếp tục phát triển mở rộng, đưa những sản phẩm uy tín của mình không chỉ phục vụ tốt nhu cầu trong nước mà còn xuất khẩu sang nhiều nền kinh tế trên thế giới trong xu thế hội nhập sâu rộng của đất nước./.

CÔNG TY TNHH BỘT SẮT KON TUM

THỨ TRƯỞNG BỘ LĐTB-XH

THĂM TRƯỜNG MẦM NON NHỮNG BÔNG HOA NHỎ



(ĐN)- Chiều 14-1, đoàn công tác của Bộ Lao động – thương binh và xã hội (LĐTB-XH) do Thứ trưởng Doãn Mậu Diệp dẫn đầu đã đến thăm, làm việc với Trường mầm non Những bông hoa nhỏ (đóng tại xã Hóa An, TP. Biên Hòa). Đây là trường mầm non dành cho con của công nhân đầu tiên ở TP. Biên Hòa do công ty Pouchen Việt Nam tài trợ. Công ty Tư vấn giáo dục Sài Gòn chịu trách nhiệm hoạt động.

Tại buổi làm việc, Thứ trưởng Doãn Mậu Diệp bày tỏ niềm vui mừng, phấn khởi khi con em công nhân được học tập trong một ngôi trường được thiết kế đẹp, thân thiện với thiên nhiên. Ở đây, các cháu được giáo dục toàn diện cả về thể chất, thẩm mỹ lẫn trí tuệ với mức học phí rẻ.

Thứ trưởng Doãn Mậu Diệp cũng hoan nghênh Công ty Pouchen Việt Nam đã đầu tư xây dựng ngôi trường, san sẻ phần nào khó khăn với công nhân, giúp họ yên tâm làm việc, góp phần xây dựng công ty ngày một lớn mạnh. Đây cũng là một trong những cách làm nhằm chung tay thực hiện xã hội hóa giáo dục và an sinh xã hội.

BỐI CẢNH VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC THÀNH LẬP TRƯỜNG MẦM NON

Đây là ngôi trường mầm non do công ty Pou Chen đầu tư xây dựng tại xã Hóa An, tp Biên Hòa, tỉnh Đồng nai. Là ngôi trường dành cho con em của 23 ngàn công nhân của công ty tại đây theo học. Ngôi trường đã vinh dự được Bà Nguyễn Thị Doan, nguyên chủ tịch nước Việt Nam đặt cho tên gọi là: Trường mầm non Những Bông Hoa Nhỏ

Ngôi trường được xây dựng dựa trên nguyện vọng của HĐQT Tập đoàn Pou Chen, với ý nghĩa vô cùng thiết thực và lớn lao, cũng là cách thể hiện sự quan tâm, chăm sóc cho thế hệ tương lai của con em công nhân viên trong tập đoàn.

ĐIỂM NỔI BẬT

Là một trong mười ngôi trường mầm non đẹp nhất thế giới

Trường mầm non Những Bông Hoa Nhỏ của Pou Chen là một công trình 'xanh', được thiết kế với ý tưởng gắn gũi thiên nhiên, thân thiện môi trường. Ngôi trường phát huy tối đa lối kiến trúc gắn gũi thiên nhiên bằng cách sử dụng nguyên liệu tái chế, hệ thống nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời, giúp tiết kiệm tối đa năng lượng trong quá trình sử dụng. Đồng thời góp phần giáo dục cho các cháu về tầm quan trọng của việc tiết kiệm năng lượng ngay từ nhỏ.

Ngôi trường có tổng diện tích 10.650m², trong đó 70% diện tích là khuôn viên được phủ xanh bằng cây xanh. Trên tất cả các mái của phòng học đều được trồng các loại hoa, nên bên trong những phòng học sẽ thoáng mát về mùa hè và ấm áp về mùa đông. Ngôi trường được thiết kế và xây dựng dựa trên tiêu chuẩn công trình xanh của Việt Nam và tiêu chuẩn LEED quốc tế (Leadership in Energy & Environmental Design), bên trong các phòng học bảo đảm đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng khí, sử dụng hệ thống làm nước nóng bằng năng lượng mặt trời, sử dụng nguồn nước tái sử dụng đã qua xử lý của công ty để tưới cây.

Ngôi trường được thiết kế dựa trên ý tưởng bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng. Tháng 12 năm 2013 đã dành được giải thưởng LOTUS bạc do Hội đồng công trình xanh Việt Nam trao tặng.

Ngôi trường đã đạt được các giải thưởng sau:

1. 30 finalists of RIBA international award (UK) 2016
2. ARCASIA Award 2016, Hong Kong / Farming Kindergarten
3. AR school, finalist / Farming Kindergarten
4. IAA (International Architecture Awards) 2015 / Farming Kindergarten
5. Green Good Design, USA / Farming Kindergarten
6. National Architectural Prize (Vietnam), Jury award / Farming Kindergarten 2015
7. Building of the year 2014 on Archdaily, Educational Architecture category winner / Farming Kindergarten
8. World Architecture Festival (WAF) / Shortlist / Farming Kindergarten
9. FuturArc Prize, Professional category 2nd Prize / Farming Kindergarten 2014





CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

BINH DIEN FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY



Phân bón chuyên dùng cho lúa **Đầu Trâu A1 và A2**



Thích ứng với biến đổi khí hậu



VIỆN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG (IESE) TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG

Viện trưởng: PGS. TS. Nguyễn Việt Anh. Phó Viện trưởng: PGS. TS. Lều Thọ Bách

Địa chỉ: 114, H1, Trường Đại học Xây dựng, Số 55 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tel: (+84)-4-3869.1604; Fax: (+84)-4- 3869.3714; E-mail: anhnv@nuce.edu.vn; iese.nuce.2014@gmail.com; Website: www.iese.vn.

- Tiền thân của Viện KH&KTMT là Trung tâm Kỹ thuật Môi trường Đô thị và Khu công nghiệp (CEETIA), thành lập từ 1989. Năm 2007, Viện KH&KTMT được thành lập theo Quyết định số 8168/QĐ-BGDDĐT của Bộ GD&ĐT. Năm 2014, Viện KH&KTMT chuyển đổi sang hoạt động theo cơ chế tự hạch toán theo Nghị định 115/NĐ-CP.

CƠ CẤU TỔ CHỨC & NGUỒN NHÂN LỰC

- Viện có 50 cán bộ (trong đó có 2 GS.TSKH, 2 GS.TS, 10 PGS. TS, 6 TS, 14 ThS, 16 ĐH và CĐ) và trên 30 cộng tác viên.
- Tổ chức: Hội đồng Viện; Ban lãnh đạo Viện; Trạm Quan trắc môi trường (thuộc Mạng lưới QMTT Quốc gia); Phòng Thí nghiệm Môi trường; Phòng KHCN và HTQT; Phòng Nghiên cứu & Triển khai; Phòng Dự án & PT thị trường; Phòng Hành chính – Kế toán.

KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

Hoạt động chuyên môn	Kinh nghiệm
• Đào tạo (sau đại học, đại học), tập huấn	51 năm
• Nghiên cứu, triển khai về kỹ thuật môi trường	31 năm
• Điều tra, khảo sát, đánh giá ô nhiễm môi trường, quan trắc môi trường	26 năm
• Ứng dụng công nghệ mới trong thiết kế, lắp đặt và cải tạo các hệ thống kiểm soát ô nhiễm môi trường	26 năm



Hệ thống Cấp nhiệt - Điều hòa không khí trung tâm



Mô hình Bãi chôn lấp xanh



Hệ thống hồ sinh học & bãi lọc trồng cây kiểm soát sự cố, chỉ thị sinh học và xử lý bổ sung nước thải Công ty Formosa Hà Tĩnh do IESE chủ trì thiết kế, thi công (2017)

MỘT SỐ THÀNH TỰU NỔI BẬT

- Đào tạo được 5.000 KS Cấp thoát nước, Thông gió - cấp nhiệt, Vi khí hậu - Môi trường xây dựng, Môi trường đô thị và công nghiệp; trên 400 ThS Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; 23 Tiến sỹ Cấp thoát nước - Môi trường nước, Vi khí hậu & Môi trường khí, Công nghệ Môi trường, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng. Biên soạn nhiều giáo trình, tài liệu khoa học phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực môi trường.
- Tổ chức khoảng 220 khóa tập huấn ngắn hạn về quan trắc môi trường, quản lý môi trường, công nghệ xử lý nước và nước thải, quản lý vận hành và bảo dưỡng các công trình cấp thoát nước... cho cán bộ các địa phương, doanh nghiệp...
- Chủ trì thực hiện trên 10 nhiệm vụ KH&CN cấp Nhà nước, trên 200 nhiệm vụ cấp Bộ, Sở; trên 100 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành quốc tế, 350 bài trên các tạp chí chuyên ngành trong nước; hợp tác với hàng trăm tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.
- Thi công lắp đặt, chuyển giao công nghệ trên 300 công trình cấp thoát nước, xử lý nước cấp, nước thải, chất thải rắn, xử lý khí thải, xử lý nước rác,... ở trên khắp miền đất nước.
- Tham gia xây dựng, tư vấn phân biện nhiều chính sách, quy chuẩn, tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về BVMT, tham gia nhiều hoạt động chuyên môn về kiểm soát ô nhiễm, BVMT cùng các cơ quan quản lý Nhà nước.